

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SỬ 11

BÀI 1. NHẬT BẢN

Câu 1: Sau cuộc cải cách Minh Trị, tầng lớp Samurai chủ trương xây dựng nước Nhật bằng:

- A. Sức mạnh kinh tế.
- B. Sức mạnh áp chế về chính trị
- C. Sức mạnh quân sự.
- D. Truyền thống văn hóa lâu đời.

Câu 2: Nội dung nào được coi là nhân tố “chìa khóa” trong cải cách?

- A. Đổi mới giáo dục
- B. Thống nhất thị trường, tự do mua bán
- C. Xóa bỏ chế độ Mạc Phủ
- D. Đổi mới quân sự

Câu 3: Chủ nghĩa đế quốc Nhật mang đặc điểm gì ?

- A. Cho vay nặng lãi
- B. Phong kiến quân phiệt
- C. Quân phiệt hiếu chiến
- D. Đế quốc thực dân

Câu 4: Việc Nhật Bản tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược: Chiến tranh Đài Loan(1874), Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) đã chứng tỏ điều gì?

- A. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa
- B. Nhật Bản đủ sức cạnh tranh với các cường quốc lớn
- C. Thiên hoàng Minh Trị là một vị tướng cầm quân giỏi
- D. Cải cách Minh Trị giành thắng lợi hoàn toàn

Câu 5: Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã sử dụng chính sách hay biện pháp gì để ép Nhật Bản phải “mở cửa”?

- A. Đàm phán ngoại giao
- B. Tấn công xâm lược
- C. Áp lực quân sự
- D. Phá hoại kinh tế

Câu 6: Tại sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách?

- A. Để bảo vệ quyền lợi quý tộc phong kiến
- B. Để thoát khỏi nước phong kiến lạc hậu
- C. Để duy trì chế độ phong kiến
- D. Để tiêu diệt Tướng quân

Câu 7: Thực hiện những cải cách về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, mục đích chính của Thiên hoàng Minh Trị là gì?

- A. Giúp Nhật Bản thoát khỏi bị lệ thuộc vào phương Tây
- B. Đưa Nhật Bản phát triển mạnh như các nước phương Tây
- C. Đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng mộ nước phong kiến lạc hậu
- D. Biến Nhật Bản trở thành một cường quốc ở Châu Á

Câu 8: Nhật Bản chuyển sang giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa gắn liền với các cuộc chiến tranh xâm lược:

- A. Đài Loan, Trung Quốc, Pháp.
- B. Đài Loan, Trung Quốc, Nga.
- C. Đài Loan, Nga, Mĩ.
- D. Nga, Đức, Trung Quốc.

Câu 9: Chế độ Mạc Phủ ở Nhật Bản giữa thế kỉ XIX đứng trước nguy cơ và thử thách nghiêm trọng là:

- A. Các nước tư bản dùng vũ lực đòi Nhật Bản phải mở cửa
- B. Nhà Thanh -Trung Quốc chuẩn bị xâm lược
- C. Nhân dân trong nước nổi dậy chống đối
- D. Mâu thuẫn giữa các giai cấp ngày càng gay gắt.

Câu 10: Tháng 1-1868, một sự kiện nổi bật đã diễn ra ở Nhật Bản là

- A. Nhật Bản kí hiệp ước mở cửa cho Mĩ vào buôn bán
- B. Cuộc Duy tân Minh Trị bắt đầu
- C. Chế độ Mạc phủ sụp đổ
- D. Thiên hoàng Minh Trị lên ngôi

Câu 11: Tại sao gọi cải cách của Minh Trị là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- A. Chưa xóa bỏ những bất bình đẳng với đế quốc
- B. Liên minh quý tộc – tư sản nắm quyền
- C. Nông dân được phép mua bán ruộng đất
- D. Giai cấp tư sản chưa thật sự nắm quyền

Câu 12: Nhật Bản xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là gì?

- A. Tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng
- B. Tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.
- C. Chạy đua vũ trang với các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.

Câu 13: Điểm khác biệt của xã hội phong kiến Nhật Bản so với xã hội phong kiến Việt Nam nằm giữa thế kỉ XIX là

- A. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong nông nghiệp
- B. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng
- C. Kinh tế hàng hóa phát triển, công trường thủ công xuất hiện
- D. Sự tồn tại nhiều thương điểm buôn bán của các nước phương Tây

Câu 14: Việt Nam có thể học tập bài học kinh nghiệm nào từ cuộc Duy tân Minh Trị để vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

- A. Tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ của thế giới, thay đổi cái cũ cho phù hợp với điều kiện của đất nước
- B. Xóa bỏ; tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ, thành tựu của thế giới
- C. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên
- D. Dựa vào sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân để tiến hành thành công công cuộc đổi mới đất nước

Câu 15: Điểm tiến bộ nhất trong cải cách về chính trị ở Nhật Bản năm 1868 là gì?

- A. Thực hiện chính sách hòa hợp giữa các dân tộc
- B. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân
- C. Xác định vai trò làm chủ của nhân dân lao động
- D. Thủ tiêu hoàn toàn chế độ người bóc lột người

Câu 16: Vai trò của các công ty độc quyền ở Nhật Bản?

- A. Chi phối, lũng đoạn cả kinh tế lẫn chính trị.
- B. Lũng đoạn về chính trị
- C. Làm chủ tư liệu sản xuất trong xã hội
- D. Chi phối nền kinh tế.

Câu 17: Đến giữa thế kỉ XIX, vị trí tối cao ở Nhật Bản thuộc về

- A. Sôgun (Tướng quân)
- B. Nữ hoàng
- C. Thiên hoàng
- D. Thủ tướng

Câu 18: Sự bóc lột của giai cấp tư sản Nhật Bản đã dẫn đến hậu quả:

- A. Tư sản phương Tây tìm cách xâm nhập vào Nhật Bản
- B. Công nhân Nhật Bản tìm cách ra nước ngoài
- C. Công nhân bỏ làm nên thiếu lao động
- D. Phong trào đấu tranh của công nhân tăng.

Câu 19: Hai công ty độc quyền đầu tiên ở Nhật Bản là?

- A. Honda và Panasonic.
- B. Honda và Mit-xui.
- C. Panasonic và Mít-su-bi-si.
- D. Mit- xui và Mít-su-bi-si.

Câu 20: Tính chất của cuộc Duy tân năm 1868 ở Nhật?

- A. Cách mạng tư sản
- B. Chiến tranh đế quốc phi nghĩa
- C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
- D. Cách mạng tư sản không triệt để

Câu 21: Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản là một quốc gia

- A. Công nghiệp phát triển
- B. Tư bản chủ nghĩa
- C. Phong kiến quân phiệt
- D. Phong kiến trì trệ, bảo thủ

Câu 22: Những mâu thuẫn gay gắt về kinh tế, chính trị, xã hội ở Nhật Bản giữa thế kỉ XIX là do

- A. Làn song phản đối và đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân
- B. Áp lực quân sự ép “mở cửa” của các nước phương Tây
- C. Sự chống đối của giai cấp tư sản đối với chế độ phong kiến
- D. Sự tồn tại và kìm hãm của chế độ phong kiến Mạc phủ

BÀI 2. ẤN ĐỘ

Câu 1: Sự kiện nào được nhân dân Ấn Độ coi là ngày “quốc tang”?

- A. Đảng Quốc đại tan rã
- B. Đạo luật chia cắt Benga bắt đầu có hiệu lực
- C. Tilắc bị bắt
- D. Khởi nghĩa Bombay thất bại

Câu 2: Phong trào dân tộc ở Ấn Độ phải tạm ngừng vì

- A. Chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự can thiệp từ bên ngoài
- B. Sự đàn áp của thực dân Anh và sự thoả hiệp của Đảng quốc đại
- C. Sự đàn áp của thực dân Anh và B.Tilắc đã bị bắt
- D. Chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hóa của Đảng Quốc đại

Câu 3: Phương pháp đấu tranh mà Đảng Quốc đại áp dụng trong 20 năm đầu (1885 – 1905) là:

- A. Bạo động
- B. Ôn hòa.
- C. Bất bạo động.
- D. Công khai.

Câu 4: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc thành lập Đảng Quốc đại ở Ấn Độ (1885):

- A. Đánh dấu sự thắng lợi của giai cấp tư sản Ấn Độ trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- B. Đánh dấu thời kì đấu tranh mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ.
- C. Giai cấp tư sản Ấn Độ nắm ngọn cờ cách mạng.
- D. Đánh dấu một giai đoạn mới – giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

Câu 5: Điểm giống nhau cơ bản trong chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ và của thực dân Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. Đầu tư phát triển công nghiệp ở thuộc địa
- B. Điều thực hiện chế độ cai trị trực trị, cai trị trực tiếp, chia để trị
- C. Thực hiện chế độ cai trị gián trị, cai trị gián tiếp thông qua bộ máy chính quyền tay sai
- D. Điều thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc phục vụ công cuộc khai thác

Câu 6: Ý nào không phải là chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ?

- A. Khai gợi sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, đẳng cấp trong xã hội
- B. Mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ
- C. Chia để trị, chia rẽ người Ấn với các dân tộc khác ở Ấn Độ
- D. Du nhập và tạo điều kiện cho sự phát triển của Thiên Chúa giáo ở Ấn Độ

Câu 7: Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đầu thế kỷ XX, mang tính chất:

- A. dân chủ
- B. độc lập, dân chủ
- C. độc lập dân tộc
- D. dân quyền, dân sinh

Câu 8: Đến giữa thế kỷ XIX, Ấn Độ là thuộc địa của thực dân nào?

- A. Pháp
- B. Tây Ban Nha
- C. Bồ Đào Nha
- D. Anh

Câu 9: Nguyên nhân khiến thực dân Anh không chấp nhận yêu cầu về chính trị, kinh tế, văn hóa của Đảng Quốc đại là muốn

- A. Giai cấp tư sản Ấn Độ phải thỏa hiệp với chính quyền thực dân Anh
- B. Kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản Ấn Độ để dễ bề sai khiến
- C. Duy trì sự bảo thủ, lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của thuộc địa để dễ bề cai trị
- D. Tư sản Ấn Độ phải luôn phục tùng chính quyền thực dân Anh về mọi mặt

Câu 10: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa ở Bombay (1908) là do nhân dân phản đối

- A. Đạo luật chia đôi xứ Ben-gan
- B. Bản án 6 năm tù đối với Tilắc
- C. Đời sống nhân dân cực khổ
- D. Chính sách chia để trị

Câu 11: Từ giữa thế kỷ XIX, thành phần xã hội dần dần đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội ở Ấn Độ là

- A. Địa chủ và tư sản
- B. Giai cấp công nhân
- C. Giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức
- D. Tư sản và công nhân

Câu 12: Để tạo chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình tại Ấn Độ, thực dân Anh đã thực hiện thủ đoạn gì?

- A. Chia để trị.
- B. Loại bỏ các thế lực chống đối
- C. Dung dưỡng giai cấp tư sản Ấn Độ
- D. Câu kết với các chúa phong kiến Ấn Độ

Câu 13: Đảng Quốc đại (Ấn Độ) là chính đảng của giai cấp nào ?

- A. Công nhân
- B. Nông dân
- C. Tư sản
- D. Thị dân

Câu 14: Xã hội Ấn Độ suy yếu từ đầu thế kỷ XVII là do cuộc tranh giành quyền lực giữa

- A. Các chúa phong kiến
- B. Phong kiến và nông dân.
- C. Tư sản và phong kiến.
- D. Địa chủ và tư sản

Câu 6

Câu 15: Nguyên vọng nào của giai cấp tư sản Ấn Độ đã không được thực dân Anh chấp nhận?

- A. Cạnh tranh bình đẳng với tư sản Anh ở Ấn Độ
- B. Tham gia chính quyền và hợp tác với tư sản Anh
- C. Tự do phát triển kinh tế và tham gia chính quyền
- D. Chính phủ Anh đầu tư vốn để phá triển sản xuất

Câu 16: Việc làm nào của giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ cho thấy vai trò quan trọng của họ trong đời sống xã hội từ giữa thế kỷ XIX?

- A. Mở xí nghiệp dệt và làm đại lý cho các hãng buôn của Anh
- B. Xây dựng các khu công nghiệp quy mô của người Ấn
- C. Đầu tư khai thác mỏ, cạnh tranh với tư sản Anh
- D. Thành lập xưởng đóng tàu và làm đại lý vận tải cho hãng tàu của Anh

Câu 17: Điểm khác biệt giữa cao trào cách mạng 1905 – 1908 với các phong trào trước đó ở Ấn Độ là

- A. Có quy mô lớn, nêu cao khẩu hiệu đấu tranh “Ấn Độ của người Ấn Độ”
- B. Diễn ra dưới hình thức một cuộc tổng bãi công, lan rộng ra nhiều thành phố
- C. Có sự tham gia đông đảo của hàng vạn công nhân ở nhiều thành phố trên cả nước
- D. Do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc, đấu tranh cho một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ

Câu 18: Ý nào không phải là chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ?

- A. Du nhập và tạo điều kiện cho sự phát triển của Thiên Chúa giáo ở Ấn Độ
- B. Mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ
- C. Chia để trị, chia rẽ người Ấn với các dân tộc khác ở Ấn Độ
- D. Khơi gợi sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, đẳng cấp trong xã hội

Câu 19: Sự kiện thổi bùng làn sóng đấu tranh phản đối đạo luật chia cắt xứ Ben- gan (7/1905) của chính quyền Anh diễn ra chủ yếu ở đâu:

- A. Bom-bay và Can-cút-ta
- B. Bom-bay
- C. Ma-đrát
- D. Can-cút-ta

BÀI 3. TRUNG QUỐC

Câu 1: Điều ước Tân Sửu (1901) đánh dấu

- A. Các nước đế quốc đã chia sẻ xong “cái bánh ngọt” Trung Quốc
- B. Trung Quốc trở thành thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây
- C. Triều đình Mãn Thanh đầu hàng hoàn toàn, nhà nước phong kiến Trung Quốc sụp đổ
- D. Trung Quốc bị biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến

Câu 2: Đầu thế kỷ XX, phong trào cách mạng ở Trung Quốc phát triển theo khuynh hướng nào?

- A. Tự do dân chủ
- B. Dân chủ tư sản
- C. Phong kiến
- D. Vô sản

Câu 3: Lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XX là

- A. Hồng Tú Toàn
- B. Lương Khải Siêu
- C. Khang Hữu Vi
- D. Tôn Trung Sơn

Câu 4: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến thất bại của phong trào Nghĩa Hòa đoàn là gì?

- A. Bị liên quân 8 nước đế quốc đàn áp
- B. Thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí
- C. Triều đình Mãn Thanh bắt tay với các nước đế quốc cùng đàn áp
- D. Không nhận được sự ủng hộ của nhân dân

Câu 5: Trung Quốc Đồng minh hội là chính đảng của giai cấp nào ?

- A. Vô sản
- B. Tư sản và vô sản
- C. Nông dân
- D. Tư sản dân tộc

Câu 6: Nội dung chính của Điều ước Tân Sửu (1901) là

- A. Trả lại cho nhà Thanh một số vùng đất và các nước đế quốc được phép chiếm đóng Bắc Kinh
- B. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước chiếm đóng Bắc Kinh
- C. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và mở cửa tự do cho người nước ngoài vào Trung Quốc buôn bán
- D. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và cắt đất cho các nước đế quốc thiết lập các vùng địa giới

Câu 7: Ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) là:

- A. lật đổ sự thống trị của giai cấp phong kiến và đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền
- B. giải quyết ruộng đất cho nông dân, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc và có ảnh hưởng nhất định đến một số nước ở châu Á, trong đó có Việt Nam
- C. lật đổ triều đại Mãn Thanh, thiết lập một triều đại phong kiến mới tốt đẹp hơn
- D. Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á

Câu 8: Ý nào không phải là ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911)?

- A. Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ phong kiến ở Trung Quốc
- B. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
- C. Chấm dứt sự thống trị của các nước đế quốc ở Trung Quốc
- D. Tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước Châu Á

Câu 9: Người khởi xướng cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

- A. Khang Hữu Vi và Tôn Trung Sơn
- B. Hồng Tú Toàn và Lương Khải Siêu
- C. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu
- D. Từ Hi Thái hậu và Khang Hữu Vi

Câu 10: Cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc phát triển chủ yếu trong lực lượng nào?

- A. Đông đảo nhân dân
- B. Giai cấp địa chủ phong kiến
- C. Tầng lớp quan lại, sĩ phu có tư tưởng tiên tiến
- D. Tầng lớp công nhân vừa mới ra đời

Câu 11: Chính sách tiến bộ nhất của chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh) là

- A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ
- B. Xóa bỏ sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến
- C. Thực hiện chính sách bình quân ruộng đất, bình quyền nam nữ
- D. Ban hành loại thuế khóa mới cho nhân dân

Câu 12: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự thất bại nhanh chóng của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là gì?

- A. Sự chống đối, đàn áp của phái thủ cựu do Từ Hi Thái hậu đứng đầu
- B. Chưa được chuẩn bị kỹ về mọi mặt
- C. Không dựa vào lực lượng nhân dân
- D. Những người lãnh đạo chưa có nhiều kinh nghiệm

Câu 13: Mục đích chính của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là gì?

- A. Khẳng định vai trò quan lại, sĩ phu tiên tiến
- B. Đưa Trung Quốc phát triển, thoát khỏi tình trạng bị các nước đế quốc xâm lược
- C. Thực hiện những cải cách tiến bộ để cải thiện đời sống nhân dân
- D. Đưa Trung Quốc phát triển thành một cường quốc ở Châu Á

Câu 14: Thành quả lớn nhất của cuộc Cách mạng Tân Hợi do Trung Quốc Đồng minh hội lãnh đạo là gì?

- A. Buộc các nước đế quốc phải xóa bỏ hiệp ước bất bình đẳng đã kí
- B. Thành lập Trung Hoa Dân quốc
- C. Đem lại ruộng đất cho nông dân nghèo
- D. Công nhận quyền bình đẳng và quyền tự do cho mọi công dân

Câu 15: Tính chất của cuộc cách mạng Tân Hợi

- A. Cách mạng tư sản không triệt để
- B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- C. Cách mạng tư sản.
- D. Cách mạng vô sản.

Câu 16: Chính sách tiến bộ nhất của chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh) là

- A. Thực hiện chính sách bình quân ruộng đất, bình quyền nam nữ
- B. Ban hành loại thuế khóa mới cho nhân dân
- C. Thực hiện các quyền ự do dân chủ
- D. Xóa bỏ sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến

Câu 17: Việt Nam chịu ảnh hưởng đậm nét tư tưởng “Tam dân” của ai?

- A. Tôn Trung Sơn
- B. Lương Khải Siêu
- C. Quang Tự
- D. Khang Hữu Vi

Câu 18: Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc là

- A. Xây dựng được chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh)
- B. Xóa bỏ sự tồn tại của chế độ phong kiến
- C. Mở rộng căn cứ khởi nghĩa ra khắp cả nước
- D. Buộc các nước đế quốc phải thu hẹp vùng chiếm đóng

BÀI 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX)

Câu 1: Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Campuchia năm 1863?

- A. Chính phue Campuchia kí hiệp ước thừa nhận trở thành thuộc địa của Pháp
- B. Cuộc khởi nghĩa của Acha Xoa phát triển mạnh mẽ ở vùng biên giới giáp Việt Nam
- C. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha bùng nổ mạnh mẽ, lan rộng khắp cả nước
- D. Thực dân Pháp buộc Campuchia phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng

Câu 2: Kết quả lớn nhất mà cuộc khởi nghĩa Phacađuốc ở Lào mang lại là

- A. Giải phóng cao nguyên Bôlôven và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- B. Giải phóng Xavannakhét và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- C. Giải phóng Luông Phabang và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- D. Giải phóng Uđông và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào

Câu 3: Ở Giữa thế kỉ XIX các nước Đông Nam Á đang tồn tại dưới chế độ xã hội nào?

- A. Chiếm hữu nô lệ
- B. Xã hội chủ nghĩa
- C. Tư bản
- D. Phong kiến

Câu 4: Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân 3 nước trên bán đảo Đông Dương vào cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX đều thất bại vì ?

- A. Thực dân Pháp thi hành chính sách chia để trị
- C. Phong trào nổ ra chưa thống nhất
- B. Chưa có một tổ chức Đảng lãnh đạo
- D. Nhân dân 3 nước Đông Dương chưa hợp tác kháng chiến

Câu 5: Thực dân Pháp đã chiếm những quốc gia nào ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX?

- A. Xiêm (Thái Lan), Indônêxia
- B. Philippin, Brunây, Xingapo
- C. Việt Nam, Lào, Campuchia
- D. Malaixia, Miến Điện (Mianma)

Câu 6: Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự thất bại của các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Đông Dương cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Thiếu đường lối đúng đắn và thiếu tổ chức mạnh
- B. Lực lượng quân Pháp ở Đông Dương rất mạnh, đủ sức đàn áp phong trào
- C. Mang tính tự phát
- D. Chưa có sự đoàn kết, phối hợp đấu tranh

Câu 7: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia là

- A. Ách thống trị của thực dân Pháp gây nên nổi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân
- B. Ách áp bức bóc lột của chế độ phong kiến
- C. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp đàn áp nhân dân
- D. Thái độ nhu nhược của triều đình đối với quân Xiêm

Câu 8: Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị các nước đế quốc biến thành thuộc địa vì

- A. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo
- B. Tiến hành cải cách để phát triển nguồn lực đất nước, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo
- C. Thực hiện chính sách dựa vào các nước lớn
- D. Chấp nhận kí kết các hiệp ước bất bình đẳng với các đế quốc Anh, Pháp

Câu 9: Cuộc cải cách của Ra-ma V mang tính chất là:

- A. Cách mạng tư sản không triệt để
- B. Cách mạng tư sản kiểu mới
- C. Cách mạng tư sản kiểu cũ
- D. Cải cách theo hướng phương Tây

Câu 10: Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự thất bại của các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Đông Dương cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Mang tính tự phát
- B. Lực lượng quân Pháp ở Đông Dương rất mạnh, đủ sức đàn áp phong trào
- C. Thiếu đường lối đúng đắn và thiếu tổ chức mạnh
- D. Chưa có sự đoàn kết, phối hợp đấu tranh

Câu 11: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa ở Campuchia bùng nổ cuối thế kỉ XIX là do

- A. Chính sách thống trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp
- B. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp
- C. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến
- D. Nhân dân bất bình trước thái độ nhu nhược của hoàng tộc

Câu 12: Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia cuối thế kỉ XIX nổ ra mạnh nhất ở đâu?

- A. Xiêm Riệp và U đông
- B. Udông và Phnôm Pênh
- C. Khăm Muộn và Xiêm Riệp
- D. Phnôm Pênh và Khăm Muộn

Câu 13: Cuộc khởi nghĩa được xem là biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia là

- A. Hoàng thân Sivôtha
- B. Commađam
- C. Acha Xoa
- D. Pucômbô

Câu 14: Trong quá trình thực hiện cải cách, vua Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến vấn đề nào nhất?

- A. Kinh tế
- B. Xã hội
- C. Ngoại giao
- D. Chính trị

Câu 15: Năm 1887, đường xe điện được xây dựng sớm nhất Đông Nam Á tại nước nào?

- A. Myanma
- B. Lào
- C. Việt Nam
- D. Xiêm (Thái Lan)

Câu 16: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia là

- A. Thái độ nhu nhược của triều đình đối với quân Xiêm
- B. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp đàn áp nhân dân
- C. Ách thống trị của thực dân Pháp gây nên nổi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân
- D. Ách áp bức bóc lột của chế độ phong kiến

Câu 17: Năm 1893, sự kiện nào đã diễn ra liên quan đến vận mệnh của nước Lào?

- A. Nghĩa quân Phacađuốc quyết định lập căn cứ tại tỉnh Xavannakhét
- B. Nghĩa quân của Phacađuốc giải phóng được tỉnh Xavannakhét
- C. Các đoàn hám hiêm của Pháp bắt đầu xâm nhập nước Lào
- D. Chính phủ Xiêm kí hiệp ước thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào

Câu 18: Năm 1864, nghĩa quân của Acha Xoa đã chiếm được vùng đất nào ở Campuchia?

- A. Phnôm Pênh B. Paman C. Campôt D. Uđông

Câu 19: Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị các nước đế quốc biến thành thuộc địa vì

- A. Chấp nhận kí kết các hiệp ước bất bình đẳng với các đế quốc Anh, Pháp
B. Thực hiện chính sách dựa vào các nước lớn
C. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo
D. Tiến hành cải cách để phát triển nguồn lực đất nước, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo

Câu 20: Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Campuchia năm 1884?

- A. Cuộc khởi nghĩa của Acha Xoa phát triển mạnh mẽ ở vùng biên giới giáp Việt Nam
B. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha bùng nổ mạnh mẽ, lan rộng khắp cả nước
C. Chính phủ Campuchia kí hiệp ước thừa nhận trở thành thuộc địa của Pháp
D. Thực dân Pháp buộc Campuchia phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng

Câu 21: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa ở Campuchia bùng nổ cuối thế kỉ XIX là do

- A. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp
B. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến
C. Nhân dân bất bình trước thái độ nhu nhược của hoàng tộc
D. Chính sách thống trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp

Câu 22: Nước nào ở Đông Nam Á là thuộc địa của thực dân phương Tây sớm nhất ?

- A. Lào B. Việt Nam C. Indonesia D. Cam pu chia

Câu 23: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia là

- A. Ách thống trị của thực dân Pháp gây nên nổi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân
B. Ách áp bức bóc lột của chế độ phong kiến
C. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp đàn áp nhân dân
D. Thái độ nhu nhược của triều đình đối với quân Xiêm

Câu 24: Kết quả lớn nhất mà cuộc khởi nghĩa Phacaduốc ở Lào mang lại là

- A. Giải phóng Xavannakhét và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
B. Giải phóng cao nguyên Bôlôven và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
C. Giải phóng Uđông và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
D. Giải phóng Luông Phabang và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào

Bài 6. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918).

Câu 1: Đức sử dụng chiến lược nào trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đánh cầm cự, vừa đánh vừa đàm phán C. Đánh nhanh thắng nhanh/đánh chớp nhoáng
B. Đánh lâu dài để gìn giữ lực lượng D. Tiến công thẳng vào các đối thủ thuộc phe Hiệp ước

Câu 2: Sự kiện lịch sử thế giới nổi bật vào năm 1914 là

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ B. Hội nghị Oasinhton được tổ chức tại Mỹ
C. Hội nghị Vesexai được khai mạc tại Pháp D. Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ

Câu 3: Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến lớn của cục diện chính trị thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chính phủ mới được thành lập ở Đức
B. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện
C. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước Xô viết được thành lập
D. Cách mạng bùng nổ mạnh mẽ ở Đức

Câu 4: Nội dung nào chi phối giai đoạn 2 của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Mĩ tuyên chiến với Đức, chính thức tham chiến và đứng về phe Hiệp ước
- B. Tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do trên biển, tấn công phe Hiệp ước
- C. Cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga
- D. Đức dồn lực lượng, quay lại đánh Nga và loại Italia ra khỏi vòng chiến

Câu 5: Đức đã làm gì để cắt đứt đường tiếp tế trên biển của phe Hiệp ước?

- A. Ném bom và thả hơi độc
- B. Sử dụng tàu ngầm
- C. Sử dụng máy bay trinh sát và ném bom
- D. Mai phục và tiêu diệt

Câu 6: Mĩ tham chiến cùng với phe Hiệp Ước trong giai đoạn thứ hai của cuộc chiến mục đích gì?

- A. Chia lợi trong cuộc chiến sắp kết thúc
- B. Tiêu diệt tên trùm chiến tranh Đức
- C. Đòi lại quyền lợi cho các nước Anh, Pháp, Nga
- D. Giúp các nước đánh bại quân Đức

Câu 7: Kết quả của chiến tranh thế giới thứ nhất mà hai phe không ngờ tới là

- A. 10 triệu người chết, 20 triệu người bị thương
- B. Sự thất bại của phe Liên minh
- C. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga
- D. Chi phí chiến tranh là 85 tỉ đô-la.

Câu 8: Chủ trương của giới cầm quyền Đức trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

- A. Tiến hành các cuộc chiến tranh nhằm giành giật thuộc địa, chia lại thị trường
- B. Liên minh với các nước đế quốc
- C. Gây chiến với các nước đế quốc láng giềng
- D. Chủ động đàm phán với các nước đế quốc

Câu 9: Sự kiện nào đánh dấu kết thúc giai đoạn 1 của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Sau cuộc tấn công Nga quyết liệt của quân Đức – Áo – Hung (1915)
- B. Chiến dịch tấn công Vécdoong của Đức thất bại (12 – 1916)
- C. Cả hai bên đưa vào cuộc chiến những phương tiện chiến tranh mới như xe tăng, máy bay trinh sát, ném bom (1915)...
- D. Pháp phản công và giành thắng lợi (9 – 1914)

Câu 10: Mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc “già” và các nước đế quốc “trẻ” cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX chủ yếu vì

- A. Vấn đề thuộc địa
- B. Chiến lược phát triển kinh tế
- C. Mâu thuẫn trong chính sách đối ngoại
- D. Sở hữu vũ khí và phương tiện chiến tranh mới

Câu 11: Ý nào sau đây không phải là kết cục của chiến tranh thế giới thứ nhất ở giai đoạn đầu (1914 – 1916):

- A. Mâu thuẫn xã hội trong các nước tham chiến ngày càng gay gắt
- B. Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ và giành thắng lợi
- C. Bọn trùm công nghiệp chiến tranh giàu lên nhanh chóng
- D. Nhân dân lao động lâm vào cảnh khốn cùng

Câu 12: Tác động của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đến tình hình Châu Âu là gì?

- A. Phá hủy nhiều công trình, cơ sở hạ tầng
- B. Châu Âu trở thành con nợ của Mĩ, Mĩ giàu có nhờ chiến tranh
- C. Nhân dân các nước tham chiến gánh hậu quả nặng nề
- D. Kinh tế rơi vào tình trạng kiệt quệ, khó phục hồi sau chiến tranh

Câu 13: Trong quá trình chiến tranh, cách mạng Tháng mười Nga thắng lợi với sự thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á, trong đó có:

- A. Hàn Quốc
- B. Xiêm (Thái Lan)
- C. Nhật Bản
- D. Trung Quốc

Câu 14: Đức là kẻ hung hãn nhất trong cuộc đua giành thuộc địa cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX vì

- A. Nền kinh tế phát triển mạnh nhất Châu Âu
- B. Nước Đức có lực lượng quân đội hùng mạnh, được huấn luyện đầy đủ
- C. Giới quân phiệt Đức tự tin có thể chiến thắng các đế quốc khác
- D. Có tiềm lực kinh tế, quân sự nhưng lại ít thị trường, thuộc địa

Câu 15: Mở đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây để dự định nhanh chóng đánh bại

- A. Anh, rồi quay sang tấn công Nga
- B. Ba Lan, rồi quay sang tấn công Nga
- C. Bỉ, rồi quay sang tấn công Nga
- D. Pháp, rồi quay sang tấn công Nga

Câu 16: Đến năm 1917, yếu tố nào tác động để Mỹ quyết định đứng về phe Hiệp ước trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Các nước Đức – Áo – Hung đã suy yếu
- B. Có đủ khả năng chi phối Hiệp ước
- C. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ phát triển mạnh
- D. Phong trào cách mạng ở các nước dâng cao

Câu 17: Yếu tố nào đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Hệ thống thuộc địa không đồng đều
- B. Việc sở hữu các loại vũ khí có tính sát thương cao
- C. Tiềm lực quân sự của các nước tư bản phương Tây
- D. Sự phát triển không đều về kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản

Câu 18: Tính chất của chiến tranh thế giới thứ nhất là :

- A. Phi nghĩa thuộc về phe Liên minh
- B. Phi nghĩa thuộc về phe Hiệp ước
- C. Chính nghĩa về các nước thuộc địa
- D. Chiến tranh đế quốc xâm lược, phi nghĩa

Câu 19: Những nước nào tham gia phe hiệp ước?

- A. Anh, Pháp, Nga
- B. Mỹ, Đức, Nga
- C. Anh, Pháp, Đức
- D. Anh, Pháp, Mỹ

Câu 20: Sự kiện nào đánh dấu sự thất bại của kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Đức trong giai đoạn đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Quân Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông, cùng quân Áo – Hung tấn công Nga quyết liệt
- B. Quân Đức tấn công Bỉ, chặn con đường ra biển, không cho quân Anh sang tiếp viện
- C. Quân Pháp phản công giành thắng lợi, quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu
- D. Quân Nga tấn công vào Đông Phổ, buộc Đức phải điều quân từ mặt trận phía Tây về chống lại quân Nga

Câu 21: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa tư sản với chúa phong kiến ở các nước tư bản
- B. Thái tử Áo – Hung bị một người yêu nước Xécbi ám sát
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân ở các nước tư bản
- D. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội

BÀI 7. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI.

Câu 1: Nơi tụ hội nhiều nhà văn hóa lớn của thế giới cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX là

- A. Mađorít (Tây Ban Nha)
- B. Pari (Pháp)
- C. Xanh pêtéc-bua (Nga)
- D. Luân Đôn (Anh)

Câu 2: Ta-go là nhà văn hóa lớn của Ấn Độ, ông đã đạt giải Nôben văn học vào năm nào?

- A. Năm 1913
- B. Năm 1915
- C. Năm 1914
- D. Năm 1912

Câu 3: Được xem như “Những người đi trước dọn đường cho Cách mạng Pháp năm 1789 thắng lợi” là

- A. Soạn nhạc kịch cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII
- B. Khai sáng ở thế kỉ XVII – XVIII
- C. Văn, nhà thơ cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII
- D. Triết học cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII

Câu 4: Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến tình hình văn hóa thế giới từ đầu thời cận đại đến đầu thế kỉ XX?

- A. Sự giao lưu của các nền văn hóa
- B. Sự xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn
- C. Những biến động của lịch sử từ đầu thời cận đại đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX
- D. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ

Câu 5: Tiểu thuyết “Những người khốn khổ” là của tác giả nào?

- A. Mác- Tuên
- B. Vích-to Huy- gô
- C. Lép-tôn-xtôi
- D. La-phông-ten

Câu 6: Tác phẩm “Đừng động vào tôi” của nhà thơ Hô-xê Ri-dan đã phản ánh cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân

- A. Singapo
- B. Mã Lai
- C. Philippin
- D. Lào

Câu 7: Tác phẩm nào sau đây không phải là sáng tác của nhà văn Lép-tôn-xtôi (Nga):

- A. An-na Ka-rê-ni-a.
- B. Những người khốn khổ.
- C. Chiến tranh và hòa bình.
- D. Phục sinh.

Câu 8: Chọn ý đúng nhất để hoàn thiện đoạn tư liệu về các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu của nước Pháp buổi đầu thời cận đại:

“Cooc-nây (1606 – 1684) là đại biểu xuất sắc cho nền..... cổ điển Pháp. Laphôngten (1621 – 1695) là nhà ngụ ngôn và..... cổ điển Pháp. Molie (1622- 1673) là tác giả nổi tiếng của nền..... cổ điển Pháp...”

- A. Bi kịch... nhà thơ...hài kịch
- B. Chính kịch...bi kịch...hài kịch
- C. Bi kịch...nhà văn...hài kịch
- D. Bi kịch...nhà văn...chính kịch

Câu 9: Thơ Dâng là tác phẩm văn học đạt giải Nôben năm 1913 vì đã thể hiện

- A. Tình yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc
- B. Lòng yêu nước, yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc
- C. Lòng yêu nước, đấu tranh vì nền hòa bình của nhân loại
- D. Tinh thần dân tộc và tinh thần nhân đạo sâu sắc

Câu 10: Hô-xê-Ri-dan là nhà văn, nhà thơ lớn của Philippin với tác phẩm nổi tiếng là gì?

- A. Cô bé bán diêm.
- B. Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoay-ơ.
- C. Đừng động vào tôi.
- D. Nhật ký người điên.

Câu 11: Nhà soạn nhạc nổi tiếng người Áo thời Cận đại là ai?

- A. Mô-da
- B. Lê-vi-tan
- C. Trai-cốp-xki
- D. Bét-tô-ven

Câu 12: Hoạt động trên lĩnh vực nghệ thuật, các nhà văn, nhà thơ đều thực hiện nhiệm vụ

- A. Phản ánh khá đầy đủ, toàn diện hiện thực xã hội
- B. Bảo vệ những người nghèo khổ
- C. Phản ánh đời sống của nhân dân lao động
- D. Đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột

Câu 13: Bản giao hưởng số 3, số 5, số 9 nổi tiếng của nhà soạn nhạc nào thời Cận đại?

- A. Mô-da
- B. Lê-vi-tan
- C. Bét-tô-ven
- D. Trai-cốp-xki

Câu 14: Coóc-nây (1606 – 1684) là đại biểu xuất sắc cho nền văn học nào?

- A. Nền bi kịch cổ điển Pháp
- B. Nền hài kịch cổ điển Pháp
- C. Nhà văn
- D. Nhà thơ

Câu 15: Hãy sắp xếp tên tác giả cho phù hợp với tên các tác phẩm sau:

1. Những người khốn khổ
2. Những cuộc phiêu lưu của Tô-mê Xoay-ơ
3. Chiến tranh và hòa bình

D. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng.

Câu 9: Ý nghĩa to lớn nhất của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là:

- A. Nhân dân Nga được giải phóng hoàn toàn và làm chủ vận mệnh của mình.
- B. Cổ vũ và để lại bài học kinh nghiệm cho cách mạng thế giới
- C. Lật đổ chế độ Nga hoàng, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- D. Sự ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 10: Người Cộng sản Việt Nam đầu tiên tiếp thu lý luận Cách mạng tháng Mười Nga là

- A. Trần Phú
- B. Lê Hồng Phong
- C. Nguyễn Thị Minh Khai
- D. Nguyễn Ái Quốc

Câu 11: Cuộc cách mạng tháng Hai ở Nga là cuộc cách mạng có tính chất gì ?

- A. Dân chủ tư sản kiểu cũ.
- B. Dân chủ tư sản kiểu mới.
- C. Cách mạng dân tộc.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 12: Kết quả lớn nhất mà Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga giành được là

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ
- B. Bắt giam các bộ trưởng và tướng tá của Nga hoàng
- C. Nhân dân tiếp tục đấu tranh, thành lập chính quyền cách mạng
- D. Quân cách mạng đã chiếm được các công sở

Câu 13: Nhiệm vụ của cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là:

- A. Lật đổ chế độ phong kiến.
- B. Thành lập chính quyền vô sản.
- C. Giải quyết mâu thuẫn xã hội.
- D. Thành lập chính phủ tư sản.

Câu 14: Nét nổi bật của tình hình nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 là

- A. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại
- B. Tình hình chính trị, xã hội ổn định
- C. Nhân dân bắt tay ngay vào xây dựng chế độ mới
- D. Các đế quốc bên ngoài đua nhau chống phá

Câu 15: Hình thức đấu tranh chủ yếu trong Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

- A. Tổng bãi công chính trị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang
- B. Bãi khóa, bãi thị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang
- C. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang
- D. Biểu tình tuần hành thị uy rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang

Câu 16: Thể chế chính trị của nước Nga sau cuộc Cách mạng 1905 -1907 là

- A. Quân chủ chuyên chế
- B. Dân chủ tư sản
- C. Dân chủ cộng hòa
- D. Quân chủ lập hiến

Câu 17: Sự kiện mở đầu cuộc cách mạng dân chủ tư sản Tháng Hai 1917 ở Nga là:

- A. Cuộc biểu tình của 9 vạn công nhân Pê-tơ-rô-grat.
- B. Cuộc biểu tình của công nhân Mát-xcơ-va.
- C. Cuộc nổi dậy của nông dân vùng ngoại ô Mát- xcơ-va.
- D. Cuộc tấn công Cung điện Mùa đông

Câu 18: Lê-nin bí mật về Pê-tơ-rô-grat để chỉ đạo cách mạng Tháng Mười từ:

- A. Na Uy
- B. Thụy Điển
- C. Ba Lan
- D. Phần Lan

Câu 19: Tính chất của cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là:

- A. Cách mạng dân tộc, dân chủ.
- B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
- C. Cách mạng tư sản.
- D. Cách mạng vô sản.

Câu 20: Thái độ của hơn 100 dân tộc Nga khi Nga hoàng tham gia cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất ra sao?

- A. Yêu cầu Nga hoàng phải tiến hành một cuộc cải cách
- B. Biểu tình đòi Nga hoàng phải nhường ngôi cho người khác

- C. Phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng
- D. Ủng hộ Nga hoàng để mở rộng lãnh thổ

Câu 21: Lực lượng tham gia Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. Nông dân và công nhân
- B. Tư sản, công nhân, nông dân, binh lính,...
- C. Tư sản và nông dân
- D. Công nhân, nông dân và binh lính

Câu 22: Tình hình nước Nga khi tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?

- A. Vỡ vệt được nhiều tài nguyên của các nước bại trận
- B. Địa vị kinh tế, chính trị của nước Nga được tăng cường
- C. Nền kinh tế suy sụp, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, quân đội Nga thua trận liên tiếp
- D. Nhân dân tin tưởng, ủng hộ Nga hoàng

Câu 23: Đỉnh cao của hình thức đấu tranh trong cuộc Cách mạng tháng Hai - 1917 ở Nga là gì ?

- A. Khởi nghĩa từng phần
- B. Biểu tình thị uy
- C. Chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang
- D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

BÀI 11. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1: Sự ra đời của chủ nghĩa phát xít đã đưa đến nguy cơ nghiêm trọng nhất là

- A. Các quyền tự do, dân chủ của nhân dân bị thủ tiêu
- B. Một cuộc chiến tranh thế giới mới
- C. Đảng Cộng sản ở nhiều nước phải ngừng hoạt động
- D. Phong trào đấu tranh của nhân dân bị đàn áp

Câu 2: Mục tiêu thành lập của tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên là

- A. Tăng cường an ninh giữa các nước
- B. Đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế
- C. Duy trì trật tự thế giới mới
- D. Thúc đẩy sự giao lưu văn hóa, khoa học giữa các nước

Câu 3: Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập và cuộc chạy đua vũ trang ráo riết đã báo hiệu điều gì?

- A. Cuộc khủng hoảng kinh tế chưa thể giải quyết được
- B. Một cuộc chiến tranh thế giới mới đang đến gần
- C. Nguy cơ xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo
- D. Nguy cơ của các cuộc chiến tranh cục bộ

Câu 4: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra đầu tiên ở

- A. Pháp
- B. Đức
- C. Mĩ
- D. Anh

Câu 5: Chủ nghĩa phát xít được định nghĩa là

- A. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất
- B. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực tay sai phản động nhất, hiếu chiến nhất
- C. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những kẻ đầu trọc, hiếu chiến nhất
- D. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, manh động nhất

Câu 6: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 -1933) bùng nổ đầu tiên ở:

- A. Pháp.
- B. Mĩ.
- C. Nga.
- D. Đức.

Câu 7: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, khủng hoảng trầm trọng nhất là vào năm:

- A. 1932
- B. 1933
- C. 1930
- D. 1931

Câu 8: Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933?

- A. Hình thành hai khối quân sự đối lập
- B. Làm nảy sinh thêm mâu thuẫn mới trong xã hội tư bản.

- C. Khủng hoảng đe dọa sự tồn tại của các nước tư bản.
- D. Chấm dứt thời kì ổn định và tăng trưởng của chủ nghĩa tư bản.

Câu 9: Những nước giành được nhiều quyền lợi trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật Bản
- B. Italia, Pháp, Mĩ, Nhật Bản
- C. Anh, Đức, Mĩ, Nhật Bản
- D. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ

Câu 10: Các nước thắng trận tổ chức Hội nghị ở Véc-xai và Oasinhton nhằm mục đích gì?

- A. Bàn giải quyết hậu quả của chiến tranh
- C. Hợp tác kinh tế
- B. Ký hoà ước và các hiệp ước phân chia quyền lợi
- D. Hợp tác quân sự

Câu 11: Trật tự thế giới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ nhất là:

- A. Trật tự Vécxai – Oasinhton
- B. Trật tự Ianta.
- C. Trật tự Oasinhton.
- D. Trật tự Vécxai.

Câu 12: Để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, các nước tư bản Anh, Pháp, Mĩ đã làm gì

- A. Kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài
- B. Quốc hữu hóa các xí nghiệp, nhà máy ở trong nước
- C. Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội ở trong nước
- D. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân

Câu 13: Tổ chức quốc tế ra đời để duy trì trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là:

- A. Liên hợp quốc.
- B. Hội Hiệp ước.
- C. Hội Liên minh.
- D. Hội Quốc liên.

Câu 14: Hội Quốc liên – một tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên được thành lập với sự tham gia của bao nhiêu nước thành viên?

- A. 44
- B. 45
- C. 55
- D. 66

Câu 15: Ý nào không phản ánh đúng hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933?

- A. Tàn phá nặng nề nền kinh tế của các nước tư bản
- B. Công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, đời sống khó khăn
- C. Gây hậ quả nghiêm trọng về chính trị, xã hội, đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản
- D. Đem lại nhiều cơ hội và quyền lợi cho một số nước tư bản

Câu 16: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 là do

- A. Hậu quả của cao trào cách mạng thế giới 1918 – 1923
- B. Giá cả đắt đỏ, người dân không mua được hàng hóa
- C. Sản xuất ồ ạt “cung” vượt quá “cầu” thời kì 1924 – 1929
- D. Việc quản lí, điều tiết sản xuất ở các nước tư bản lạc hậu

Câu 17: “Quan hệ hòa bình giữa các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất chỉ là tạm thời và mỏng manh” vì

- A. Có sự phát triển không đồng đều về kinh tế
- B. Các nước đều cho rằng mình có sức mạnh cạnh tranh riêng
- C. Hệ thống thuộc địa của các nước nhiều, ít khác nhau
- D. Làm nảy sinh những bất đồng do mâu thuẫn về việc phân chia quyền lợi

Câu 18: Để giải quyết khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, các nước Đức, Italia, Nhật Bản đã làm gì?

- A. Lôi kéo, tập hợp đồng minh
- B. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân
- C. Thiết lập chế độ độc tài phát xít
- D. Thu tiêu các quyền ự do, dân chủ của nhân dân

BÀI 12. NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939).

Câu 1: Ý không phản ánh đúng chủ trương của người đứng đầu tổ chức Đảng Quốc xã ở Đức là

- A. Liên kết với Đảng Xã hội dân chủ để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế
- B. Chống cộng sản, phân biệt chủng tộc

- C. Ra sức tuyên truyền kích động chủ nghĩa phục thù
- D. Phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài

Câu 2: Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) giới cầm quyền Đức đã:

- A. Thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.
- B. Tiến hành phát xít hóa bộ máy nhà nước.
- C. Tập trung sản xuất, thu tóm các ngành kinh tế chính.
- D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ trong xã hội.

Câu 3: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 tác động nặng nề nhất đến ngành kinh tế nào của nước Đức?

- A. Công nghiệp
- B. Du lịch và dịch vụ
- C. Nông nghiệp
- D. Giao thông vận tải

Câu 4: Chính sách đối ngoại mà chính quyền Hít-le hướng tới trong thời gian cầm quyền của mình là:

- A. Liên minh quân sự.
- B. Tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên.
- C. Tăng cường hợp tác sâu rộng
- D. Tăng cường hoạt động chuẩn bị chiến tranh.

Câu 5: Các thế lực phản động, hiếu chiến tập trung trong tổ chức nào ở nước Đức?

- A. Đảng Xã hội dân chủ
- B. Đảng Quốc xã
- C. Đảng Dân chủ
- D. Đảng Đoàn kết dân tộc

Câu 6: Đường lối đối ngoại chủ yếu của Chính phủ Hít-le là

- A. Tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh
- B. Thực hiện chính sách đối ngoại nước lớn
- C. Mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước tư bản châu Âu
- D. Bắt tay với các nước phát xít

Câu 7: Nền công nghiệp Đức trong những năm 1933 – 1939 đứng hàng:

- A. thứ ba châu Âu, sau Anh, Pháp và Italia.
- B. thứ nhất châu Âu, vượt qua cả Anh, Pháp và Italia.
- C. thứ hai châu Âu, sau Anh.
- D. thứ tư châu Âu, sau Anh và Liên Xô.

Câu 8: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Đức là gì?

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân
- B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi
- C. Đế quốc phong kiến quân phiệt
- D. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến

Câu 9: Một sự kiện diễn ra ở nước Đức ngày 30 – 1 – 1933 là

- A. Đảng Cộng sản Đức kêu gọi quần chúng thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít
- B. Tổng thống Hindenburg chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới
- C. Đảng Xã hội dân chủ Đức tuyên bố bất hợp tác, từ chối Liên minh với Đảng Cộng sản Đức
- D. Giai cấp tư sản tuyên bố xóa bỏ chế độ cộng hòa tư sản, nhằm đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế

Câu 10: Chính phủ Hít-le đặt Đảng Cộng sản nước Đức ra ngoài vòng pháp luật sau sự kiện nào?

- A. Hít-le lên nắm quyền
- B. Tổng thống Hindenburg mất
- C. Nền Cộng hòa Vaima sụp đổ
- D. Nhà quốc hội Đức bị đốt cháy

Câu 11: Để thực hiện nền chuyên chính độc tài, ở trong nước Chính phủ Hít-le đã thực hiện chính sách

- A. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân phản đối chế độ độc tài
- B. Công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ (trước tiên là Đảng Cộng sản)
- C. Hạn chế các quyền tự do dân chủ tối thiểu của người dân
- D. Bài Do Thái

Câu 12: Nền công nghiệp phát triển mạnh nhất ở Đức trong thời kì 1933- 1939 là:

- A. Công nghiệp giao thông vận tải.
- B. Công nghiệp nhẹ.
- C. Công nghiệp nặng.
- D. Công nghiệp quân sự.

Câu 13: Đến năm 1938, nước Đức đã được ví như

- A. Một trại lính khổng lồ
- B. Một tên sen đầm quốc tế
- C. Một trại tập trung khổng lồ
- D. Một đế quốc bất khả chiến bại

Câu 14: Năm 1934, sau khi tổng thống Hindenburg qua đời, Hitler đã tự xưng là

- A. Thủ tướng
- B. Tổng thống
- C. Quốc trưởng suốt đời
- D. Thống soái

Câu 15: Ngành kinh tế được phục hồi và phát triển nhanh nhất ở Đức những năm 30 của thế kỉ XX là

- A. Công nghiệp quân sự
- B. Công nghiệp khai khoáng
- C. Công nghiệp dệt
- D. Công nghiệp cơ khí, chế tạo

Câu 16: Đảng Công nhân quốc gia xã hội ở Đức còn có tên gọi là:

- A. Đảng Quốc đại.
- B. Đảng Dân chủ công khai.
- C. Đảng Quốc xã.
- D. Đảng Xã hội dân chủ.

BÀI 13. NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939).

Câu 1: Ý nào không phản ánh đúng những biện pháp mà Chính phủ Rudoven đã thực hiện để can thiệp vào đời sống kinh tế nước Mỹ trong cơn khủng hoảng?

- A. Phục hồi sự phát triển kinh tế
- B. Giải quyết nạn thất nghiệp
- C. Ban bố lệnh can thiệp khẩn cấp
- D. Tạo thêm việc làm

Câu 2: Chính sách mới đã giải quyết được nhiều vấn đề cơ bản của nước Mỹ, ngoại trừ

- A. Tình trạng phân biệt đối xử với người da đen và da màu, xây dựng xã hội dân chủ thực sự
- B. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc điều hành nền kinh tế
- C. Khôi phục sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo nhiều việc làm mới
- D. Xoa dịu mâu thuẫn giai cấp, duy trì được chế độ dân chủ tư sản

Câu 3: Chính sách đối ngoại của chính phủ Ru-dơ-ven trong quan hệ với Khu vực Mỹ latin là:

- A. Gây chiến tranh xâm lược.
- B. Sử dụng đồng đôla, buộc các nước phụ thuộc vào Mỹ.
- C. Chính sách láng giềng thân thiện.
- D. Can thiệp bằng vũ trang.

Câu 4: Bản chất của Chính sách mới là gì?

- A. Nhà nước đề xuất một hệ thống những chính sách mới về kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội
- B. Nhà nước cho phép các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội của đất nước có những đổi mới phù hợp
- C. Là hệ thống chính sách tích cực của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội
- D. Là chính sách đầu tư có trọng điểm của Nhà nước vào các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội của đất nước

Câu 5: Thời kì phồn vinh của nền kinh tế Mỹ chấm dứt khi

- A. Các nước tư bản vượt Mỹ, vươn lên phát triển mạnh mẽ
- B. Mỹ mất vị trí là trung tâm công nghiệp số 1 thế giới
- C. Khủng hoảng kinh tế bùng nổ tháng 10 – 1929
- D. Dự trữ ngoại tệ của Mỹ bị sụt giảm

Câu 6: Quốc hội Mỹ đã thông qua hàng loạt đạo luật về vấn đề quốc tế để làm gì?

- A. Giúp đỡ các thế lực thù địch ở bên ngoài nước Mỹ
- B. Giữ vai trò trung lập giữa các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ
- C. Ủng hộ các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ
- D. Can thiệp quân sự vào các nước bên ngoài nước Mỹ

Câu 7: Trong lịch sử bầu cử Tổng thống Mỹ, Ph. Rudoven trúng cử mấy nhiệm kì liên tiếp?

- A. 5 nhiệm kì
- B. 4 nhiệm kì
- C. 3 nhiệm kì
- D. 2 nhiệm kì

Câu 8: Đạo luật quan trọng nhất trong “Chính sách mới” của Ru-dơ-ven là:

- A. Đạo luật chính trị, xã hội.
- B. Đạo luật phục hưng công nghiệp.

C. Đạo luật ngân hàng.

D. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp.

Câu 9: Thời kì phồn vinh của nền kinh tế Mỹ ở thập niên 20 của thế kỉ XX được biểu hiện như thế nào?

A. Nền kinh tế Mỹ tăng trưởng cao, đặc biệt là sản xuất ô tô, thép, dầu mỏ

B. Các nước tư bản trở hành con nợ của Mỹ

C. Mỹ nắm trong tay 60% dự trữ ngoại tệ của thế giới

D. Mỹ trở thành trung tâm công nghiệp duy nhất của thế giới

Câu 10: Tháng 11 – 1933, Mỹ chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với

A. Liên Xô

B. Pháp

C. Trung Quốc

D. Anh

Câu 11: Ý nào không phản ánh đúng về tình hình thị trường chứng khoán Mỹ trong ngày 29/10/1929?

A. Có loại cổ phiếu giá lại tăng nhanh đến chóng mặt

B. Hàng triệu người mất sạch số tiền mà họ đã tiết kiệm cả đời

C. Giá một loại cổ phiếu được coi là đảm bảo nhất sụt xuống 80%

D. Ngày khủng hoảng chưa từng có

Câu 12: Người đã thực hiện “chính sách mới” và đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) là:

A. Ai-xen-hao.

B. Hu-vơ.

C. Tơ-ru-man.

D. Ru-dơ-ven

Câu 13: Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) ở Mỹ bắt đầu từ lĩnh vực:

A. Sản xuất hàng hóa.

B. Nông nghiệp.

C. Tài chính ngân hàng.

D. Công nghiệp nặng.

BÀI 15. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918-1939).

Câu 1: Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 1918- 1921

B. 1918- 1920

C. 1918- 1922

D. 1918- 1923

Câu 2: Phong trào Ngũ tứ là phong trào đấu tranh của:

A. Học sinh, sinh viên, công nhân Trung Quốc chống đế quốc và phong kiến

B. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản Trung Quốc chống phong kiến

C. Nông dân Trung Quốc chống phong kiến

D. Giai cấp công nhân chống tư sản, phong kiến

Câu 3: Tại sao nói: Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng ?

A. Từng bước củng cố chính quyền tư sản

B. Mở ra thời kì mới cho cách mạng Trung quốc

C. Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối lãnh đạo cách mạng

D. Giai cấp vô sản nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng

Câu 4: Một trong những yếu tố cơ bản dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Ấn Độ (12/1925) là gì?

A. Sự phát triển của phong trào công nhân

B. Sự lớn mạnh của đội ngũ trí thức

C. Sự phát triển của phong trào nông nhân

D. Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản

Câu 5: Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới đều có chung đặc điểm nổi bật nào?

A. Đảng Cộng sản ra đời, mở ra thời kì đấu tranh mới

B. Ý thức được vấn đề dân tộc, dân chủ

C. Lôi kéo được đông đảo các tầng lớp trong xã hội tham gia

D. Giai cấp công nhân xuất hiện giữ vai trò nòng cốt

Câu 6: Tiền đề cơ bản dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (7/1921) là gì?

A. Các tổ chức đảng ra đời

B. Sự phát triển của đội ngũ trí thức

- C. Giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh
- D. Chủ nghĩa Mác – Lê nin được truyền bá sâu rộng

Câu 7: Ý nào sau đây không phản ánh nét mới trong phong trào đấu tranh ở Ấn Độ đầu thế kỉ XX ?

- A. Giai cấp công nhân Ấn Độ lần đầu tiên tham gia phong trào dân tộc
- B. Phong trào do một bộ phận giai cấp vô sản Ấn Độ lãnh đạo
- C. Thực hiện mục tiêu đấu tranh vì nền độc lập và dân chủ của đất nước
- D. Phong trào đã lôi cuốn được mọi tầng lớp nhân dân tham gia, tạo nên phong trào dân tộc rộng lớn.

Câu 8: Sự kiện đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới là:

- A. Cuộc vận động Duy Tân
- B. Cách mạng Tân Hợi năm 1911
- C. Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc
- D. Phong trào Ngũ tứ

Câu 9: Phong trào Ngũ tứ bùng nổ nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại các đạo luật của chính quyền thực dân
- B. Phản đối âm mưu xâm xé Trung Quốc của các nước đế quốc
- C. Lôi cuốn đông đảo các tầng lớp trong xã hội tham gia
- D. lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển

Câu 10: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Ấn Độ là thuộc địa của thực dân nào?

- A. Pháp
- B. Mĩ
- C. Đức
- D. Anh

Câu 11: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ trong những năm (1918 – 1922) là gì?

- A. Chi phí chiến tranh đè nặng lên vai các nước thuộc địa
- B. Thực dân Anh tăng cường bóc lột làm cho xã hội mâu thuẫn gay gắt
- C. Thực dân Anh ban hành đạo luật phản động
- D. Thực dân Anh thi hành chính sách chia để trị

Câu 12: Lực lượng tham gia trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918-

- A. Nông dân
- B. Đông đảo các tầng lớp nhân dân
- C. Thị dân và Tư sản
- D. Công nhân

Câu 13: Nắm quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới là:

- A. Đảng Quốc đại- đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ
- B. Chính đảng của giai cấp công nhân
- C. Trí thức tư sản
- D. Binh lính và công nhân

Câu 14: Phong trào Ngũ tứ nổ ra bởi yếu tố bên trong là quyết định bất công của các nước đế quốc, nhân tố bên ngoài tác động là ảnh hưởng của:

- A. Cách mạng Tháng Mười Nga
- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất
- C. Cách mạng trên thế giới
- D. Cách mạng dân chủ tư sản

Câu 15: Phong trào Ngũ tứ mở đầu cho cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc bởi vì:

- A. Phong trào Ngũ tứ diễn ra rộng khắp Trung Quốc
- B. Phong trào Ngũ tứ lôi cuốn đông đảo các tầng lớp trong xã hội tham gia
- C. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
- D. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện

BÀI 16. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

(1918-1939).

Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á phát triển với qui mô như thế nào?

- A.** Chỉ diễn ra ở Đông Dương **B.** Diễn ra ở Việt Nam
C. Diễn ra ở nước nào có Đảng Cộng sản lãnh đạo **D.** Diễn ra hầu khắp các nước

Câu 2: Nét nổi bật về kinh tế ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là ?

- A.** Công nghiệp phát triển nhờ nguồn đầu tư lớn của các nước tư bản
B. Trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa, nơi cung cấp nguyên liệu cho chính quốc
C. Kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp phát triển độc lập
D. Kinh tế công nghiệp phát triển vượt bậc

Câu 3: Trên thế giới sự kiện nào ảnh hưởng đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới ?

- A. Thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917**
B. Sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa
C. Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất
D. Phong trào công nhân thế giới phát triển mạnh

Câu 4: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước trên bán đảo Đông Dương là thuộc địa của thực dân nào?

- A. Mĩ** **B. Pháp** **C. Anh** **D. Hà Lan**

Câu 5: Yếu tố gây tác động lớn đến toàn bộ nền kinh tế, chính trị và xã hội ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là ?

- A. Chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây**
B. Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc
C. Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất
D. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

Câu 6: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước thực dân phương Tây có chính sách gì đối với các nước thuộc địa?

- A. Tăng cường hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật**
B. Tăng cường chính sách khai thác và bóc lột
C. Tăng cường buôn bán
D. Tăng cường lực lượng quân đội

Câu 7: Cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu của nhân dân Lào trong 30 năm đầu thế kỷ XX là ?

- [illegible]

Câu 8: Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á có điểm gì nổi bật ?

- A.** Hình thức khởi nghĩa vũ trang nổ ra
B. Có sự tham gia của nhiều tầng lớp, giai cấp trong xã hội
C. Xuất hiện hình thức đấu tranh chính trị
D. Được sự giúp đỡ của Liên Xô

Câu 9: Nét mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là ?

- A. Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc**
B. Có sự liên minh giữa tư sản và vô sản
C. Có sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân
D. Có sự liên minh giữa giai cấp tư sản và phong kiến

Câu 10: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, về chính trị các nước Đông Nam Á có điểm chung gì ?

- A. Người dân tự quyết định tương lai chính trị của mình
- B. Bị chính quyền thực dân thống trị
- C. Đều do vua chuyên chế đứng đầu
- D. Quyết định mọi vấn đề là người bản xứ

Câu 11: Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập vào thời gian nào?

- A. 10/1931
- B. 10/1920
- C. 10/1930
- D. 10/1925

Câu 12: Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào thời gian nào?

- A. 1931
- B. 1920
- C. 1930
- D. 1925

Câu 13: Tại Đông Nam Á, Đảng cộng sản ra đời sớm nhất ở đâu?

- A. Philippin
- B. Việt Nam
- C. In-đô-nê-xi-a
- D. Mã Lai

Câu 14: Quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của các nước thực dân phương Tây là

- A. In-đô-nê-xi-a
- B. Miến Điện
- C. Mã Lai
- D. Xiêm

Câu 15: Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a được thành lập vào thời gian nào?

- A. 1923
- B. 1921
- C. 1922
- D. 1920

BÀI 17. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945).

Câu 1: Trận phản công của quân đội Liên Xô đánh dấu bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai

- A. Trận Mát-xcơ-va
- B. Trận Xta-lin-grat
- C. Trận công phá Béc- lin
- D. Trận Cuốc- xơ

Câu 2: Đức đánh chiếm Ba Lan bằng chiến lược gì ?

- A. Chiến tranh chớp nhoáng
- B. Đánh chắc, tiến chắc
- C. Đánh lâu dài, toàn diện
- D. Đánh nhanh, đánh chắc

Câu 3: Chiến thắng Xta-lin-grat có ý nghĩa gì?

- A. Phát xít Đức đầu hàng đồng minh
- B. Tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai
- C. Đây là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử Liên Xô
- D. Hồng quân Liên Xô đánh bại hoàn toàn quân Đức

Câu 4: Trước hành động leo thang chuẩn bị chiến tranh của Đức, Liên Xô có chính sách đối ngoại như thế nào với Đức ?

- A. Kí với Đức Hiệp ước Xô - Đức
- B. Bắt tay với Anh, Pháp, Mỹ để cô lập Đức
- C. Sẵn sàng chiến đấu chống lại Đức
- D. Đối đầu với Đức

Câu 5: Trong bối cảnh phe phát xít bành trướng và xâm lược ở nhiều nơi trên thế giới, Liên Xô có chủ trương gì với các nước tư bản khác?

- A. Giữ thái độ trung lập
- B. Liên kết với các nước tư bản Anh, Pháp
- C. Hợp tác dè chừng với các nước Anh, Pháp
- D. Đối đầu với các nước tư bản Anh, Pháp

Câu 6: Các nước phát xít sau khi hình thành khối Liên minh đã có hành động gì?

- A. Tăng cường hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi trên thế giới
- B. Tăng cường phát triển công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp quốc phòng
- C. Tăng cường trang bị vũ khí phục vụ chiến tranh xâm lược
- D. Tăng cường đầu tư vốn vào các nước thuộc địa để thu lợi nhuận

Câu 7: Phát xít Nhật chiếm vùng Đông Bắc của Trung Quốc vào thời gian nào?

- A. 1933
- B. 1931
- C. 1932
- D. 1930

Câu 8: Khối Liên minh phát xít bao gồm những nước

- A. Mĩ – Anh – Liên Xô
- C. Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản

- B. Đức – Áo – Hung
- D. Anh – Pháp – Mĩ

Câu 9: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ mở đầu bằng sự kiện nào?

- A. Đức tham gia Hội nghị Mui-ních
- B. Hít-le sáp nhập lãnh thổ Áo vào Đức
- C. Đức tấn công Ba Lan
- D. Đức tấn công Tiệp Khắc

Câu 10: Vai trò của Liên Xô trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?

- A. Liên Xô là lực lượng trụ cột, có vai trò quan trọng trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít
- B. Liên Xô góp phần không nhỏ tiêu diệt chủ nghĩa phát xít
- C. Liên Xô cùng với Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít
- D. Liên Xô giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít

Câu 11: Mặt trận Đồng minh chống phát bao gồm các nước chủ yếu:

- A. Liên Xô – Anh – Pháp
- B. Liên Xô – Bi - Tiệp Khắc
- C. Liên Xô – Mĩ - Anh
- D. Liên Xô – Pháp – Mĩ

Câu 12: Chiến thắng Mát-xcơ-va có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh bại hoàn toàn quân Đức ở Liên Xô
- B. Làm tổn thất nặng nề quân Đức tạo bước ngoặt chiến tranh
- C. Đẩy phát xít Đức vào thế bị động
- D. Làm phá sản chiến lược «chiến tranh chớp nhoáng» của Hít-le

Câu 13: Trước hành động xâm lược của phe phát xít, các nước tư bản thể hiện thái độ nhượng bộ vì:

- A. Sợ phát xít
- B. Mượn tay phát xít để tấn công Liên Xô
- C. Muốn duy trì thế giới một cực
- D. Thù ghét Liên Xô

Câu 14: Trước hành động xâm lược của Đức, thái độ của Liên Xô ?

- A. Nhượng bộ Đức
- B. Phất lờ trước hành động của Đức
- C. Coi Đức là đồng minh
- D. Coi Đức là kẻ thù nguy hiểm nhất

Câu 15: Sau khi xóa bỏ hòa ước Véc-xai, nước Đức phát xít hướng tới mục tiêu gì?

- A. Chuẩn bị xâm lược các nước Tây Âu
- B. Chuẩn bị đánh bại Liên Xô
- C. Chuẩn bị xâm chiếm các nước ở Đông và Nam Âu
- D. Thành lập một nước «Đại Đức» bao gồm toàn bộ Châu Âu

BÀI 19. NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (Từ 1858 đến trước năm 1873).

Câu 1: Nguyên nhân thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là gì?

- A. Mở rộng thị trường xâm lược
- B. Giúp Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn
- C. Khai hóa văn minh cho triều Nguyễn
- D. Truyền đạo

Câu 2: Người bắt chấp lệnh “Bãi binh” của triều đình tiếp tục chống Pháp ở Nam Kỳ là ai?

- A. Trương Quyền
- B. Trương Định
- C. Nguyễn Trung Trực
- D. Nguyễn Tri Phương

Câu 3: Giữa thế kỷ XIX Việt Nam là :

- A. Quốc gia phong kiến độc lập có chủ quyền
- B. Một nước thuộc địa của Pháp
- C. Phụ thuộc vào Pháp
- D. Thuộc địa của TBN

Câu 4: Người chỉ huy quân ta chống lại thực dân Pháp ở Gia Định là ai?

- A. Nguyễn Trung Trực
- B. Nguyễn Tri Phương
- C. Trương Định
- D. Nguyễn Hữu Huân

Câu 5: Nguyên do để thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là

- A. Nhà Nguyễn cấm đạo Thiên chúa
- B. Vương triều Tây Sơn sụp đổ
- C. Vua Tự Đức mất
- D. Lực lượng giáo dân ủng hộ

Câu 6: Lực lượng đông đảo nhất trong phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ là:

- A. Công nhân B. Nông dân C. Tư sản D. Địa chủ

Câu 7: Lực lượng nào đóng vai trò chủ chốt trong phong trào kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ những năm cuối thế kỷ XIX?

- A. Sĩ phu và văn thân B. Sĩ phu, văn thân và nông dân
C. Công nhân, nông dân D. Địa chủ, phú nông và dân nghèo

Câu 8: Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” chuyển thành kế hoạch “chinh phục nước ta theo từng góit nhỏ” sau lần Pháp tấn công:

- A. Đà Nẵng B. Vĩnh Long C. Gia Định D. Biên Hòa

Câu 9: Nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của phong trào kháng chiến chống Pháp ở 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là gì?

- A. Nguyễn Hữu Huân bị bắt
B. Nguyễn Trung Trực bị hành hình
C. Quân giặc mạnh, vũ khí hiện đại
D. Phong trào kháng chiến của nhân dân không sôi nổi

Câu 10: Người liên lạc với Pu-côm-bô (Campuchia) để tổ chức kháng chiến chống Pháp là ai?

- A. Phan Tôn B. Phan Liêm C. Trương Quyền D. Trương Định

Câu 11: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” là câu nói nổi tiếng của ai?

- A. Trương Định B. Trương Quyền C. Nguyễn Trung Trực D. Nguyễn Hữu Huân

Câu 12: Liên quân Pháp-Tây Ban Nha chính thức xâm lược nước ta ngày :

- A. 3/8/1858 B. 3/9/1858 C. 1/8/1858 D. 1/9/1858

Câu 13: Người chỉ huy quân triều đình phối hợp chiến đấu cùng nhân dân Đà Nẵng trong những ngày đầu Pháp đặt chân đến nước ta là ai?

- A. Hoàng Diệu B. Hồng Tú Viên C. Lưu Vĩnh Phúc D. Nguyễn Tri Phương

Câu 14: Vào giữa thế kỷ XIX chế độ phong kiến ở Việt Nam trong tình trạng :

- A. Ổn định B. Có nền công-thương nghiệp phát triển
C. Phát triển nhanh chóng D. Khủng hoảng, suy yếu trầm trọng

Câu 15: Người được nhân dân miền Tây suy tôn “Bình Tây Đại nguyên soái” là ai?

- A. Nguyễn Trung Trực B. Nguyễn Tri Phương C. Trương Quyền D. Trương Định

BÀI 20. CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ 1873 ĐẾN NĂM 1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG.

Câu 1: Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai vào năm nào?

- A. 1881 B. 1882 C. 1880 D. 1883

Câu 2: Từ việc kí Hiệp ước Giáp Tuất năm 1874, có thể kết luận rằng:

A. Triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước Giáp Tuất năm 1874 để quân Pháp rút khỏi Bắc Kỳ là quyết định đúng đắn

- B. Phong trào kháng chiến của nhân dân ta không phát triển
C. Triều đình nhà Nguyễn bảo vệ quyền lợi dòng họ là sáng suốt
D. Triều đình nhà Nguyễn đã vi phạm nghiêm trọng đến chủ quyền dân tộc và lãnh thổ quốc gia

Câu 3: Nguyên nhân sâu xa khiến quân Pháp quyết định tấn công vào Thuận An mà không rút quân khỏi Hà Nội (như năm 1874) là gì?

- A. Để giữ thế diện B. Thực hiện mưu đồ chủ nghĩa đế quốc
C. Lấy lòng bộ chỉ huy quân sự Pháp D. Trả thù cho Ri-vi-e

Câu 4: Sự kiện đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là:

- A. Quân Pháp tấn công Thuận An (1883)

- B. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai (1882)
- C. Không chọn được người kế vị Tự Đức
- D. Triều kí hiệp ước Hác-măng và hiệp ước Pa-tơ-nốt

Câu 5: Thái độ của nhân dân và sĩ phu yêu nước sau khi nhà Nguyễn kí các Hiệp ước đầu hàng Pháp:

- A. Chấp nhận sự đô hộ của thực dân Pháp
- B. Không hợp tác với triều đình, quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng
- C. Đồng ý với quyết định của triều đình
- D. Nao núng, hoảng sợ, nhụt chí đấu tranh

Câu 6: Quân triều đình nhanh chóng thất thủ tại Hà Nội năm 1873 vì:

- A. Lo đàn áp nhân
- B. Quân triều đình chống cự yếu ớt
- C. Triều đình ra lệnh đầu hàng
- D. Thực hiện chiến thuật phòng thủ

Câu 7: Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai có ý nghĩa gì?

- A. Quân pháp hoang mang, rút khỏi Bắc kỳ
- B. Quân Pháp sợ hãi và xin đình chiến
- C. Nhân dân ta và triều đình quyết tâm chống Pháp đến cùng
- D. Nhân dân ta vô cùng phấn khởi, càng quyết tâm chống Pháp

Câu 8: Sau khi mất 6 tỉnh Nam Kỳ, triều đình nhà Nguyễn đã làm gì?

- A. tổ chức cho nhân phản công Pháp để lấy lại đất
- B. chuẩn bị lực lượng, chờ thời
- C. mặc nhiên thừa nhận là vùng đất của Pháp, không nghĩ đến việc giành lại
- D. thương lượng với Pháp để xin chuộc đất

Câu 9: Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (12/1873) và lần thứ hai (5/1883), giết chết 2 kẻ cầm đầu tấn công Bắc Kỳ là Gác-ni-ê và Ri-vi-e đều là chiến công của ai?

- A. Dân binh Hà Nội
- B. Quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc
- C. Quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phối hợp quân của Hoàng Tá Viêm
- D. Quân triều đình

Câu 10: Nguyên nhân thực dân Pháp đem quân tấn công Hà Nội lần thứ hai (1882) là gì?

- A. Nhu cầu về nhiên liệu, thị trường và nhân công đặt ra cấp bách
- B. Triều đình tiếp tục liên lạc với nhà Thanh, nhờ giúp đỡ
- C. Trả thù cho Gác-ni-ê bị giết
- D. Triều đình Nguyễn không đủ tiền trả chiến phí cho Pháp

Câu 11: Thực dân Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội trong lần đánh ra Bắc Kỳ lần thứ nhất vào thời gian nào?

- A. 23/11/1873
- B. 20/11/1873
- C. 16/11/1873
- D. 19/11/1873

Câu 12: Từ sau năm 1867, nhà Nguyễn đã thi hành chính sách đối nội và đối ngoại như thế nào?

- A. Thi hành chính sách đối nội và đối ngoại sai lầm, bị nhân dân phản đối
- B. Tích cực chuẩn bị kháng chiến chống Pháp, giành lại những vùng đất đã mất
- C. Tiến hành cải cách kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng
- D. Đẩy mạnh việc Duy Tân đất nước

Câu 13: Tại trận Cầu Giấy lần thứ nhất (12/1873), tướng giặc bị tiêu diệt là:

- A. Đuy-puy
- B. Ri-vi-e
- C. Gác-ni-ê
- D. Hác-măng

Câu 14: Thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ năm 1873 vì:

- A. Thái độ nhu nhược của triều Nguyễn
- B. Pháp có điều kiện tăng viện binh và tăng ngân sách chiến tranh
- C. Nhu cầu nhiên liệu, thị trường, nhân công đặt ra cấp bách

D. Có quân đình phối hợp

Câu 15: Sau khi mất 6 tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Ngừng kế hoạch mở rộng cuộc chiến, củng cố lực lượng
- B. Tìm cách xoa dịu nhân dân
- C. Bắt tay thiết lập bộ máy cai trị, chuẩn bị kế hoạch đánh ra Bắc kỳ
- D. Bị triều đình nhà Nguyễn phản ứng

BÀI 21. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XIX.

Câu 1: Đại diện phái chủ chiến trong triều đình Huế là ai?

- A. Trương Quang Ngọc B. Phan Thanh Giản C. Tôn Thất Thiệp D. Tôn Thất Thuyết

Câu 2: Nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã có 2 lần giảng hòa với Pháp (1894, 1897) với lý do gì?

- A. Thế và lực ta mạnh hơn Pháp
- B. Cần tranh thủ thời gian giảng hòa để củng cố căn cứ và xây dựng lực lượng
- C. Pháp ép buộc
- D. Cần lực lượng để cùng chia sẻ vùng Yên Thế với Pháp

Câu 3: Thời gian tồn tại của khởi nghĩa Hương Khê là

- A. 5 năm B. 13 năm C. 15 năm D. 10 năm

Câu 4: Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888), phong trào Cần Vương đã hoạt động như thế nào?

- A. Tiếp tục hoạt động, nhưng thu hẹp vào Nam Trung Bộ
- B. Hoạt động cầm chừng
- C. Tiếp tục hoạt động, qui tụ thành những trung tâm lớn, có chiều hướng đi vào chiều sâu
- D. Chấm dứt hoạt động

Câu 5: Phong trào Yên Thế có sự khác biệt so với phong trào Cần Vương ở chỗ:

- A. Triều đình tổ chức B. Nông dân tự động kháng chiến
- C. Phong trào Cần Vương khởi xướng D. Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương hợp lại

Câu 6: Phong trào Cần Vương và phong trào nông dân Yên Thế đều có chung mục đích gì?

- A. Kêu gọi nhân dân cả nước đứng dậy kháng chiến chống Pháp
- B. Giải phóng mọi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân
- C. Thể hiện lòng yêu nước, ý chí đấu tranh chống Pháp giành độc lập dân tộc
- D. Vừa đấu tranh chống Pháp, vừa chống bọn phong kiến tay sai

Câu 7: Điểm khác nhau cơ bản nhất của phong trào Cần Vương và phong trào nông dân Yên Thế là gì?

- A. Lực lượng tham gia B. Lãnh đạo phong trào
- C. Địa bàn hoạt động D. Thời gian tồn tại

Câu 8: Căn cứ Bãi Sậy thuộc tỉnh nào?

- A. Nam Định B. Thanh Hóa C. Hưng Yên D. Sơn Tây

Câu 9: Lãnh tụ khởi nghĩa Hương Khê là ai?

- A. Phạm Bành- Đinh Công Tráng B. Phan Đình Phùng- Cao Thắng
- C. Phan Đình Phùng- Đinh Công Tráng D. Nguyễn Thiện Thuật- Nguyễn Quang Bích

Câu 10: Lãnh tụ phong trào Yên Thế là ai?

- A. Hoàng Hoa Thám B. Phan Đình Phùng C. Nguyễn Thiện Thuật D. Cao Thắng

Câu 11: Phong trào Cần Vương mang tính chất gì?

- A. Phong kiến B. Tư sản C. Vô sản D. Phong kiến và Tư sản

Câu 12: Nghĩa quân chọn Bãi Sậy để xây dựng căn cứ vì vùng này có đại hình như thế nào?

- A. Vùng đầm, hồ, lau sậy um tùm, dễ che dấu lực lượng và mai mục đánh địch

- B. Vùng đầm lầy, nghĩa quân có thể xây dựng căn cứ phòng thủ
- C. Địa thế rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho cách đánh du kích
- D. Vùng trung du, dễ đánh và rút lui

Câu 13: Tôn Thất Thuyết mượn lời Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương khi đang ở đâu ?

- A. Căn cứ Ba Đình
- B. Đồn Mang Cá
- C. Kinh đô Huế
- D. Căn cứ Tân Sở (Quảng Trị)

Câu 14: Chiếu Cần Vương được đông đảo nhân dân hưởng ứng vì?

- A. Khẳng định quyết tâm chống pháp của triều đình
- B. Tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp
- C. Đáp ứng được nguyện vọng đấu tranh giành tự do, độc lập của nhân ta
- D. Chiếu kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước

Câu 15: Trong phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Hương Khê là tiêu biểu nhất vì

- A. Thời gian dài, địa bàn rộng, lãnh đạo uy tín
- B. Có nhiều trận đánh lớn
- C. Gây cho địch nhiều khó khăn
- D. Thu hút đông đảo quần chúng tham gia

BÀI 22. XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP.

Câu 1: Thành phần xuất thân của giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu từ

- A. Tầng lớp tư sản
- B. Tầng lớp địa chủ nhỏ.
- C. Tầng lớp tiểu tư sản
- D. Giai cấp nông dân

Câu 2: Giai cấp nào ra đời trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam và trở thành lực lượng đông đảo của cách mạng?

- A. Tư sản dân tộc
- B. Công nhân
- C. Tiểu tư sản
- D. Nông dân

Câu 3: Đầu thế kỉ XX, mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?

- A. Đòi quyền lợi giai cấp
- B. Đòi quyền tự do, dân chủ
- C. Đòi quyền lợi dân tộc
- D. Đòi quyền lợi kinh tế

Câu 4: Qua công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, phương thức sản xuất nào từng bước du nhập vào Việt Nam?

- A. Sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp
- B. Tư bản chủ nghĩa
- C. Sản xuất phong kiến
- D. Phương thức sản xuất thực dân

Câu 5: Lực lượng xã hội nào đã tiếp thu luồng tư tưởng mới bên ngoài vào Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Công nhân
- B. Sĩ phu yêu nước
- C. Nông dân
- D. Sĩ phu yêu nước tiến bộ và các tầng lớp nhân dân đô thị

Câu 6: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm xuất hiện các giai cấp và tầng lớp xã hội mới, đó là

- A. Địa chủ nhỏ và công nhân
- B. Công nhân, tư sản dân tộc và tiểu tư sản
- C. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản
- D. Công nhân, nông dân và tư sản dân tộc

Câu 7: Hệ quả lớn nhất trong chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là gì?

- A. Phong trào yêu nước phát triển mạnh
- B. Công nghiệp phát triển
- C. Cơ cấu kinh tế ít nhiều có sự biến chuyển, cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc
- D. Nền kinh tế phát triển rõ rệt

Câu 8: Năm 1897, thực dân Pháp cử nhân vật nào sang làm Toàn quyền Đông Dương?

- A. Bôlaéc
- B. Pôn Đume
- C. Gác-ni-ê
- D. Rivie

Câu 9: Những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, tư tưởng tiến bộ từ những nước nào đã ảnh hưởng đến Việt Nam?

- A. Ấn Độ và Trung Quốc
C. Nhật Bản và Trung Quốc

- B. Các nước ở khu vực Đông Nam Á
D. Anh và Pháp

Câu 10: Trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng vào ngành nào?

- A. Luyện kim và cơ khí B. Khai thác mỏ C. Công nghiệp nhẹ D. Công nghiệp nặng

Câu 11: Trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, xã hội Việt Nam có hai giai cấp cơ bản là

- A. Công nhân và nông dân B. Địa chủ phong kiến và tiểu tư sản
C. Địa chủ phong kiến và nông dân D. Địa chủ phong kiến và tư sản

Câu 12: Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách nào ngay từ khi tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam?

- A. Chính sách “chia để trị”
B. Chính sách “khủng bố trắng” đối với những người chống đối
C. Chính sách “dùng người Pháp trị người Việt”
D. Chính sách “đồng hóa” dân tộc Việt Nam

Câu 13: Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX là

- A. Hệ thống đường giao thông được mở rộng
B. Xuất hiện những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nhưng manh mún và lệ thuộc vào Pháp
C. Kinh tế nông nghiệp phát triển, kinh tế công nghiệp chậm phát triển
D. Thương nghiệp phát triển

Câu 14: Giai cấp công nhân Việt Nam tập trung đông nhất ở ngành nào?

- A. Khai thác mỏ B. Các xí nghiệp chế biến C. Đồn điền D. Công nghiệp đóng tàu

Câu 15: Giai cấp hay tầng lớp nào ở Việt Nam ngày càng gánh chịu nhiều thứ thuế và bị khổ cực trầm bở trong thời gian thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất?

- A. Tầng lớp tư sản dân tộc B. Tầng lớp tiểu tư sản
C. Giai cấp công nhân D. Giai cấp nông dân

Câu 16: Vì sao phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX còn mang tính tự phát?

- A. Đấu tranh chỉ đòi quyền lợi về kinh tế
B. Vì họ đấu tranh chưa mạnh mẽ, chưa kiên quyết
C. Chưa quan tâm đến việc đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ
D. Vì sự đàn áp dã man của thực dân Pháp

Câu 17: Để tối đa hóa nguồn lợi nhuận, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, thực dân Pháp vẫn duy trì phương thức bóc lột nào?

- A. Phong kiến B. Bóc lột thực dân
C. Tư bản chủ nghĩa D. Phương thức bóc lột tiền tư bản chủ nghĩa

BÀI 23. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914).

Câu 1: Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích gì?

- A. Đào tạo đội ngũ cán bộ, đưa về nước hoạt động
B. Chuẩn bị lực lượng để tiến hành bạo động giành độc lập
C. Tập hợp các lực lượng yêu nước của Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc
D. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam

Câu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, Phan Châu Trinh và nhóm sĩ phu tiến bộ ở Quảng Nam đã chú ý đến hoạt động nào?

- A. Vận động nhân dân dùng hàng nội hóa, bài trừ hàng ngoại
B. Khuyến khích các thương nhân đầu tư sản xuất, buôn bán

- C. Cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh
- D. Mở rộng buôn bán trong nước

Câu 3: Để thực hiện chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp, Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. Bạo động chống Pháp
- B. Duy tân
- C. “Chấn hưng nội hóa”
- D. Đông du

Câu 4: Một hoạt động độc đáo trong lĩnh vực đời sống của cuộc vận động Duy tân là

- A. Xây dựng nền văn hóa truyền thống dân tộc
- B. Tiến hành cải cách về văn hóa, đưa tư tưởng văn hóa tiến bộ vào đời sống nhân dân
- C. Tiến hành cuộc vận động cải cách trang phục và lối sống như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, lên án những hủ tục phong kiến
- D. Khôi phục những tinh hoa văn hóa bị mai một.

Câu 5: Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Cải cách kinh tế, xã hội
- B. Duy tân để phát triển đất nước
- C. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang
- D. Bạo lực để giành độc lập dân tộc

Câu 6: Tại sao Phan Bội Châu lại quay trở lại hoạt động ở Trung Quốc?

- A. Trung Quốc gần với Việt Nam nên dễ dàng về nước hoạt động
- B. Ảnh hưởng tư tưởng của các cuộc cải cách ở Trung Quốc
- C. Cách mạng Tân Hợi (1911) bùng nổ, triều đình Mãn Thanh bị lật đổ, Chính phủ Dân quốc được thành lập, thi hành nhiều chính sách tiến bộ
- D. Do Trung Quốc không phải là thuộc địa của thực dân Pháp

Câu 7: Việt Nam Quang phục hội đã có những hoạt động gì để gây tiếng vang trong nước và thức tỉnh đồng bào?

- A. Tổ chức tuyên truyền vận động đối với quần chúng cách mạng trong nước
- B. Mở lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu
- C. Tiến hành bạo động vũ trang ở trong nước
- D. Cử người bí mật về nước trừ khử những tên thực dân đầu sỏ, kể cả Toàn quyền Anbe Xarô và những tên tay sai đắc lực

Câu 8: Phan Bội Châu và các đồng chí của ông chủ trương thành lập Hội Duy tân nhằm mục đích gì?

- A. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ phong kiến, hành lập chính thể cộng hòa
- B. Duy tân làm cho đất nước cường thịnh để giành độc lập
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam
- D. Đánh đổ ngôi vua, phát triển lên tư bản chủ nghĩa

Câu 9: Nội dung nào thể hiện đường lối cứu nước của Phan Châu Trinh?

- A. Dựa vào Nhật để đánh Pháp giành độc lập dân tộc
- B. Tiến hành chống Pháp và phong kiến dựa vào tầng lớp nhân dân, giành độc lập dân tộc
- C. Tiến hành cải cách nâng cao dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và bọn phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập
- D. Tiến hành khởi nghĩa vũ trang, khôi phục độc lập cho nước Việt Nam

Câu 10: Kết quả hoạt động buổi đầu của Việt Nam Quang phục hội là

- A. Khuấy động được dư luận trong và ngoài nước
- B. Tuyên truyền vận động được quần chúng nhân dân ở trong nước
- C. Kích động được tinh thần yêu nước của nhân dân ta
- D. Mở được nhiều lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu

Câu 11: Trong giáo dục, cuộc vận động Duy tân đã chú trọng

- A. Mở trường học theo lối mới, dạy chữ Quốc ngữ, dạy các môn học mới
- B. Thay đổi nội dung học tập, chú ý đến các lĩnh vực khoa học – kỹ thuật

- C. Sử dụng chữ Nôm, không dạy chữ Hán
- D. Tiến hành cải cách giáo dục, dạy nhiều nội dung lịch sử, văn học

Câu 12: Ý nào không phải là lí do mà vào những năm đầu thế kỉ XX một số nhà yêu nước Việt Nam muốn đi theo con đường cứu nước của Nhật Bản?

- A. Nhật Bản đã đề ra thuyết “Đại Đông Á” nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam
- B. Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga (1905)
- C. Nhật Bản là nước “đồng văn, đồng chủng”, là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi số phận một nước thuộc địa
- D. Sau Cải cách Minh Trị, Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh

Câu 13: Cuối năm 1913, cách mạng Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn là do

- A. Thực dân Pháp tăng cường khủng bố trước những hoạt động của Việt Nam Quang phục hội, Phan Bội Châu bị bắt
- B. Thực dân Pháp cầu kết với giới quân phiệt Trung Quốc trục xuất những thành viên của Việt Nam Quang phục hội
- C. Việt Nam Quang phục hội không có đường lối, mục tiêu rõ ràng
- D. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội không đạt hiệu quả

Câu 14: Trong nông nghiệp, Phan Châu Trinh chú ý đến hoạt động nào?

- A. Phát triển nghề làm vườn, thành lập nông hội chuyên việc san đồi trồng quế, hồ tiêu
- B. Cải tạo các công trình thủy lợi, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp
- C. Vận động chia lại ruộng đất cho nông dân
- D. Vận dụng phương pháp sản xuất mới

Câu 15: Trong cuộc vận động Duy tân, khi tư tưởng duy nhất đi vào quần chúng, vượt qua khuôn khổ ôn hòa, đưa cuộc đấu tranh sang hình thức mới nào?

- A. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân
- B. Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908)
- C. Phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907)
- D. Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang

Câu 16: Vì sao phong trào Đông du tan rã (1908)?

- A. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa học sinh về nước
- B. Chính phủ Nhật Bản cầu kết với thực dân Pháp ở Đông Dương, trục xuất số lưu học sinh Việt Nam, kể cả Phan Bội Châu
- C. Phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn
- D. Đã hết thời gian đào tạo, học sinh phải về nước

Câu 17: Sau thời gian ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã đến đâu để tiếp tục hoạt động?

- A. Về nước
- B. Trung Quốc
- C. Thái Lan
- D. Triều Tiên

Câu 18: Tại sao Phan Châu Trinh lại chủ trương cải cách?

- A. Do thất bại của phong trào Đông Du
- B. Do tư tưởng cải cách trên thế giới lúc bấy giờ xâm nhập mạnh vào Việt Nam
- C. Do sớm tiếp thu những tư tưởng tiến bộ trên thế giới
- D. Do xu hướng giải phóng dân tộc bằng khởi nghĩa vũ trang trước đó thất bại

BÀI 24. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918).

Câu 1: Lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Tiểu tư sản
- B. Công nhân và nông dân
- C. Công nhân
- D. Tư sản dân tộc

Câu 2: Những hoạt động yêu nước đầu tiên của Nguyễn Tất Thành ở Pháp có tác dụng gì?

- A. Làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng của Người
- B. Tuyên truyền và khích lệ tinh thần yêu nước của Việt kiều ở Pháp
- C. Đây là cơ sở để Người tìm hiểu và tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga
- D. Là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

Câu 3: Để giải quyết khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Đông Dương và Pháp trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp đã đưa ra giải pháp gì?

- A. Liên kết đầu tư kinh doanh
- B. Nói lỏng độc quyền, cho tư bản người Việt được kinh doanh tương đối tự do
- C. Khuyến khích đầu tư vốn vào các ngành sản xuất công nghiệp
- D. Khuyến khích các nghề thủ công truyền thống phát triển

Câu 4: “Nhiệm vụ chủ yếu của Đông Dương là cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực ...” là tuyên bố của

- A. Chính phủ Pháp
- B. Chính phủ tay sai ở Đông Dương
- C. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương
- D. Toàn quyền Đông Dương

Câu 5: Để phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách gì?

- A. Bắt nhân dân ta đóng nhiều thứ thuế, mua công trái, đưa lương thực, nông sản, kim loại sang Pháp
- B. Khuyến khích nhân dân ta tích cực sản xuất nông nghiệp để tăng nguồn lương thực
- C. Tăng thuế để tăng nguồn thu ngân sách
- D. Tăng cường đầu tư sản xuất công nghiệp

Câu 6: Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho việc trao đổi hàng hóa giữa Pháp với Đông Dương thế nào?

- A. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp tăng lên
- B. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương giảm
- C. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp giảm
- D. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương tăng lên

Câu 7: Đối với các nhà yêu nước tiền bối, Nguyễn Tất Thành có thái độ như thế nào?

- A. Khâm phục tinh thần yêu nước, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ
- B. Tán thành con đường cứu nước của họ
- C. Khâm phục tinh thần yêu nước của họ
- D. Không tán thành con đường cứu nước của họ

Câu 8: Trong bối cảnh đời sống nhân dân bị bần cùng, giai cấp tư sản Việt Nam làm gì để có địa vị chính trị nhất định?

- A. Cử người tham gia bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương
- B. Lập cơ quan ngôn luận, bênh vực quyền lợi về chính trị và kinh tế cho người trong nước
- C. Tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh
- D. Đẩy mạnh buôn bán với tư bản Pháp

Câu 9: Hình thức đấu tranh kinh tế của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chống cúp phạt lương
- B. Chống làm việc quá 12 giờ trong ngày
- C. Đòi giảm giờ làm
- D. Đòi tăng lương

Câu 10: Vì sao Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước?

- A. Nơi diễn ra các cuộc cách mạng tư sản nổi tiếng
- B. Để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình
- C. Vì Pháp là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta
- D. Nơi đặt trụ sở của Quốc tế Cộng sản – tổ chức ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

Câu 11: Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động mạnh nhất đến lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế - xã hội B. Giáo dục C. Kinh tế D. Văn hóa

Câu 12: Trước những hạn chế của khuynh hướng cứu nước của các chí sĩ yêu nước đi trước, Nguyễn Tất Thành đã có quyết định gì?

- A. Sang Nga học tập và nhờ sự giúp đỡ
B. Quyết định ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc
C. Sang Trung Quốc tìm hiểu và nhờ sự giúp đỡ
D. Tích cực tham gia các hoạt động yêu nước để tìm hiểu thêm

Câu 13: Hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động B. Bạo động vũ trang
C. Đấu tranh chính trị D. Đấu tranh kinh tế

Câu 14: Yếu tố nào tác động đến tình hình xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Chính sách về kinh tế, xã hội của Pháp ở Việt Nam
B. Những biến động về kinh tế ở Việt Nam
C. Pháp là một bên tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất
D. Chính sách của Pháp và những biến động về kinh tế ở Việt Nam

Câu 15: Trong hành trình tìm đường cứu nước, nhận thức đầu tiên của Nguyễn Tất Thành, khác với các nhà yêu nước đi trước ở điểm nào?

- A. Cần phải đoàn kết với các dân tộc bị áp bức để đấu tranh giành độc lập
B. Cần phải đoàn kết các lực lượng dân tộc để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược
C. Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị áp bức bóc lột dã man
D. Cần phải đoàn kết với nhân dân Pháp trong cuộc đấu tranh giành độc lập

Câu 16: Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là quốc gia nào?

- A. Nhật Bản B. Trung Quốc C. Liên Xô D. Pháp

Câu 17: Nền nông nghiệp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có sự chuyển biến ra sao?

- A. Chuyển sang nền nông nghiệp chuyên canh hóa
B. Chuyển hẳn sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh
C. Chuyển từ độc canh cây lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh
D. Chuyển sang nền nông nghiệp hàng hóa

Câu 18: Bối cảnh lịch sử nào quyết định việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

- A. Các tư tưởng cứu nước mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản ảnh hưởng sâu rộng đến nước ta
B. Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ
C. Thực dân Pháp đặt xong ách thống trị trên đất nước Việt Nam
D. Con đường cứu nước giải phóng dân tộc ở Việt Nam đang bế tắc, chưa có lối thoát

Câu 19: Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có ý nghĩa gì?

- A. Tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc
B. Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân
C. Thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân
D. Khẳng định vị trí, vai trò của công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

Câu 20: Nguyên nhân nào dẫn đến đời sống của nông dân Việt Nam này càng bần cùng trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Nạn bắt lính đưa sang chiến trường châu Âu, nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu cao thuế nặng
- B. Pháp chuyển sang độc canh cây công nghiệp phục vụ chiến tranh
- C. Không quan tâm phát triển nông nghiệp
- D. Hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên

ĐÁP ÁN

Bài câu	1	2	3	4	6	7	9	11	12	13	15	16	17	19	20	21	22	23	24
1	C	B	D	D	C	B	C	B	A	C	C	D	B	A	B	D	D	D	B
2	A	D	B	B	A	A	B	C	B	A	A	B	A	B	D	B	B	C	D
3	C	B	D	D	C	B	C	B	A	C	C	A	B	A	B	D	D	D	B
4	A	D	B	B	A	C	D	C	D	A	A	B	A	B	D	C	B	C	D
5	C	B	D	C	B	B	B	A	B	C	C	A	B	A	B	B	D	D	A
6	B	D	B	B	A	C	D	B	D	B	D	B	A	B	D	C	B	C	B
7	C	B	D	A	B	B	B	A	B	B	B	A	B	B	D	B	C	D	A
8	B	D	C	B	A	C	D	B	D	B	D	A	C	C	C	C	B	C	B
9	C	C	C	A	B	B	B	A	B	B	B	B	C	C	C	B	C	C	A
10	B	B	C	B	A	C	D	B	D	A	D	C	C	C	A	A	B	A	B
11	B	C	C	A	B	A	B	A	B	A	B	C	C	C	B	A	C	A	A
12	A	A	C	B	B	A	A	C	D	D	B	C	D	D	A	A	A	A	B
13	B	C	B	D	D	C	A	D	C	C	A	C	D	D	C	D	C	A	A
14	A	A	B	C	D	A	A	A	C		A	D	D	D	A	C	A	A	D
15	B	C	A	D	D	D	A	D	C		C	D	D	D	C	A	D	B	C
16	A	A	A	C	D	D	A	C	C								A	B	D
17	C	D	A	D	D	D	A	D									C	B	C
18	D	A	A	C	D		D	C										B	D
19	D	A		D	A		D												C
20	D			C	C		C												C
21	D			D	B		B												
22	D			C			C												
23				A			C												
24				A															

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 12

BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-1949).

Câu 1: Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta:

- A. Kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai để tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
- B. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc.
- C. Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận.
- D. Giải quyết các hậu quả chiến tranh, lập tòa án quốc tế xét xử tội phạm chiến tranh.

Câu 2: Khi gia nhập, Việt Nam là thành viên thứ 149 của tổ chức:

- A. Liên hợp quốc
- B. NaTo
- C. ASEAN
- D. Vacsava

Câu 3: Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới:

- A. Ban thư kí
- B. Đại hội đồng
- C. Hội đồng bảo an
- D. Hội đồng kinh tế và xã hội

Câu 4: Trật tự thế giới mới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta của những nước nào?

- A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ, Trung Quốc
C. Anh, Pháp, Mĩ

- B. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ
D. Liên Xô, Mĩ, Anh

Câu 5: Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh từ ngày 4 đến 11 - 2 - 1945 được tổ chức tại:

- A. I-an-ta (Liên Xô) B. Oa-sinh-ton (Mĩ) C. Luân Đôn (Anh) D. Pôtxdam (Đức)

Câu 6: Ý nào sau đây là không đúng: Chiến tranh thế giới II bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh:

- A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
B. Xét xử tội phạm chiến tranh.
C. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.
D. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

Câu 7: Quan hệ giữa Việt Nam và Liên hợp quốc được đánh dấu từ:

- A. Tháng 9 - 1977. B. Tháng 9 - 1967. C. Tháng 9 - 1997. D. Tháng 9 - 1987.

Câu 8: Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của Liên hợp quốc:

- A. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp và Trung Quốc)
C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

Câu 9: Vấn đề nào không phải là nội dung quan trọng của Hội nghị Ianta?

- A. Hình thành khối đồng minh chống phát xít.
B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
C. Thỏa thuận khu vực đóng quân và phân chia ảnh hưởng.
D. Tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

Câu 10: Nhiệm vụ của Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc là?

- A. Giải quyết mọi công việc hành chính của Liên Hiệp Quốc.
B. Chịu trách nhiệm chính về duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
C. Cứu trợ nhân đạo đối với những nơi bị thiên tai
D. Giải quyết những việc bức thiết của nhân loại: nạn đói, bệnh tật, ô nhiễm môi trường.

Câu 11: Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc là mục đích thành lập của:

- A. Liên hợp quốc B. Hội nghị I-an-ta C. Liên minh châu Âu D. ASEAN

Câu 12: “Trật tự 2 cực Ianta” nghĩa là:

- A. Liên Xô, Mĩ và Anh đã thỏa thuận về việc phân chia thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai
B. Mĩ và Liên Xô phân chia khu vực ảnh hưởng và Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột, căng thẳng
C. Tại Hội nghị Ianta, Liên Xô và Mĩ - đại diện cho 2 phe: TBCN và XHCN...đã phân chia khu vực ảnh hưởng và phạm vi đóng quân ở châu Á, châu Âu
D. Liên Xô và Mĩ đã phân chia khu vực ảnh hưởng và phạm vi đóng quân ở châu Á, châu Âu

Câu 13: Hội nghị quốc tế tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc diễn ra tại:

- A. Caliphoócnia B. Xan Phoranxixcô. C. Niu Ióoc D. Oasinhton

Câu 14: Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, Tây Beclin và các nước Tây Âu:

- A. Liên Xô B. Anh C. Mĩ, Anh, Pháp D. Mĩ

Câu 15: Hội nghị Ianta (2/1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bùng nổ và ngày càng lan rộng B. bước vào giai đoạn kết thúc
C. đã hoàn toàn kết thúc D. đang diễn ra vô cùng ác liệt

Câu 16: Tháng 11/2016 thế giới diễn ra sự kiện:

- A. Sự kiện ngôi nhà chung thế giới
- B. Khai mạc thể vận hội Olympic
- C. Bầu lại tổng thư kí liên hợp quốc
- D. Khai mạc Word cup

Câu 17: Để kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu và châu Á-Thái Bình Dương, ba cường quốc đã thống nhất:

- A. Liên quân Anh - Mỹ sẽ tấn công sào huyệt phía Tây nước Đức
- B. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật
- C. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng tấn công vào tận sào huyệt của phát xít Đức
- D. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật

Câu 18: Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Beclin và Đông Âu:

- A. Pháp
- B. Anh
- C. Liên Xô
- D. Mỹ

Câu 19: Địa danh nào được chọn để đặt trụ sở Liên Hợp Quốc?

- A. Niu Ióoc
- B. Xan Phoranxixcô
- C. Oasinhton
- D. Caliphoócniá

Câu 20: Tác động lớn nhất của những thỏa thuận tại Ianta là:

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Hình thành trật tự thế giới mới “trật tự 2 cực Ianta”
- C. Các nước đồng minh đẩy mạnh tấn công, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt.
- D. Hình thành khối đồng minh chống phát xít.

Câu 21: Tham dự hội nghị Ianta là nguyên thủ của ba cường quốc:

- A. Mỹ -Anh-Đức
- B. Anh-Pháp-Mĩ.
- C. Liên Xô- Mỹ-Anh.
- D. Liên Xô-Mĩ-Pháp

Câu 22: Mục tiêu cao nhất của tổ chức Liên hợp quốc là:

- A. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế.
- B. Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.
- C. Giúp đỡ các nước đang phát triển và cứu trợ nhân đạo.
- D. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

Câu 23: Mọi nghị quyết của Hội đồng bảo an được thông qua với điều kiện?

- A. Phải có 2/3 số thành viên đồng ý.
- B. Chỉ cần Liên Xô hoặc Mỹ tán thành.
- C. Phải quá nửa số thành viên của Hội đồng tán thành.
- D. Phải có sự nhất trí của 5 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc

Câu 24: 24/10/1945 là ngày chính thức thành lập tổ chức:

- A. ASEAN
- B. NaTo
- C. Vacsava
- D. Liên Hiệp Quốc

Câu 25: Nội dung nào sau đây không có trong “Trật tự 2 cực Ianta”?

- A. Trật tự thế giới mới hình thành sau Hội nghị Ianta.
- B. Liên Xô và Mỹ phân chia khu vực ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế.
- C. Trật tự thế giới mới hình thành sau CTTG II.
- D. Liên Xô và Mỹ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.

Câu 26: Năm 2007 Việt Nam trở thành Ủy viên không thường trực của:

- A. Ban thư kí LHQ
- B. Hội đồng kinh tế và xã hội LHQ
- C. Đại hội đồng LHQ
- D. Hội đồng bảo an LHQ.

BÀI 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991). LIÊN BANG NGA (1991-2000)

Câu 1: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc do Mỹ cầm đầu đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?

- A. Tiến hành bao vây kinh tế
- B. Phát động chiến tranh lạnh
- C. Tiến hành chiến tranh tổng lực
- D. Chuẩn bị sử dụng vũ khí nguyên tử

Câu 2: Sau khi Liên Xô sụp đổ, Liên bang Nga trở thành

- A. quốc gia nắm mọi quyền hành ở Liên Xô.
- B. quốc gia Liên bang Xô viết.
- C. quốc gia độc lập như các nước cộng hòa khác.
- D. quốc gia kế tục Liên Xô.

Câu 3: Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh?

- A. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).
- B. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
- C. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất

Câu 4: Từ năm 1990 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Liên bang Nga là:

- A. hai chữ số
- B. Số âm
- C. 9%
- D. 0,5%

Câu 5: Hãy chọn câu đúng nhất để viết tiếp về Iuri Gagarin: Iuri Gagarin là người đầu tiên

- A. bay vào vũ trụ
- B. bay lên sao hỏa
- C. đặt chân lên mặt trăng.
- D. thử thành công vệ tinh nhân tạo

Câu 6: Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng gì thể hiện sự cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu?

- A. Về sức mạnh quốc phòng.
- B. Về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh hạt nhân nói riêng.
- C. Về chinh phục vũ trụ.
- D. Về sức mạnh kinh tế.

Câu 7: Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước?

- A. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.
- B. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng CNXH trước chiến tranh
- C. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.
- D. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

Câu 8: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

- A. Phát triển kinh tế công-nông- thương nghiệp.
- B. Phát triển công nghiệp nặng.
- C. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.
- D. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.

Câu 9: Ý nào sau đây không đúng: Ý nghĩa của những thành tựu cơ bản trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1945-1975) là:

- A. Cho thấy ở nước Nga chế độ XHCN là phù hợp hơn chế độ TBCN
- B. Thể hiện tính ưu việt của CNXH: xây dựng và phát triển kinh tế, quốc phòng nâng cao đời sống nhân dân
- C. Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mĩ.
- D. Thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển

Câu 10: Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mĩ:

- A. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- B. Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- C. Không chế các nước khác.
- D. Mở rộng lãnh thổ.

Câu 11: Từ năm 1946 - 1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn gì trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- B. Xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội
- C. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.

D. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất

Câu 12: Nguyên nhân trực tiếp đòi hỏi Liên Xô phải bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế trong những năm 1945 - 1950 là?

- A. Đưa Liên Xô trở thành cường quốc thế giới.
- B. Liên Xô phải nhanh chóng khôi phục đất nước bị chiến tranh tàn phá.
- C. Xây dựng nền kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh với Mỹ.
- D. Tiến hành công cuộc xây dựng CNXH đã bị gián đoạn từ năm 1941.

Câu 13: Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?

- A. Đưa con người lên Sao Hỏa.
- B. Đưa con người lên Mặt Trăng.
- C. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.
- D. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

Câu 14: Trong những năm 50, 60, nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, vị trí công nghiệp của Liên Xô đứng thứ

- A. hai trên thế giới B. tư trên thế giới C. ba trên thế giới D. nhất trên thế giới

Câu 15: Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở:

- A. Châu Mỹ B. Châu Phi C. Châu Á D. Châu Âu

Câu 16: Ý nào sau đây không đúng: Từ năm 2000, nước Nga có nhiều chuyển biến khả quan:

- A. Kinh tế dần dần phục hồi và phát triển.
- B. Vị thế quốc tế được nâng cao
- C. Không còn phải đương đầu với các phần tử li khai
- D. Chính trị và xã hội tương đối ổn định.

Câu 17: Hiểu các nước ở Đông Âu theo nghĩa lịch sử như thế nào cho đúng?

- A. Vị trí địa lý phía Đông châu Âu.
- B. Các nước tư bản chủ nghĩa ở phía Tây Liên Xô
- C. Các nước xã hội chủ nghĩa ở phía Đông và Trung Châu Âu trước đây.
- D. Các nước xã hội chủ nghĩa ở phía Đông Liên Xô

Câu 18: Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?

- A. Đức B. Trung Quốc C. Liên Xô D. Mỹ

Câu 19: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại:

- A. Hòa bình, trung lập, không tham gia vào liên minh quân sự nào
- B. Kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mỹ
- C. Tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người
- D. Hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới

Câu 20: Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu:

- A. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động lớn của tình hình thế giới.
- B. Hoạt động chống phá của các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước.
- C. Những sai lầm về chính trị và tha hóa về phẩm chất đạo đức của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước
- D. Đã xây dựng một mô hình về CNXH chưa đúng đắn, chưa phù hợp,

Câu 21: Hãy xác định khó khăn lớn nhất ở Liên Xô do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại?

- A. 70.000 làng mạc bị tiêu hủy. B. 32.000 xí nghiệp bị tàn phá.
- C. 1710 thành phố bị đổ nát. D. 26 triệu người chết.

Câu 22: Năm 1957 Liên Xô phóng thành công

- A. tàu vũ trụ B. tàu thần châu năm

C. bom nguyên tử

D. vệ tinh nhân tạo của trái đất

Câu 23: Năm 1949 đã ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô bằng sự kiện nổi bật nào?

- A. Liên Xô đập tan âm mưu thực hiện cuộc “chiến tranh lạnh” của Mỹ.
- B. Liên Xô chế tạo thành công vệ tinh nhân tạo
- C. Liên Xô thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn
- D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử

BÀI 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á.

Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Trung Quốc đã:

- A. Bước đầu tiên lên xây dựng CNXH.
- B. Tiến lên xây dựng chế độ TBCN
- C. Tiếp tục hoàn thành cuộc CM dân tộc dân chủ nhân dân
- D. Hoàn thành CM dân tộc dân chủ nhân dân

Câu 2: Ngày 1/10/1949, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, đứng đầu là Chủ tịch:

- A. Mao Trạch Đông B. Tưởng Giới Thạch C. Đặng Tiểu Bình D. Hồ Cẩm Đào

Câu 3: Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập:

- A. 1/10/1948 B. 1/11/1949 C. 1/10/1949 D. 1/9/1949

Câu 4: Sau 20 năm cải cách, mở cửa (1979-1999) nền kinh tế TQ như thế nào?

- A. Phát triển nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới
- B. Bị cạnh tranh gay gắt
- C. Không ổn định và bị chững lại
- D. Ổn định và phát triển mạnh

Câu 5: Ngày 18/1/1950 Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với:

- A. Hàn Quốc B. Triều Tiên C. Việt Nam D. Mỹ

Câu 6: Sau khi bị thất bại, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã chạy tới:

- A. Đài Loan B. Mỹ C. Hải Nam D. Hồng Kông

Câu 7: Ngày 15/10/2003 TQ phóng thành công con tàu đưa nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ bay vào không gian vũ trụ. Con tàu đó mang tên gì?

- A. “Thần Châu 4” B. “Thần Châu 2” C. “Thần Châu 5” D. “Thần Châu 3”

Câu 8: Tháng 1-1950, thiết lập quan hệ ngoại giao giữa:

- A. Trung Quốc và Việt Nam B. Trung Quốc và Liên Xô
- C. Trung Quốc và ASEAN D. Trung Quốc và Nhật

Câu 9: Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949 đánh dấu Trung Quốc đã:

- A. Chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- B. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng CNXH
- D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên TBCN

Câu 10: Âm mưu của Tưởng Giới Thạch sau

- A. Chống lại những tổ chức của Thanh Triều
- B. Phát động nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng Sản và phong trào cách mạng
- C. Biến Trung Quốc thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- D. Cầu kết với Nhật để chống Đảng Cộng Sản Trung Quốc

Câu 11: Đường lối phòng ngự tích cực của quân giải phóng Trung Quốc là do:

- A. Quân đội Đảng cộng sản quá yếu
- B. Quân đội Quốc dân đảng quá mạnh
- C. So sánh lực lượng giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản còn chênh lệch có lợi cho Đảng Cộng

Sản

D. So sánh lực lượng giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản còn chênh lệch thiên về Quốc Dân Đảng

Câu 12: Đặc điểm chính sách đối ngoại của Trung Quốc 1979 đến nay là:

- A. Duy trì hai đường lối bất lợi cho Trung Quốc
- B. Mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới
- C. Chỉ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Xã hội chủ nghĩa
- D. Tiếp tục đường lối đóng cửa

Câu 13: Năm 1978, Trung Quốc thực hiện đường lối

- A. ba ngọn cờ hồng
- B. phát triển thủ công nghiệp
- C. đóng cửa nền kinh tế
- D. cải cách - mở cửa

Câu 14: Ngày 1-10-1949 cách mạng Trung Quốc thành công, đánh dấu sự sụp đổ nền thống trị của:

- A. Đảng cộng sản
- B. Quốc dân Đảng
- C. Chủ nghĩa đế quốc
- D. Chủ nghĩa thực dân

Câu 15: Năm 1997, ai được trao trả về cho Trung Quốc?

- A. Hàn Quốc
- B. Đài Loan
- C. Triều Tiên
- D. Hồng Kông

Câu 16: Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nước CHND Trung Hoa:

- A. Đánh dấu cách mạng Trung Quốc đã hoàn thành
- B. Tăng cường lực lượng của CNXH trên phạm vi toàn thế giới
- C. Góp phần củng cố hệ thống CNTB trên thế giới.
- D. Kết thúc sự nô dịch và thống trị của đế quốc phong kiến, tư sản mại bản

Câu 17: Không giữ đất đai mà chỉ nhằm tiêu hao sinh lực địch, xây dựng lực lượng của mình là nội dung của đường lối chiến lược:

- A. Phòng ngự tiêu cực
- B. Tiến công và phòng ngự
- C. Tiến công tiêu diệt địch
- D. Phòng ngự tích cực

Câu 18: Tháng 2/1979 xảy ra cuộc chiến tranh biên giới giữa Trung Quốc và:

- A. Ấn độ
- B. Việt Nam
- C. Mianma
- D. Liên xô

Câu 19: Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội mang màu sắc Trung Quốc với các đặc điểm:

- A. Lấy xây dựng văn hóa - tư tưởng làm trung tâm
- B. Lấy xây dựng kinh tế - chính trị làm trung tâm
- C. Lấy cải tổ chính trị làm trung tâm
- D. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm

Câu 20: Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay:

- A. Thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.
- B. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.
- C. Gây chiến tranh xâm lược biên giới phía bắc Việt Nam.
- D. Bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.

Câu 21: Đường lối chiến lược của quân giải phóng Trung Quốc trong giai đoạn một (7/1946-6/1947) là:

- A. Phòng ngự tích cực.
- B. Tiến công nhằm mục đích mở rộng đất đai, tiêu diệt sinh lực địch
- C. Vừa tiến công vừa phòng ngự
- D. Tiến công tiêu diệt sinh lực địch

BÀI 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ.

Câu 1: Ngày 8/8/1967, ASEAN được thành lập với sự tham gia của 5 nước:

- A. Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Xingapo và Brunay

- B. Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia, Xingapo và Philippin
- C. Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia, Xingapo và Việt Nam
- D. Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia, Xingapo và Mianma

Câu 2: Ngày 17/4/1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia kết thúc thắng lợi, thủ đô

- A. Băng Cốc được giải phóng
- B. Manila được giải phóng
- C. Phnôm Pênh được giải phóng
- D. Viêng Chăn được giải phóng

Câu 3: Năm 1951, để lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược:

- A. Đảng nhân dân cách mạng Mianma thành lập
- B. Đảng nhân dân cách mạng Campuchia thành lập
- C. Đảng cộng sản Việt Nam thành lập
- D. Đảng nhân dân cách mạng Lào thành lập

Câu 4: Thực hiện đường lối hòa bình, trung lập không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc chính trị. Đó là đường lối của:

- A. Lào từ 1954 -1975
- B. Campuchia từ 1954 -1975
- C. Campuchia từ 1954 -1970
- D. Lào từ 1945 – 1954

Câu 5: Năm 1984, ASEAN kết nạp thêm:

- A. Campuchia
- B. Brunây
- C. Việt Nam
- D. Lào

Câu 6: Từ những năm 60, 70 trở đi, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN chuyển sang:

- A. đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng nội địa
- B. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất
- C. chiến lược kinh tế hướng ngoại
- D. chiến lược kinh tế hướng nội

Câu 7: Ngày nay Xingapo sản xuất những sản phẩm nổi tiếng thế giới là:

- A. Sản phẩm hàng tiêu dùng
- B. Giàn khoan dầu trên biển, các linh kiện điện tử, thiết bị và máy tính điện tử
- C. Dầu mỏ
- D. Sản phẩm nông nghiệp

Câu 8: Bản chất của mối quan hệ ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm

- A. Chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại.
- B. Hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học.
- C. Giúp đỡ nhân dân Đông Dương trong chiến tranh chống Pháp và Mỹ.
- D. Đối đầu căng thẳng.

Câu 9: Ngày 21/2/1973, Hiệp định lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký, đó là?

- A. Pari
- B. Viêng Chăn
- C. Gionevơ
- D. Vecxai-Oasinhton

Câu 10: Hiệp ước Ba li (2/1976) được thông qua tại phiên họp được tổ chức ở:

- A. Malaysia
- B. Thái Lan
- C. Singapo
- D. Ấn Độ

Câu 11: Tháng 3/1951, Liên minh Việt -Lào -Khome thành lập nhằm:

- A. Chống lại sự cạnh tranh của năm nước sáng lập ASEAN
- B. Tăng cường tình đoàn kết giữa ba nước Đông Dương đấu tranh chống Pháp
- C. Tăng cường tình đoàn kết giữa ba nước Đông Dương đấu tranh chống Mỹ
- D. Mở rộng quan hệ hợp tác phát triển kinh tế giữa ba nước Đông Dương

Câu 12: ASEAN là một tổ chức ra đời nhằm cùng hợp tác trên lĩnh vực

- A. Chính trị, quân sự
- B. Kinh tế, quân sự
- C. Kinh tế
- D. Kinh tế, văn hóa

Câu 13: Điều không phải là nguyên tắc hoạt động của ASEAN?

- A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Tôn trọng độc lập chính trị và quyền tự quyết của các nước
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình

Câu 14: Từ 1975 -1979, tình hình Campuchia có đặc điểm:

- A. Chế độ diệt chủng Pôn-Pốt Iêng Xary thống trị
- B. Campuchia đặt dưới sự giám sát của tổ chức Liên Hiệp Quốc
- C. Campuchia lệ thuộc Mỹ
- D. Đảng nhân dân cách mạng Campuchia nắm quyền

Câu 15: Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước ĐNÁ sau thế chiến II là gì?

- A. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á & EU
- B. Sự ra đời khối ASEAN
- C. Nhiều nước có tốc độ phát triển khác nhau
- D. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập

Câu 16: Nguyên nhân chủ yếu làm cho Ấn Độ tách thành hai nước (Ấn Độ, Pakixtan)?

- A. Do địa hình Ấn Độ chia cắt bởi những dãy núi
- B. Do lục địa rộng lớn
- C. Do chính sách chia rẽ của thực dân Anh
- D. Do xu thế phát triển của Ấn Độ

Câu 17: Từ nửa sau thập niên 60 của thế kỉ XX, nền kinh tế nước nào chuyển mình trở thành “con rồng” của Châu Á:

- A. Thái Lan
- B. Indônêxia
- C. Philippin
- D. Xingapo

Câu 18: Tháng 10-1945, Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược:

- A. Mianma
- B. Việt Nam
- C. Campuchia
- D. Lào

Câu 19: Năm 1997, ASEAN kết nạp thêm:

- A. Thái Lan
- B. Việt Nam
- C. Campuchia
- D. Lào, Mianma

Câu 20: Ngày 8-8-1967, là ngày chính thức thành lập:

- A. NATO
- B. SEATO
- C. ASEAN
- D. CENTO

Câu 21: Năm 1995, ASEAN kết nạp thêm

- A. Việt Nam
- B. Brunây
- C. Lào và Mianma
- D. Lào

Câu 22: Năm 1999, ASEAN kết nạp thêm:

- A. Lào
- B. Campuchia
- C. Mianma
- D. Việt Nam

Câu 23: ASEAN chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, từ

- A. ASEAN 6
- B. ASEAN 5
- C. ASEAN 7
- D. ASEAN 9

Câu 24: Biến đổi lớn nhất của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Trở thành nước công nghiệp mới (NIC)
- B. Đầu xây dựng nhà nước theo mô hình XHCN
- C. Đầu giành được độc lập
- D. Đầu gia nhập ASEAN

Câu 25: Thời kỳ đầu sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đều tiến hành:

- A. chiến lược kinh tế hướng nội
- B. lấy xuất khẩu làm chủ đạo
- C. “mở cửa” nền kinh tế
- D. chiến lược kinh tế hướng ngoại

Câu 26: Ngày 18/3/1970, chính phủ Xi-hanuc bị lật đổ bởi:

- A. Tập đoàn Khome đỏ
- B. Các thế lực phong kiến
- C. Các thế lực tay sai của Mỹ
- D. Quân đội Sài Gòn

Câu 27: Hãy tìm đáp án sai trong sự kiện sau: Tháng 2/ 1971 quân giải phóng Lào cùng phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam giành thắng lợi:

- A. Ở Thà Khệt
- B. Ở Luông Phabăng
- C. Ở cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng
- D. Đập tan cuộc hành quân chiến lược của địch mang tên Lam Sơn 719

Câu 28: Tháng 3/1946, Thực dân Pháp trở lại xâm lược:

- A. Mianma
- B. Campuchia
- C. Việt nam
- D. Lào

BÀI 6. NƯỚC MỸ.

Câu 1: Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mỹ lập nên?

- A. Khối CENTO
- B. Khối SEATO
- C. Khối NATO
- D. Khối VACSAVA

Câu 2: Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là?

- A. Nhật
- B. Anh
- C. Mỹ
- D. Pháp

Câu 3: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai Đảng nào thay nhau cầm quyền ở Mỹ?

- A. Đảng Quốc đại và Đảng Bảo thủ.
- B. Đảng Bảo thủ và Công đảng.
- C. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ.
- D. Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ.

Câu 4: Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mỹ là gì?

- A. "Chủ nghĩa lập chỗ trống".
- B. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.
- C. Thực hiện "Chiến lược toàn cầu".
- D. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

Câu 5: "Kế hoạch Mác-san" (1947) còn được gọi là:

- A. Kế hoạch phục hưng kinh tế Châu Âu.
- B. Kế hoạch khôi phục Châu Âu.
- C. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu
- D. Kế hoạch phục hưng Châu Âu.

Câu 6: Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

- A. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).
- B. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.
- C. Những năm đầu thế kỉ XX.
- D. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Câu 7: "Chính sách thực lực" của Mỹ là gì?

- A. Chính sách xâm lược thuộc địa
- B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.
- C. Thành lập các khối quân sự.
- D. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mỹ.

Câu 8: Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- B. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 9: Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 4 - 1949 tình hình Châu Âu như thế nào?

- A. Ổn định và có điều kiện để phát triển.
- B. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.
- C. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.
- D. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

Câu 10: Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trong thời gian nào?

- A. Từ 1973 đến 1991.
- B. Từ 1945 đến 1973.
- C. Từ 1945 đến 1975.
- D. Từ 1991 đến 2000.

Câu 11: Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã xuất hiện trung tâm kinh tế, tài chính nào?

- A. Trung tâm kinh tế, tài chính Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản

- B. Trung tâm kinh tế, tài chính Mỹ, Nhật Bản
- C. Trung tâm kinh tế, tài chính Mỹ, Tây Âu.
- D. Mỹ là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới.

Câu 12: Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- B. Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
- C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định thường xuyên xảy ra suy thoái.
- D. Mỹ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.

Câu 13: Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mỹ trong quá trình thực hiện “chiến lược toàn cầu” bởi:

- A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
- B. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.
- C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.
- D. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.

Câu 14: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mỹ?

- A. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.
- B. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Trung Quốc.
- C. Do đeo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.
- D. Kinh tế Mỹ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

Câu 15: Sau khi phát xít Đức đầu hàng, bốn nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành bốn khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

- A. Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh.
- B. Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp.
- C. Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản.
- D. Mỹ, Anh, Pháp, Nhật.

Câu 16: Trong các sự kiện sau, sự kiện nào không phải mục tiêu “chiến lược toàn cầu” của Mỹ.

- A. Không chế, nô dịch các nước đồng minh của Mỹ.
- B. Ngăn chặn, đẩy lùi, rồi tiến tới tiêu diệt các nước XHCN.
- C. Thành lập các khối quân sự ở khắp thế giới để chuẩn bị chiến tranh tiêu diệt các nước XHCN.
- D. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào hòa bình dân chủ thế giới.

Câu 17: Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mỹ, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Biết thâm nhập vào thị trường các nước
- B. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.
- C. Vai trò quản lý của nhà nước có hiệu quả
- D. Áp dụng thành tựu khoa học-kỹ thuật vào trong sản xuất.

Câu 18: Đòi tổng thống nào của Mỹ gắn liền với "Chiến lược toàn cầu" phản cách mạng?

- A. Tơ-ru-man
- B. Ken-nơ-đi
- C. Ai-xen-hao
- D. Giôn-xơn

Câu 19: Nước nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7-1969)?

- A. Mỹ
- B. Nhật
- C. Liên Xô
- D. Trung Quốc

Câu 20: Tên gọi khác của (EU) là gì?

- A. Cộng đồng than thép châu Âu.
- B. Liên minh châu Âu.
- C. Cộng đồng kinh tế châu Âu.
- D. Cộng đồng châu Âu.

Câu 21: Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.
- B. Không bị chiến tranh tàn phá.
- C. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 22: Tháng 4/1949, Mỹ lập ra khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm:

- A. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
- B. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
- D. Chống lại các nước XHCN.

Câu 23: Khối quân sự NATO do Mỹ cầm đầu còn gọi là khối gì?

- A. Khối Bắc Đại Tây Dương
- B. Khối Đông Đại Tây Dương
- C. Khối Nam Đại Tây Dương
- D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương

Câu 24: Để nhận được viện trợ của Mỹ sau Chiến tranh thế giới lần hai, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mỹ đặt ra?

- A. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.
- B. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mỹ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.
- C. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản, hạ thuế quan đối với hàng hóa của Mỹ.
- D. Để hàng hóa Mỹ tràn ngập thị trường Tây Âu.

Câu 25: Chủ nghĩa "lập lò trống" là chủ nghĩa của:

- A. Aixenhao
- B. Giôn-xơn
- C. Toruman
- D. Kennody

Câu 26: Lí do nào là chủ yếu khiến Mỹ và các nước phương Tây dồn sức "Viện trợ" cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

- A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình nước Đức.
- B. Để Tây Đức có ưu thế hơn so với Đông Đức.
- C. Để biến Tây Đức thành một "Lực lượng xung kích" của khối NATO, chống Liên Xô và các nước XHCN.
- D. Biến Tây Đức thành sân sau của Mỹ.

Câu 27: Sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng:

- A. Bá chủ Châu Âu
- B. Phát triển kinh tế
- C. Bá chủ thế giới
- D. Tiêu diệt Liên Xô

Câu 28: Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mỹ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới tiêu diệt các nước XHCN, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mỹ.
- B. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
- C. Chạy đua vũ trang.
- D. Thành lập khối quân sự NATO.

BÀI 8. NHẬT BẢN.

Câu 1: Ngày 15/8/1945, Nhật Hoàng tuyên bố:

- A. Đầu hàng Việt Nam không điều kiện
- B. Đầu hàng Đồng minh không điều kiện
- C. Mở rộng quan hệ với Việt Nam
- D. Liên minh chặt chẽ với Mỹ

Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Nhờ đơn đặt hàng của Mỹ.
- B. Tác động tích cực của cải cách dân chủ.
- C. Biết tận dụng tốt nguồn vốn bên ngoài, áp dụng có hiệu quả thành tựu khoa học kỹ thuật, chi phí quốc phòng thấp, nhà nước quản lý có hiệu quả.
- D. Nhờ đơn đặt hàng của Trung Quốc và Triều Tiên.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.
- B. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc

biệt là Đông Nam Á.

- C. Kí hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật (08-09-1951).
- D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

Câu 4: Những năm 50 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật được phục hồi và phát triển là do:

- A. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.
- B. Nhờ những đơn đặt hàng của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.
- C. Dựa vào nỗ lực bản thân và viện trợ kinh tế của Mỹ.
- D. "Luồn lách" xâm nhập thị trường các nước.

Câu 5: Hãy sắp xếp các sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian.

1. Nhật Bản trở thành thành viên của Liên hợp quốc.
2. Học thuyết Kaiphu ra đời.
3. Học thuyết Phucada ra đời.
4. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật được kí kết.

- A. 2, 3, 4, 1
- B. 4, 1, 3, 2.
- C. 3, 1, 2, 4
- D. 4, 2, 1, 3

Câu 6: Chính sách đối ngoại của Nhật từ 1945 đến nay là:

- A. Không liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. Đối đầu với Liên Xô.
- C. Liên minh chặt chẽ với Mỹ, mở rộng quan hệ trên phạm vi toàn cầu.
- D. Mở rộng quan hệ với Việt Nam.

Câu 7: Để phát triển khoa học kỹ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

- A. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.
- B. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.
- C. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- D. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kỹ thuật.

Câu 8: Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

- A. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học-kỹ thuật.
- B. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kỹ thuật then chốt.
- C. Len lách xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.
- D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 9: Nước nào đầu tiên tiến hành cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất?

- A. Mỹ
- B. Anh
- C. Đức
- D. Liên Xô

Câu 10: Có người ví sự phát triển với tốc độ phi mã của nền kinh tế Nhật Bản như "đôi hài bảy dặm", là vì

- A. từ trong đồng tro tàn của chiến tranh, 30 năm sau Nhật Bản vươn lên trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới
- B. có nhiều thành tựu kì diệu trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật
- C. trong thập niên 70 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật vượt qua nhiều nước tư bản khác.
- D. nước có nhiều giải Nobel nhất châu Á hiện nay

Câu 11: Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

- A. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mỹ.
- B. Hình thành một liên minh Mỹ-Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kỹ thuật của Mỹ để phát triển kinh tế.
- D. Tạo thế cân bằng giữa Mỹ và Nhật.

Câu 12: Sau chiến tranh, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước Đồng minh chống phát xít không có?

- A. Phải dựa vào viện trợ của Mỹ dưới hình thức vay nợ.
- B. Là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.

- C. Thiếu thốn lương thực, thực phẩm.
- D. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

Câu 13: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

- A. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
- B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
- C. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.
- D. Bị quân đội Mỹ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

Câu 14: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản thường được gọi là “đế quốc kinh tế” vì:

- A. Nhật lợi dụng nguồn vốn bên ngoài để phát triển, lợi dụng chiến tranh để làm giàu.
- B. Nhật áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để phát triển.
- C. Nhật có nguồn tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, năng động sáng tạo.
- D. Nhật mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế trên khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á..

Câu 15: Từ đầu năm 90 của thế kỷ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

- A. Lậm vào tình trạng suy thoái.
- B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
- C. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.
- D. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

Câu 16: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật vẫn có những hạn chế và gặp phải nhiều khó khăn:

- A. Hậu quả của chiến tranh nặng nề, bị quân đội Mỹ chiếm đóng.
- B. Mất hết thuộc địa.
- C. Nền kinh tế luôn bị suy thoái, mất cân đối
- D. Lãnh thổ không rộng, tài nguyên nghèo nàn, cơ cấu vùng kinh tế mất cân đối, sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Tây Âu.

Câu 17: Ngày 8-9-1951, Nhật Bản kí kết với Mỹ hiệp ước:

- A. “Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật”
- B. “Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á”.
- C. “Hiệp ước chạy đua vũ trang”.
- D. “Hiệp ước liên minh Mỹ - Nhật”

Câu 18: Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật được kí kết vào năm:

- A. 1950
- B. 1953
- C. 1952
- D. 1951

Câu 19: Sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng:

- A. Những năm 60 của thế kỷ XX.
- B. Những năm 50 của thế kỷ XX.
- C. Những năm 80 của thế kỷ XX.
- D. Những năm 70 của thế kỷ XX.

Câu 20: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì?

- A. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.
- B. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.
- C. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- D. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Câu 21: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

- A. Cải cách ruộng đất.
- B. Cải cách giáo dục.
- C. Cải cách hiến pháp.
- D. Cải cách văn hóa.

BÀI 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH.

Câu 1: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mỹ là:

- A. Làm bá chủ toàn thế giới.
- B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh
- C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa
- D. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

Câu 2: Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị - quân sự giữa Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu được thành lập vào thời gian nào và mang tính chất gì?

- A. Thành lập vào tháng 5 - 1955, mang tính chất cạnh tranh về quân sự với Mỹ và Tây Âu.
- B. Thành lập vào tháng 5 - 1955, mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN.
- C. Thành lập vào tháng 5 - 1950, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Thành lập vào tháng 7 - 1955, mang tính chất chạy đua vũ trang với Mỹ và Tây Âu.

Câu 3: Sự kiện nào chứng tỏ rằng đã đến lúc chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

- A. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- B. Mỹ thông qua “Kế hoạch Mác-san”.
- C. Sự ra đời và hoạt động của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- D. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.

Câu 4: “Trật tự thế giới hai cực I-an-ta” sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc:

- A. Mỹ và Đức
- B. Mỹ và Liên Xô.
- C. Mỹ và Trung Quốc
- D. Mỹ và Anh

Câu 5: Ba nước tư bản trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là những nước:

- A. Mỹ, Anh, Nhật
- B. Mỹ, Anh, Đức
- C. Mỹ, Pháp, Tây Ban Nha.
- D. Mỹ, Anh, Pháp

Câu 6: Bản thông điệp Tổng thống Tơ-ru-man gửi Quốc hội Mỹ ngày 12/3/1947, được xem là sự khởi đầu cho:

- A. Mưu đồ làm bá chủ thế giới của Mỹ.
- B. Chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh.
- C. Chính sách thực lực của Mỹ sau chiến tranh.
- D. Chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 7: Đầu tháng 12 - 1989 trong cuộc gặp gỡ không chính thức đó Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô (Goochbachop) và Tổng thống Mỹ (Bu-sơ) đã cùng tuyên bố vấn đề:

- A. Hạn chế vũ khí hạt nhân hủy diệt
- B. Chấm dứt việc chạy đua vũ trang
- C. Giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.
- D. Chấm dứt chiến tranh lạnh

Câu 8: Đầu tháng 12 - 1989 đã diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô (Goochbachop) và Tổng thống Mỹ (Bu-sơ) ở:

- A. I-an-ta (Liên Xô).
- B. Man-ta (Địa Trung Hải).
- C. Luân Đôn (Anh).
- D. Oa-sinh-ton (Mỹ).

Câu 9: Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mỹ lo ngại đến vấn đề gì?

- A. Sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.
- B. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
- C. Thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đâu.
- D. Sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với Mỹ.

Câu 10: Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu TBCN và Đông Âu XHCN được tạo nên bởi:

- A. Học thuyết Tơ-ru-man của Mỹ.
- B. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO
- C. Chiến lược toàn cầu phân cách mạng của Mỹ.
- D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 11: Tháng 6 - 1947, diễn ra sự kiện gì ở Mỹ có liên quan đến các nước Tây Âu?

- A. Mỹ thành lập khối SEATO
- B. Mỹ thành lập khối quân sự NATO.
- C. Mỹ đề ra “Kế hoạch Mác-san”
- D. Mỹ thành lập khối CENTO.

Câu 12: Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự "đột phá" và biến chuyển trong cục diện thế giới?

- A. Sự chạy đua vũ trang của Mỹ và Liên Xô

- B. Sự phát triển của cách mạng khoa học-kĩ thuật
- C. Sự hợp tác Xô – Mỹ
- D. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu

Câu 13: Vì sao học thuyết To-ru-man vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới vì?

- A. Bản chất bành trướng của nó.
- B. Bản chất đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.
- C. Bản chất chống cộng của nó.
- D. Bản chất phi nghĩa của nó

Câu 14: Liên Xô và Mỹ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến “chiến tranh lạnh” vào thời điểm nào?

- A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai
- D. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Câu 15: Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất mang lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc chiến tranh lạnh là:

- A. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.
- B. Các nước phải chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt.
- C. Các nước ráo riết, tăng cường chạy đua vũ trang.
- D. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới mới.

Câu 16: Tại sao gọi là "trật tự hai cực Ianta"?

- A. Liên Xô và Mỹ chạy đua vũ trang.
- B. Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột ở Ianta.
- C. Tại Hội nghị Ianta, Liên Xô và Mỹ phân chia khu vực ảnh hưởng và đại diện cho hai phe.
- D. Đại diện hai nước Liên Xô và Mỹ phân chia khu vực ảnh hưởng.

Câu 17: Đầu tháng 8 - 1975, 33 nước châu Âu cùng với những nước nào kí kết Định ước Hen-xin-ki?

- A. Cùng với Mỹ và Liên Xô
- B. Cùng với Mỹ và Anh
- C. Cùng với Mỹ và Pháp
- D. Cùng với Mỹ và Ca-na-đa

Câu 18: Cuộc “Chiến tranh lạnh” kết thúc đánh dấu bằng sự kiện:

- A. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goochbachốp tại đảo Manta (12/1989)
- B. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991)
- C. Định ước Henxinki năm 1975.
- D. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972

Câu 19: “Hệ thống Vec-xai và Oa-sinh-ton” được thiết lập vào thời điểm lịch sử nào?

- A. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Cùng lúc với Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- C. Sau Cách mạng tháng Mười Nga.
- D. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 20: Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là:

- A. Mỹ - Liên Xô - Nhật Bản.
- B. Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản.
- C. Mỹ - Đức - Nhật Bản.
- D. Mỹ - Anh - Pháp.

Câu 21: Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gia nhập khối NATO năm 1949 do Mỹ cầm đầu?

- A. Đức, Tây Ban Nha, Hi Lạp
- B. Anh, Pháp, Hà Lan
- C. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc-xăm-bua
- D. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha

Câu 22: Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

- A. Trật tự hai cực I-an-ta bị xói mòn
- B. Xô - Mỹ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện
- C. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ
- D. Mỹ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 23: Tháng 1/ 1949, Liên Xô và Đông Âu thành lập:

- A. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- B. Khối Vác-sa-va ra đời.
- C. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- D. Khối NATO được thành lập.

Câu 24: Những năm 1989 - 1991 đã diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

- A. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.
- B. Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.
- C. Liên Xô và các nước Đông Âu cắt đứt quan hệ với nhau.
- D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.

Câu 25: Xu thế hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện:

- A. Từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX
- B. Từ sau những năm 80 của thế kỉ XX
- C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX
- D. Từ sau những năm 70 của thế kỉ XX

BÀI 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX.

Câu 1: Đặc điểm lớn nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay là:

- A. Khoa học phát triển các lĩnh vực Toán, Lý, Hóa, Sinh.
- B. Kĩ thuật đi trước mở đường cho khoa học.
- C. Khoa học đi trước mở đường để kĩ thuật phát triển.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 2: Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Sự bùng nổ công nghệ thông tin
- B. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế
- C. Sự đầu tư vào khoa học cho lãi cao
- D. Chảy máu chất xám

Câu 3: Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật diễn ra từ những năm 40 đến nay có điểm nào khác nhau cơ bản với cách mạng kĩ thuật trước đây?

- A. Nó đã có những phát minh sáng chế mới
- B. Nó đã kết hợp chặt chẽ giữa cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật
- C. Nó đạt được những thành tựu rất cao
- D. Nó đưa loài người bước vào nền văn minh công nghiệp

Câu 4: Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

- A. Liên Xô
- B. Nhật
- C. Mĩ
- D. Trung Quốc

Câu 5: Nước nào trong những năm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế thần kì?

- A. Anh
- B. Nhật
- C. Pháp
- D. Mĩ

Câu 6: Hai yếu tố khoa học và kĩ thuật không tách rời nhau, đó là đặc điểm của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ mấy?

- A. Lần thứ hai.
- B. Lần thứ ba
- C. Lần thứ nhất.
- D. Lần thứ tư.

Câu 7: Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

- A. Máy tự động
- B. Hệ thống máy tự động
- C. "Người máy" (Rô-bốt)
- D. Máy tính điện tử

Câu 8: Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng

- A. Khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất
- B. Văn minh tin học.
- C. Khoa học - kĩ thuật lần thứ hai
- D. Công nghiệp

Câu 9: Những yếu tố nào đã trở thành nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện nay?

- A. Yêu cầu của kĩ thuật và đời sống xã hội
- B. Yêu cầu của sự văn minh nhân loại
- C. Yêu cầu của chiến tranh và sự gia tăng dân số
- D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất

Câu 10: Kĩ thuật muốn tiến bộ, trước hết phải dựa vào:

- A. Sự phát minh và cải tiến công cụ sản xuất
- B. Sự phát triển của văn hóa
- C. Sự phát triển của khoa học cơ bản
- D. Sự văn minh của nhân loại

Câu 11: Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

- A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp
- B. Cách mạng công nghiệp
- C. Cách mạng trắng trong nông nghiệp
- D. Cách mạng công nghệ

Câu 12: Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở

- A. Anh
- B. Liên Xô
- C. Mĩ
- D. Nhật

Câu 13: Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì?

- A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.
- B. Cải tiến việc quản lí sản xuất.
- C. Cải tiến việc phân công lao động.
- D. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).

Câu 14: Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào?

- A. Ấn Độ
- B. Nhật
- C. Mĩ
- D. Mê-hi-cô

Câu 15: Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

- A. Phát minh hóa học.
- B. Phát minh sinh học.
- C. Tạo ra công cụ lao động mới.
- D. "Cách mạng xanh".

Câu 16: Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ
- B. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ
- C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất
- D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng

Câu 17: Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.
- B. Chế tạo các loại vũ khí có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.
- C. Cách mạng khoa học-kĩ thuật chế tạo vũ khí đặt nhân loại trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.
- D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 18: Điểm nào dưới đây không có trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.
- D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ đời sống.

Câu 19: Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

- A. Toán học
- B. Vật Lí học
- C. Hóa học
- D. Sinh Học

Câu 20: Người máy rôbot lần đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Nhật

B. Mĩ

C. Anh

D. Đức

Câu 21: Hai cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật mà nhân loại đã trải qua là những cuộc cách mạng nào, diễn ra vào thời gian nào?

- A. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.
- B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học - kĩ thuật thế kỉ XX.
- C. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.
- D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng Công nghệ thế kỉ XX.

Câu 22: Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là nước nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa?

A. Mĩ

B. Liên Xô

C. Anh

D. Nhật

Câu 23: Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

- A. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người
- B. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân
- C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới
- D. Do sự bùng nổ dân số

BÀI 12. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919-1925.

Câu 1: Mục tiêu đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919 - 1925?

- A. Đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925)
- B. Đòi một số quyền lợi về kinh tế và các quyền tự do dân chủ
- C. Thành lập Đảng Lập hiến tập hợp lực lượng quần chúng chống Pháp
- D. Chống bọn tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo

Câu 2: Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1924 chủ yếu là:

- A. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị, văn hóa xã hội.
- B. Chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.
- C. Đòi quyền lợi về chính trị.
- D. Đòi quyền lợi về kinh tế.

Câu 3: Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc vì:

- A. Do Việt Nam có nhiều cao su và than là 2 mặt hàng Pháp cần.
- B. Để độc chiếm thị trường Việt Nam.
- C. Để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.
- D. Pháp là nước thắng trận nên có đủ sức mạnh tiến hành khai thác ngay.

Câu 4: Trong thời gian (1919 - trước khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933), Pháp thực hiện Chương trình:

- A. Vơ vét bóc lột nhân dân thuộc địa
- B. Vô sản hóa
- C. Khai thác thuộc địa lần thứ nhất
- D. Khai thác thuộc địa lần thứ hai

Câu 5: Những tờ báo tiến bộ bằng tiếng Pháp của tầng lớp tiểu tư sản trí thức được xuất bản trong năm 1919-1925 là:

- A. Thời mới, Người nhà quê, Chuông rè
- B. An nam trẻ, Nhành lúa, Tiếng dân
- C. Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê
- D. Nhành lúa, chuông rè, Người nhà quê

Câu 6: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam bị phân hóa

- A. Phân hóa sâu sắc giai cấp vô sản mới ra đời đã vươn lên giành quyền lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi.
- B. Phân hóa sâu sắc trong đó 2 giai cấp mới xuất hiện: vô sản và nông dân là lực lượng quan trọng của CM.

- C. Phân hóa sâu sắc xuất hiện các giai cấp mới: tư sản, vô sản, phong kiến, nông dân, tiểu tư sản.
- D. sâu sắc, bên cạnh giai cấp cũ: phong kiến, nông dân, xuất hiện giai cấp mới: tư sản, tiểu tư sản, vô sản.

Câu 7: Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo:

- A. Sự thật.
- B. Nhân đạo.
- C. Người cùng khổ (Le Paria).
- D. Đời sống công nhân.

Câu 8: Thời gian tháng 6-1924 gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là sự kiện nào?

- A. Người dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.
- B. Người dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.
- C. Người dự Hội nghị Quốc tế nông dân.
- D. Người dự Đại hội quốc tế phụ nữ.

Câu 9: Nội dung chính của Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi đến hội nghị Vecxai là đòi chính phủ Pháp:

- A. Thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam
- B. Thừa nhận quyền tự do báo chí, xuất dương, hội họp cho nhân dân thuộc địa
- C. Trao trả độc lập và rút khỏi Việt Nam, Việt Nam làm chủ tương lai chính trị của mình
- D. Tiến hành cải cách xã hội, nói lỏng ách cai trị cho nhân dân các nước thuộc địa

Câu 10: Năm 1919 - 1925, sự kiện lịch sử nào tiêu biểu nhất gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, nhằm tập hợp lực lượng đấu tranh.
- B. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- C. Tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga, Quốc tế cộng sản.
- D. Đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai, đòi quyền tự do dân chủ.

Câu 11: Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1925) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?

- A. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.
- B. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và thành lập công hội
- C. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.
- D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội Nghị Véc-xai.

Câu 12: Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là:

- A. Không cho nông dân tham gia sản xuất.
- B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.
- C. Đánh thuê nặng vào các mặt hàng nông sản.
- D. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.

Câu 13: Mâu thuẫn chủ yếu trong lòng xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất là?

- A. Giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, và bọn phản động tay sai
- B. Giữa tất cả các giai cấp trong xã hội do địa vị và quyền lợi khác nhau nên đều mâu thuẫn
- C. Giữa địa chủ, phong kiến với thực dân Pháp, giữa g/c nông dân với g/c tư sản
- D. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa g/c tư sản với g/c vô sản

Câu 14: Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

- A. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.
- B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
- D. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 15: Sự kiện nào được Nguyễn Ái Quốc đánh giá là: "...như chim én báo hiệu mùa xuân"

- A. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa diện - Quảng Châu (6/1924)

- B. Sự Ra đời của Đảng Lập Hiến (1923)
- C. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925)
- D. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926)

Câu 16: Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì:

- A. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.
- B. Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
- C. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương
- D. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

Câu 17: Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản và quan trọng nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là cách mạng tháng mười Nga và chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản.
- C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.
- D. Có quan hệ gắn bó tự nhiên với giai cấp nông dân.

Câu 18: Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III vì:

- A. Chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- B. Bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.
- C. Đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.
- D. Giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.

Câu 19: Con đường tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường đi của những người đi trước là:

- A. Đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa vô sản
- B. Đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, kết hợp đường lối dân tộc với CNTB
- C. Đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp đường lối dân tộc với CNXH
- D. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước, kết hợp đường lối CNXH với CNTB

Câu 20: Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác của Pháp sau chiến tranh?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến
- B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
- C. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.
- D. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.

Câu 21: thơ sau đây của Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

“Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười!”

- A. Ra báo thanh niên 21/6/1925
- B. Tham gia đại hội V Quốc tế cộng sản (1924)
- C. Đọc luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin (7/1920)
- D. Thành lập hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925)

Câu 22: Điểm mới cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925) là:

- A. Lần đầu tiên công nhân đấu tranh không phải vì mục đích kinh tế
- B. Đấu tranh không chỉ vì mục đích kinh tế mà còn vì mục đích chính trị, thể hiện tinh thần Quốc tế vô sản
- C. Có sự phối hợp đấu tranh giữa công nhân và nông dân
- D. Công nhân đấu tranh có tổ chức chặt chẽ

Câu 23: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành nào?

- A. Giao thông vận tải.
- B. Công nghiệp chế biến.

C. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

D. Nông nghiệp và thương nghiệp.

Câu 24: Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam hằng hái đấu tranh nhằm:

- A. Chống lại cường quyền, áp bức, đòi tự do, dân chủ
- B. Cổ động tinh thần yêu nước cho nhân dân lao động
- C. Đòi quyền lợi kinh tế, văn hóa, xã hội cho nông dân
- D. Chống cường quyền, áp bức cho công nhân

Câu 25: Tổng số vốn mà pháp đầu tư vào Đông Dương để thực hiện chương trình khai thác lần thứ hai từ (1924 - 1929) bao nhiêu?

- A. Gấp 10 lần so với 6 năm trước chiến tranh.
- B. Gấp 20 lần so với 20 năm trước chiến tranh.
- C. Gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.
- D. Gấp 8 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

Câu 26: Chính sách khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp không làm cho bản chất nền kinh tế nước ta thay đổi vì:

- A. Tăng cường đánh thuế nặng hàng hóa trong nước và nước ngoài.
- B. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.
- C. Hạn chế phát triển công nghiệp nặng, biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.
- D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ, đây là hai ngành tư bản Pháp cần.

Câu 27: Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

- A. Nền kinh tế mở cửa, thúc đẩy phát triển ngoại thương.
- B. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc vào Pháp.
- D. Nền kinh tế thương nghiệp và công nghiệp phát triển.

Câu 28: Cho biết đặc điểm của phong trào công nhân giai đoạn 1919-1925?

- A. Phong trào thể hiện ý thức về quyền lợi kinh tế.
- B. Phong trào chủ yếu đòi quyền lợi chính trị và kinh tế có ý thức.
- C. Phong trào thể hiện ý thức chính trị.
- D. Phong trào chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế nên còn mang tính tự phát.

Câu 29: Ý nào dưới đây không phải hình thức đấu tranh của tư sản dân tộc?

- A. Thành Lập Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng đấu tranh
- B. Dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình
- C. Tẩy chay tư sản Hoa kiều, chống độc quyền Cảng Sài Gòn
- D. Đấu tranh nghị trường

Câu 30: Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam chuyển dần sang đấu tranh tự giác?

- A. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).
- B. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).
- C. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).
- D. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (8 - 1925).

Câu 31: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có thành phần nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

- A. Đại địa chủ phong kiến và tư sản mại bản.
- B. Giai cấp nông dân.
- C. Giai cấp tư sản và tiểu tư sản.
- D. Giai cấp công nhân.

Câu 32: Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).
- B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc xai (18-6-1919).

- C. Đánh dấu sự khủng hoảng của huynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- D. Việt Nam quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta

Câu 7: Ngày 25-12-1927, Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập, địa bàn hoạt động chủ yếu ở

- A. Bắc Kỳ.
- B. Trung Kỳ.
- C. Nam Kỳ.
- D. Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ.

Câu 8: Nhân vật nào là chủ yếu của Việt Nam quốc dân đảng?

- A. Phan Chu Trinh
- B. Nguyễn Thái Học
- C. Tôn Đức Thắng
- D. Phan Bội Châu

Câu 9: Ngày 9-7-1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức chính trị nào?

- A. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- B. Hội Liên hiệp thuộc địa.
- C. Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.
- D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 10: Mục tiêu của tổ chức Việt Nam quốc dân đảng là gì?

- A. Đánh đổ giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, lập nên nước Việt Nam độc lập.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ phong kiến.
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- D. Đánh đuổi Pháp, giành lại độc lập dân tộc.

Câu 11: Lực lượng cách mạng nông cốt được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản.
- B. Công- nông -tiểu tư sản, trí thức.
- C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.
- D. Công nhân và nông dân.

Câu 12: Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929 có sự hạn chế gì?

- A. Kẻ thù đàn áp cách mạng dã man
- B. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại.
- C. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.
- D. Phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ tụt lùi và quần chúng không tham gia cách mạng như trước

Câu 13: Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

- A. Thực hiện mục tiêu của đảng: Đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.
- B. Bị động trước tình thế, thực dân Pháp khủng bố sau vụ giết chết Ba danh (2-1929).
- C. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp.
- D. Nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ do mật thám chỉ điểm.

Câu 14: Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

- A. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

Câu 15: nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929?

- A. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- C. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.
- D. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.

Câu 16: Từ ngày 6-1-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã họp ở đâu?

A. Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Cửu Long - Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Thượng Hải (Trung Quốc).

D. Ma Cao (Trung Quốc).

Câu 17: Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện nào?

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời

B. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng

C. Thành lập An Nam cộng sản đảng

D. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên

Câu 18: Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. 1919 - 1925 do yêu cầu của phong trào công - nông Việt nam cần có tổ chức cách mạng lãnh đạo.

B. Do Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu 11-1924, tiếp xúc với các nhà cách mạng và thanh niên tại đây chuẩn bị cho việc thành lập đảng vô sản.

C. Do hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919-1925 ở Liên Xô và Trung Quốc dẫn đến yêu cầu cấp thiết thành lập tổ chức lãnh đạo.

D. 6 - 1924 sự kiện tiếng bom Sa Diện, thanh niên yêu nước Việt Nam đang tập hợp tại Trung Quốc thấy cần có tổ chức chính trị lãnh đạo.

Câu 19: Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 ở:

A. Yên Bái

B. Vĩnh Yên

C. Phú Thọ

D. Hòa Bình

Câu 20: Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

A. Dân chủ tiểu tư sản.

B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ vô sản và tư sản.

D. Dân chủ vô sản.

Câu 21: Tháng 10 - 1930, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng lần thứ nhất đã quyết định đổi tên Đảng ta thành

A. Đảng cộng sản Đông Dương.

B. Tân Việt cách mạng Đảng.

C. Đảng cộng sản Việt Nam.

D. Đảng lao động Việt Nam.

Câu 22: Đảng viên của Việt Nam quốc dân Đảng bao gồm những thành phần nào?

A. Học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức trẻ.

B. Sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, nông dân khá giả, thân hào địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

C. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, địa chủ, phong kiến.

D. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.

Câu 23: An Nam Cộng sản đảng ra đời từ tổ chức nào?

A. Các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.

B. Số còn lại của Việt Nam quốc dân đảng và Tân Việt cách mạng đảng

C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

D. Các hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kì.

Câu 24: Nguyên nhân chủ quan nào là cơ bản làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại?

A. Khởi nghĩa nổ ra bị động.

B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra chậm so với yêu cầu.

D. Thực dân Pháp còn mạnh.

Câu 25: Trong nội dung Luận cương có một số nhược điểm hạn chế:

A. Chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.

B. Chưa thấy được vị trí và vai trò của cách mạng Việt Nam

C. Nhược điểm mang tính chất “hữu khuynh” giáo điều.

D. Nhặng về đấu tranh giai cấp, chưa thấy được khả năng cách mạng của trí thức tiểu tư sản.

Câu 26: Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:

A. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

B. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

D. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Câu 27: Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ 1925-1929 có ý nghĩa như thế nào đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Phong trào phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc có sức thu hút các lực lượng xã hội khác tham gia thành lập Đảng Cộng Sản.

B. Phong trào công nhân càng lên cao ý thức giai cấp càng rõ rệt và giai cấp công nhân trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản ra đời 1930.

C. Là nhân tố tích cực thúc đẩy việc hình thành các tổ chức cộng sản, để đến đầu năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Phong trào công nhân phát triển cùng với sự tăng nhanh của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá và Đảng Cộng Sản ra đời.

Câu 28: Những hoạt động nào của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

A. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu - Trung Quốc, ra báo “Thanh niên”.

B. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.

C. Chủ trương phong trào “Vô sản hóa”.

D. Phong trào bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cửa Bến Thủy.

Câu 29: Tháng 3- 1929, Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời tại

A. Số nhà 5D phố Nguyễn Du (Hà Nội).

B. Số nhà 5D phố Hoàng Kiếm (Hà Nội).

C. Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội).

D. Số nhà 5D phố Khâm Thiên (Hà Nội).

Câu 30: Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập:

A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

B. Tân Việt cách mạng Đảng.

C. Việt Nam Quốc dân Đảng

D. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 31: Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929, những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

A. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công - nông theo hướng vô sản

B. Sự phát triển mạnh của hai tổ chức Thanh niên và Tân Việt.

C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam quốc dân đảng tan rã.

D. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

Câu 32: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa các yếu tố:

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh.

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Câu 33: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam vì?

A. Là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh của giai cấp công nhân trong thời đại mới.

B. Chứng tỏ sức mạnh của liên minh công- nông là 2 lực lượng nòng cốt của cách mạng để giành thắng lợi.

C. Đã tập hợp được tất cả lực lượng cách mạng của cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo ra sức mạnh tổng hợp.

D. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Câu 34: Năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời theo thứ tự?

A. Đông Dương cộng sản liên đoàn, Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.

- B. Đông Dương cộng sản đảng, Đông dương cộng sản liên đoàn, An Nam cộng sản đảng.
- C. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản đảng, Đông dương cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông dương cộng sản liên đoàn.

Câu 35: Sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

- A. Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- B. Đông Dương cộng sản đảng.
- C. An Nam cộng sản đảng.
- D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 36: Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

- A. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- B. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.
- C. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 37: Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) thất bại do nguyên nhân khách quan nào?

- A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- B. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- C. Đế quốc Pháp còn mạnh.
- D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

Câu 38: Tại sao có hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930?

- A. Do sự quan tâm của Quốc Tế cộng sản đối với giai cấp công nhân Việt Nam.
- B. 1929 do phong trào công nhân trên thế giới và trong nước phát triển.
- C. Do ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ là trở ngại lớn cho cách mạng.
- D. Do chủ nghĩa Mác- Lênin tác động mạnh vào ba tổ chức cộng sản

Câu 39: Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?

- A. Cương lĩnh kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.
- B. Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam là bộ phận quan trọng của cách mạng thế giới.
- C. Cương lĩnh đã thể hiện rõ tính độc lập dân tộc và tự do của dân tộc Việt Nam.
- D. Cương lĩnh đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam.

BÀI 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935.

Câu 1: Phong trào 1930-1931, diễn ra ở

- A. Bắc Kỳ.
- B. Trung Kỳ.
- C. Cả nước.
- D. Nam Kỳ.

Câu 2: Lực lượng cách mạng được nêu ra trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 là

- A. công nhân, nông dân.
- B. công nhân, nông dân và tiểu tư sản.
- C. công nhân, nông dân và trí thức.
- D. công nhân, nông dân, tư sản và tiểu tư sản.

Câu 3: Trong phong trào 1930-1931, công nhân đấu tranh đòi những quyền lợi gì?

- A. Tăng lương, giảm giờ làm.
- B. Giảm sưu, giảm thuế.
- C. Giảm tô, giảm tức.
- D. Giảm thuế chợ, thuế hàng .

Câu 4: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng lần thứ nhất bầu ai làm Tổng bí thư?

- A. Trần Phú.
- B. Trường Chinh.
- C. Nguyễn Ái Quốc.
- D. Hà Huy Tập.

Câu 5: Hai khẩu hiệu mà Đảng ta đã vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931 là khẩu hiệu nào?

- A. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc việt gian" và "tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến".
- B. "Chống đế quốc" và "chống phát xít".
- C. "Tự do dân chủ" và "cơm áo hòa bình".
- D. "Độc lập dân tộc" và "Người cày có ruộng".

Câu 6: Vì sao chính quyền được thành lập ở Nghệ - Tĩnh trong phong trào 1930 - 1931 được gọi là Xô viết?

- A. Chính quyền tổ chức theo kiểu Xô Viết ở nước Nga, của dân do dân và vì dân
- B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- C. Chính quyền đầu tiên của công nông, của dân và vì dân
- D. Chính quyền được tổ chức theo nhà nước kiểu mới.

Câu 7: Hạn chế lớn nhất của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 là gì?

- A. Cách mạng Đông Dương lúc đầu là CMTSDQ, bỏ qua TBCN, tiến thẳng lên con đường XHCN.
- B. Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp nông dân.
- C. Xác định động lực cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản trí thức
- D. Không đưa ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp.

Câu 8: Tháng 10/1930 Trần Phú chủ trì hội nghị

- A. Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam.
- B. thống nhất ba tổ chức cộng sản.
- C. Trung ương đảng lần thứ 21.
- D. cấp cao ba nước Đông Dương.

Câu 9: Vì sao nói Xô viết Nghệ-Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn trên cả nước.
- B. Đã đánh đổ thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
- C. Khẳng định quyền làm chủ của nông dân.
- D. Thiết lập được một chính quyền kiểu mới, của dân, do dân và vì dân

Câu 10: Vì sao Nghệ-Tĩnh là địa phương đấu tranh mạnh nhất trong phong trào 1930-1931?

- A. Là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng đông nhất trong cả nước
- B. Chính quyền Xô viết thành lập sớm nhất.
- C. Là nơi có truyền thống anh dũng dân tộc chống giặc ngoại xâm.
- D. Nơi tập trung đông đảo giai cấp công nhân.

Câu 11: Qua phong trào 1930-1931, Đảng ta đã trưởng thành nên tháng 4/1931 được Quốc tế cộng sản công nhận là

- A. một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.
- B. một Đảng trong sạch vững mạnh.
- C. bộ phận độc lập, trực thuộc Quốc tế cộng sản.
- D. một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

Câu 12: Phong trào cách mạng 1930-1931, không nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Cải thiện đời sống.
- B. Đánh đổ chủ nghĩa phát xít.
- C. Giảm sưu cao, thuế nặng.
- D. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.

Câu 13: Trong những năm 1929-1933, mâu thuẫn cơ bản và bao trùm trong xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa

- A. tư sản với công nhân.
- B. thực dân Pháp với giai cấp công nhân.
- C. toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. địa chủ với nông dân.

Câu 14: Nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
- B. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo cách mạng.
- C. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.
- D. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 15: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng lần thứ nhất (10/1930) đã quyết định đổi tên Đảng ta thành

- A. Đông Dương cộng sản đảng.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 16: Trong phong trào 1930-1931, các giai cấp, tầng lớp nào đấu tranh mạnh mẽ nhất?

- A. Công nhân, thợ thủ công.
- B. Công nhân, nông dân.
- C. Thợ thủ công, nông dân.
- D. Tiểu tư sản, công nhân.

Câu 17: Nơi diễn ra Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng tháng 10 năm 1930 ở đâu?

- A. Gia Định- Sài Gòn.
- B. Hương Cảng - Trung Quốc.
- C. Hà Nội - Việt Nam.
- D. Quảng Châu - Trung Quốc.

Câu 18: Hình thức đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.
- B. chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
- C. vũ trang, kết hợp đấu tranh nghị trường.
- D. chính trị, với đấu tranh ngoại giao.

Câu 19: Đỉnh cao của phong trào 1930-1931 diễn ra ở đâu?

- A. Hà Nội.
- B. Nghệ-Tĩnh.
- C. Thái Bình.
- D. Sài Gòn.

Câu 20: Nét nổi bật của nền kinh tế Việt Nam trong những năm 1929 - 1933 là

- A. phát triển nhanh.
- B. ổn định.
- C. suy thoái, khủng hoảng.
- D. có bước phát triển mới.

BÀI 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939.

Câu 1: Từ đầu những năm 30 của thế kỷ XX, bọn phát xít cầm quyền ở những nước nào?

- A. Đức, Áo -Hung.
- B. Pháp, Anh, Đức.
- C. Anh, Pháp, Mỹ.
- D. Đức, Ý, Nhật.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây không phải là mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới được xác định trong Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) là

- A. tự do, dân sinh dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- B. giành dân chủ, bảo vệ hòa bình.
- C. giành độc lập dân tộc.
- D. chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 3: Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là gì?

- A. Tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.
- B. Tập hợp được quần chúng đông đảo, sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.
- C. Chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.
- D. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng .

Câu 4: Hình thức đấu tranh nào dưới đây không sử dụng trong phong trào cách mạng 1936-1939?

- A. Đấu tranh vũ trang
- B. Công khai hợp pháp
- C. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí
- D. Đấu tranh nghị trường

Câu 5: Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

- A. Ngày 1/5/1938 tại Bến Thủy - Vinh.
- B. Ngày 1/5/1938, tại Đấu Xảo, Hà Nội.
- C. Ngày 1/5/1939 tại Hà Nội.
- D. Ngày 1/8/1936 tại quảng trường Ba Đình Hà Nội.

Câu 6: Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm chính quyền ở các nước

- A. Đức, Italia, Nhật.
- B. Đức, Áo, Hung.
- C. Đức, Pháp, Nhật.
- D. Đức, Tây Ban Nha, Ý.

Câu 7: Nội dung nào không phải là nhiệm vụ trước mắt của giai đoạn 1936-1939?

- A. Chống phát xít, chống chiến tranh.
- B. Chống đế quốc, chống phong kiến.
- C. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- D. Chống chế độ phản động thuộc địa

Câu 8: Mục tiêu đấu tranh của nhân dân Đông Dương trong những năm 1936-1939 là

- A. tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- B. bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới.
- C. độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.
- D. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

Câu 9: Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương trong những năm 1936-1939 là gì?

- A. Giành độc lập dân tộc và thực hiện người cày có ruộng.
- B. Chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh.
- C. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.
- D. Đánh đổ phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày.

Câu 10: Hình thức đấu tranh của phong trào Đông Dương Đại hội (1936) là

- A. đấu tranh báo chí. B. biểu tình. C. đấu tranh nghị trường. D. gửi dân nguyện.

Câu 11: Lực lượng chủ yếu nào tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939?

- A. Tư sản, tiểu tư sản, nông dân. B. Các lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ.
- C. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc. D. Tư sản, địa chủ, tiểu tư sản.

Câu 12: Đại hội lần VII của quốc tế cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là

- A. CN quân phiệt và CN đế quốc. B. bọn phân biệt chủng tộc.
- C. CN đế quốc, thực dân. D. CN phát xít.

Câu 13: Chính sách nào được Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp thực hiện ở Đông Dương những năm 1936 - 1939?

- A. Đầu tư khai thác thuộc địa. B. Ân xá tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí
- C. Đáp ứng các yêu sách của nhân dân. D. Chính sách Kinh tế chỉ huy.

Câu 14: Sự kiện nào sau đây không liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 -1939?

- A. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936.
- B. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.
- C. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản.
- D. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 15: Vì sao Đảng ta quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng trong những năm 1936-1939?

- A. Sự chỉ đạo của Quốc Tế Cộng sản.
- B. Chính phủ của Mặt trận nhân dân Pháp đã lên cầm quyền ở Pháp.
- C. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi.
- D. Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng gay gắt.

Câu 16: Nội dung nào dưới đây không có trong phong trào dân chủ 1936-1939?

- A. Công khai tổ chức ngày Quốc tế lao động.
- B. Tổ chức mít tinh đón rước phái đoàn Pháp.
- C. Tổ chức nhân dân họp bàn, đưa dân nguyện.
- D. Biểu tình đòi giảm sưu, giảm thuế.

Câu 17: Phương pháp đấu tranh của cách mạng Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 - 1939 là gì?

- A. Bí mật và bất hợp pháp.
- B. Công khai và hợp pháp.
- C. Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
- D. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Câu 18: Trong cuộc vận động dân chủ 1936 -1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là phong trào

- A. đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.
- B. báo chí và đòi dân sinh dân chủ.

- C. đón Goda và đấu tranh nghị trường.
- D. Đông Dương Đại hội và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Câu 19: Nhiệm vụ cách mạng của Đảng ta được xác định trong thời kỳ 1936-1939 là gì?

- A. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- B. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.
- C. Chống chiến tranh phát xít, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- D. Đánh đuổi đế quốc Pháp, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Câu 20: Về hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kỳ 1936-1939 là như thế nào?

- A. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
- B. Kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.
- D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 21: Đến tháng 3/1938, để phù hợp với mục tiêu đấu tranh của cách mạng Đông Dương, mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đã được đổi tên là

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Mặt trận Liên Việt.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 22: Yếu tố khách quan nào đã tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong những năm 1936 - 1939?

- A. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.
- B. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện, chuẩn bị gây chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Ở Đông Dương có Toàn quyền mới.
- D. Quốc tế Cộng sản tổ chức Đại hội lần thứ VII.

Câu 23: Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa "dân nguyện" lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?

- A. Dân nghèo thành thị.
- B. Công nhân và nông dân.
- C. Trí thức, tiểu TS.
- D. HS và thợ thủ công.

Câu 24: Mặt trận được Đảng ta thành lập năm 1936 có tên gọi là gì?

- A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh.
- D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 25: Ý nào dưới đây không phải là nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của nhân dân Đông Dương được đề ra trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (7/1936) ?

- A. Chống nguy cơ chiến tranh .
- B. Đòi tự do, cơm áo, hoà bình.
- C. Chống đế quốc và chống phong kiến.
- D. Chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít.

BÀI 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939-1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI.

Câu 1: Khẩu hiệu nào được Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra trong Chỉ thị " Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"?

- A. Đánh đuổi đế quốc và tay sai.
- B. Đánh đuổi Pháp - Nhật.
- C. Đánh đuổi phát xít Nhật.
- D. Đánh đuổi thực dân Pháp.

Câu 2: Sau khi quân Pháp ở Đông Dương đã đầu hàng quân Nhật, Nhật vẫn giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp ở đây vì

- A. Nhật chưa đủ sức đuổi hoàn toàn quân Pháp ra khỏi Đông Dương.
- B. Nhật dùng bộ máy đó để vơ vét và đàn áp phong trào cách mạng.
- C. Pháp đã đầu hàng và muốn liên minh chặt chẽ với Nhật.
- D. Nhật muốn giữ mối quan hệ hòa hảo với Pháp để dễ cai trị.

Câu 3: Hội nghị TW Đảng (tháng 11/1939) đã xác định mục tiêu trước mắt của cách mạng Đông Dương là gì?

- A. Đánh đổ phong kiến đem lại ruộng đất cho dân cày.
- B. Củng cố và xây dựng Đảng thật vững mạnh.
- C. Đánh đổ đế quốc và tay sai làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- D. Củng cố và xây dựng Mặt trận, đoàn kết toàn dân.

Câu 4: Nguyễn Ái Quốc có vai trò như thế nào trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941?

- A. Chuẩn bị, tham dự hội nghị.
- B. Chuẩn bị, triệu tập, chủ trì hội nghị.
- C. Đại biểu dự hội nghị.
- D. Chuẩn bị cho hội nghị.

Câu 5: Hình thái của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở nước ta đã được hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) xác định như thế nào?

- A. Đi từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa vũ trang.
- B. Khởi nghĩa từng phần kết hợp với tổng khởi nghĩa.
- C. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.
- D. Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Câu 6: Ngày 30/8/1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.
- C. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.
- D. CM tháng Tám thành công trong cả nước.

Câu 7: Hành động của thực dân Pháp khi phát xít Nhật vào Đông Dương (9/1940)?

- A. Thực hiện chính sách Kinh tế chỉ huy.
- B. Đầu hàng và chia sẻ quyền lợi cho Nhật.
- C. Kiên quyết đánh Nhật để độc chiếm Đông Dương.
- D. Hợp tác cùng nhân dân Đông Dương chống Nhật.

Câu 8: Giai đoạn khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) của cách mạng nước ta còn được gọi là

- A. cao trào kháng Nhật cứu nước.
- B. cao trào đánh đuổi phát xít Nhật.
- C. phong trào kháng Pháp đuổi Nhật.
- D. phong trào chống Nhật cứu nước.

Câu 9: Sau khi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã giành 2 thắng lợi ở trận

- A. Bắc Sơn-Vũ Nhai.
- B. Phay Khắt và Nà Ngần.
- C. Khay Thắt và Nà Ngần.
- D. Thay Khắt và Nà Ngần.

Câu 10: Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được cải tổ từ tổ chức nào?

- A. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- B. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.
- C. Tổng bộ Việt Minh.
- D. Ủy ban lâm thời khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 11: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền tự do và độc lập ấy". Đoạn tư liệu trên được trích trong văn kiện nào?

- A. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.
- B. Tuyên ngôn độc lập.
- C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- D. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

Câu 12: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng hành động của thực dân Pháp sau khi phát xít Nhật vào Đông Dương?

- A. Hợp tác cùng nhân dân Đông Dương chống Nhật.
- B. Thực hiện chính sách Kinh tế chỉ huy.
- C. Đầu hàng và chia sẻ quyền lợi cho Nhật.
- D. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

Câu 13: Hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta trong giai đoạn 1930 - 1945 là

- A. Cao Bằng, Bắc Kạn.
- B. Lạng Sơn và Cao Bằng.
- C. Tuyên Quang và Cao Bằng.
- D. Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng.

Câu 14: Khu giải phóng Việt Bắc bao gồm các tỉnh nào?

- A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Hải Dương, Bắc Giang, Vĩnh Yên, Thái Nguyên.
- B. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.
- C. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hải Dương, Bắc Giang, Thái Nguyên.
- D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Nam, Sơn La, Thái Nguyên.

Câu 15: Vì sao Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Cùng cổ động khối đoàn kết toàn dân.
- B. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939).

Câu 16: Sự kiện nào đưa cách mạng nước ta bước vào hình thái khởi nghĩa từng phần?

- A. Nhật đầu hàng Đồng minh.
- B. Nhật đảo chính Pháp.
- C. Ban bố Quân lệnh số 1.
- D. Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa của Đảng"

Câu 17: Hãy cho biết kẻ thù của nhân dân Việt Nam sau ngày 9/3/1945?

- A. Pháp và Nhật.
- B. Thực dân Pháp.
- C. Pháp và tay sai.
- D. Phát xít Nhật.

Câu 18: Những tỉnh thành nào giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng.
- B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- C. Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội.
- D. Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Giang, Hải Dương.

Câu 19: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939) đã tác động đến tình hình Đông Dương như thế nào?

- A. Pháp và Nhật càng kết chặt chẽ, bóc lột nhân dân Đông Dương.
- B. Pháp tiếp tục thực hiện một số chính sách tiến bộ ở Đông Dương.
- C. Toàn quyền mới ở Đông Dương nói lòng một số quyền tự do, dân chủ.
- D. Pháp ở Đông Dương ra sức vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh.

Câu 20: Khẩu hiệu đấu tranh nào đã được tạm gác lại từ Hội nghị tháng 11/1939?

- A. Đòi quyền dân sinh, dân chủ.
- B. Đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- C. Cách mạng ruộng đất.
- D. Thành lập chính phủ cộng hòa.

Câu 21: Khu Giải phóng Việt Bắc được ví như

- A. hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.
- B. trung tâm đầu não kháng chiến.
- C. thủ đô kháng chiến.
- D. căn cứ địa của cách mạng cả nước.

Câu 22: Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam được hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) xác định là

- A. đánh đổ phong kiến và tay sai
- B. thực hiện người cày có ruộng.

C. giải phóng dân tộc.

D. giải phóng các dân tộc Đông Dương.

Câu 23: Mặt trận nào có vai trò chuẩn bị trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 24: Cho các sự kiện sau, hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian.

1. Thành lập Đảng cộng sản Đông Dương.

2. Hội nghị lần VIII của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương

3. Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được thành lập.

A. 3,2,1

B. 1,3,2

C. 1,2,3

D. 2,3,1

Câu 25: Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập tháng 6/1945 bao gồm các tỉnh nào?

A. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

B. Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Phú Thọ, Thái Nguyên.

C. Cao Bằng, Bắc Kạn, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

D. Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Câu 26: Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian:

1. Cao trào kháng Nhật cứu nước

2. Nhật xâm lược Đông Dương.

3. Mặt trận Việt Minh ra đời

4. Nhật đảo chính Pháp.

A. 4 - 1 - 3 - 2

B. 1 - 3 - 2 - 4

C. 2 - 3 - 4 - 1

D. 3 - 4 - 2 - 1

Câu 27: Hậu quả nặng nề nhất của chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật (1939-1945) đối với nhân dân Việt Nam là gì?

A. Làm cho gần 2 triệu đồng bào miền Bắc chết đói.

B. Làm cho kinh tế Việt Nam bị sa sút nghiêm trọng.

C. Mâu thuẫn dân tộc trở nên gay gắt.

D. Đời sống tất cả các tầng lớp nhân dân đều đứng.

Câu 28: Chủ trương Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam được đề ra trong văn kiện nào?

A. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản Đông Dương (14 - 15/8/1945).

B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5- 1941.

C. Nghị quyết của Đại hội Quốc dân Tân Trào (16-17/8/1945).

D. Chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Câu 29: Địa danh nào được chọn là nơi thí điểm xây dựng các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh?

A. Bắc Kạn.

B. Thái Nguyên.

C. Lạng Sơn.

D. Cao Bằng.

Câu 30: Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam?

A. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "Tuyên ngôn độc lập".

C. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.

D. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

Câu 31: Nguyên nhân gây ra nạn đói cuối năm 1944 - đầu năm 1945 ở Việt Nam?

A. Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp.

B. Chính sách vơ vét, bóc lột của Nhật.

C. Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới.

D. Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp - Nhật.

Câu 32: Nhận định nào sau đây không đúng về tác động của sự kiện Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945 đến cách mạng nước ta?

- A. Đánh đuổi phát xít Nhật là nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Đông Dương.
- B. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương.
- C. Điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi.
- D. Cuộc đảo chính đã tạo nên thời cơ chín muồi.

Câu 33: Tổ chức nào được coi là tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam?

- A. Việt Nam Giải phóng quân.
- B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- C. Trung đội Cứu quốc quân.
- D. Việt Nam Cứu quốc quân.

Câu 34: Vào năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã chọn nơi nào để xây dựng căn cứ địa cách mạng?

- A. Bắc Sơn.
- B. Bắc Sơn - Võ Nhai.
- C. Cao Bằng.
- D. Lạng Sơn.

Câu 35: Mặt trận được Đảng ta thành lập năm 1941 có tên gọi là gì?

- A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- D. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

BÀI 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2-9-1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19-12-1946.

Câu 1: Để khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính sau cách mạng tháng Tám Đảng, Chính phủ đã có chủ trương gì dưới đây?

- A. "Không một tác đất bỏ hoang".
- B. "Tăng gia sản xuất".
- C. "Quỹ độc lập".
- D. "Ngày đồng tâm".

Câu 2: Thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau tháng Tám-1945 ở nước ta là:

- A. Nhân dân sẵn sàng bảo vệ thành quả cách mạng.
- B. Nhân dân ta giành chính quyền, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở các nước thuộc địa phụ thuộc.
- D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

Câu 3: Vì sao Đảng ta chủ trương chuyển từ nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc sang hòa hoãn với Pháp?

- A. Pháp, Trung Hoa Dân quốc đang tranh chấp Việt Nam.
- B. Trung Hoa Dân quốc chuẩn bị rút quân về nước.
- C. Pháp - Trung Hoa Dân quốc, ký hòa ước Hoa-Pháp ngày 28/2/1946.
- D. Pháp mạnh hơn Trung Hoa Dân quốc.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây không được ghi trong Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946?

- A. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
- B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.
- C. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.
- D. Ta cho 15 000 quân Pháp ra Bắc thay thế Tưởng và rút dần trong 5 năm.

Câu 5: "Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo" là câu nói của ai?

- A. Phạm Văn Đồng.
- B. Tôn Đức Thắng.
- C. Hồ Chí Minh.
- D. Trường Chinh.

Câu 6: Để giải quyết nạn đói mang tính chiến lược lâu dài, biện pháp nào dưới đây là cơ bản nhất?

- A. Chia lại ruộng công cho dân nghèo.
- B. Tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm.
- C. Phát động ngày đồng tâm.
- D. Kêu gọi sự cứu trợ từ bên ngoài.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/

- A. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.

- B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do.
- C. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ
- D. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, có quân đội riêng và nền tài chính riêng.

Câu 8: Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946) là

- A. Ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.
- B. Ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.
- C. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.
- D. Pháp công nhận Việt Nam có chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 9: Đảng và chính phủ đã thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo sau cách mạng tháng Tám vì lí do nào dưới đây?

- A. Pháp được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của quân Anh.
- B. Trung Hoa Dân quốc dùng tay sai để chống phá cách mạng.
- C. Kẻ thù còn mạnh, chống phá chính quyền cách mạng.
- D. Chính quyền còn non trẻ, không thể đối phó với nhiều kẻ thù.

Câu 10: Sự kiện chủ yếu nào dưới đây diễn ra trong năm 1946 đã đánh dấu củng cố nền móng cho chế độ mới?

- A. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp.
- B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.
- C. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
- D. Thành lập quân đội Quốc gia.

Câu 11: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Đồng minh nào vào Việt Nam để làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật?

- A. Quân Anh và Mĩ.
- B. Quân Mĩ và Trung Hoa dân quốc.
- C. Quân Anh và Pháp
- D. Quân Anh và Trung Hoa dân quốc.

Câu 12: Âm mưu chủ yếu của các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim ở Việt Nam.
- B. Chống phá chính quyền cách mạng Việt Nam.
- C. Đưa thực dân Pháp trở lại Việt Nam.
- D. Mở đường cho đế quốc Mĩ xâm lược Việt Nam.

Câu 13: Sự kiện nào đã buộc chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển từ đánh Pháp sang nhân nhượng với Pháp?

- A. Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.
- B. Pháp được Anh hậu thuẫn.
- C. Ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.
- D. Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa-Pháp.

Câu 14: Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chứng tỏ điều gì?

- A. Sự nhân nhượng của lực lượng cách mạng.
- B. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ.
- C. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
- D. Sự thoả hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta.

Câu 15: Sách lược của Đảng và Chính phủ đề ra cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 là gì?

- A. Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. Hòa với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc.
- C. Hòa với Pháp và Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.

D. Nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

Câu 16: Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

- A. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.
- B. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.
- C. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- D. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.

Câu 17: Khó khăn cơ bản nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt sau cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Ngoại xâm và nội phản.
- B. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.
- C. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.
- D. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 18: Ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh gì dưới đây?

- A. Thành lập Nha An Ninh
- B. Thành lập quân đội quốc gia Việt Nam
- C. Thành lập Nha Bình dân học vụ.
- D. Thành lập Nha Cảnh sát

Câu 19: Đối sách của Đảng, chính phủ ta thể hiện sách lược mềm dẻo đối với quân đội Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc:

- A. Cung cấp lương thực cho quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc.
- B. Độc lập chủ quyền ở nước ta phải giữ vững
- C. Nhường cho Trung Hoa Dân quốc một chức vụ quan trọng trong Quốc hội.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu Đảng và chính phủ

Câu 20: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa chủ yếu của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946.

- A. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".
- B. Giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.
- C. Nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
- D. Khơi dậy tinh thần yêu nước, làm chủ đất nước của nhân dân.

Câu 21: Hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng 1945 là gì?

- A. Thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói.
- B. củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.
- C. Quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.
- D. Thành lập chính phủ chính thức và thông qua hiến pháp mới.

Câu 22: Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

- A. Thời gian đàm phán ngắn.
- B. Pháp âm mưu kéo dài thêm chiến tranh xâm lược nước ta.
- C. Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.
- D. Ta chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Câu 23: Sau cách mạng tháng Tám khó khăn nào lớn nhất đưa nước ta vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

- A. Khó khăn về VH-XH.
- B. Giặc ngoại xâm.
- C. Khó khăn về kinh tế.
- D. Khó khăn về tài chính.

Câu 24: Sự kiện mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai của Pháp là

- A. đánh úp trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn(23/9/1945).
- B. xả súng vào đám đông khi nhân dân Sài Gòn- Chợ Lớn mít tinh chào mừng ngày độc lập(2/9/1945).
- C. cho quân quấy nhiễu nhân ngày tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

D. thành lập đội quân viễn chinh và bổ nhiệm Cao uỷ Pháp ở Đông Dương ngay sau khi Nhậ đầu hàng.

Câu 25: Để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, ngay sau ngày cách mạng tháng Tám 1945 Đảng ta đã thực hiện việc

- A. tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.
- B. thành lập Nha Bình dân học vụ.
- C. phát động phong trào nhường cơm sẻ áo.
- D. thành lập các đoàn quân Nam tiến.

Câu 26: Để giải quyết nạn đói trước mắt sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có biện pháp gì dưới đây?

- A. Nhường cơm sẻ áo, hũ gạo cứu đói.
- B. Cấm dùng gạo, ngô để nấu rượu.
- C. Tịch thu gạo của người giàu chia cho người nghèo.
- D. Kêu gọi sự cứu trợ của thế giới.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây không nằm trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946?

- A. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.
- B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- C. Ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa
- D. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc

Câu 28: Ngày 6-1-1946, đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà?

- A. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I.
- B. Quốc hội đồng ý lưu hành đồng tiền Việt Nam.
- C. Việt Nam và Pháp kí Hiệp định Sơ bộ.
- D. Thông qua bản Hiến pháp đầu tiên.

BÀI 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1946-1950)

Câu 1: Nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) là

- A. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
- C. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 2: Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

- A. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
- C. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.
- D. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.

Câu 3: Mục tiêu của ta trong chiến dịch Biên giới thu-đông 1950, ngoại trừ

- A. khai thông đường biên giới Việt-Trung.
- B. giam chân địch ở vùng rừng núi.
- C. tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- D. mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 4: Tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam trong lời kêu gọi toàn quốc được Đảng và nhà nước ta phát huy như thế nào trong cuộc đấu tranh chủ quyền biển đảo với Trung Quốc hiện nay ?

- A. Đấu tranh hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế.
- B. Đàm phán, chia sẻ với Trung Quốc.
- C. Nhân nhượng Trung Quốc một số điều khoản.
- D. Chấp nhận đổi một phần chủ quyền biển đảo cho một số lợi ích khác.

Câu 5: Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu đông 1947, Đảng ta đã có chỉ thị

- A. "đánh nhanh thắng nhanh".
- B. "phải phòng ngự trước, tiến công sau"
- C. "phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp".
- D. "phải thực hiện tiến công chiến lược lên biên giới".

Câu 6: Hành động của Pháp sau hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 đã cho ta thấy điều gì?

- A. Pháp chỉ cần một số quyền lợi.
- B. Pháp muốn khẳng định thế mạnh ở Đông Dương.
- C. Pháp muốn đàm phán với ta.
- D. Pháp quyết tâm xâm lược nước ta lần nữa.

Câu 7: Sau Tạm ước 14-9-1946, ở miền Bắc quân Pháp khiêu khích tiến công quân ta ở những đâu?

- A. Hà Nội- Bắc Ninh.
- B. Hải Phòng- Lạng Sơn.
- C. Hải Phòng- Quảng Ninh.
- D. Lạng Sơn- Thái Nguyên.

Câu 8: Yếu tố nào sau đây không phản ánh bước phát triển cao hơn của chiến dịch Biên giới so với chiến dịch Việt Bắc?

- A. Ta chủ động mở chiến dịch.
- B. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.
- C. Phương thức tác chiến đa dạng.
- D. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 9: Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng được thể hiện qua các văn kiện:

- A. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi, Quân lệnh số 1.
- B. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi.
- C. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, Chỉ thị toàn dân kháng chiến.
- D. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi, Quân lệnh số 1.

Câu 10: Vì sao ta đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới 1950?

- A. Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.
- B. Quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.
- C. Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.
- D. Để cắt đứt hệ thống phòng thủ của Pháp.

Câu 11: Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xuất phát từ lý do chủ yếu nào?

- A. Nền độc lập chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.
- B. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.
- C. Pháp không thực hiện Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.
- D. Pháp khiêu khích ta ở Hà Nội.

Câu 12: Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh du kích ngăn ngày của ta?

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 13: Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng 12-1946 đã phát huy đường lối đấu tranh nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Chiến tranh nhân dân.
- B. Chiến tranh tranh thủ sự giúp đỡ hoàn toàn bên ngoài.
- C. Chiến tranh tâm lý.
- D. Chiến tranh đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 14: Ý nào không phản ánh đúng điểm chung trong các kế hoạch: Rove (1949), Đờ lát đơ tátxinhi (1950) Nava (1953) của thực dân Pháp?

- A. Nhằm mục đích nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- B. Phô trương thanh thế cho chính quyền tay sai.
- C. Đề ra trong thế bị động, sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.

D. Có sự đồng ý và viện trợ của Mĩ.

Câu 15: Hành động của Pháp từ sau Hiệp định sơ bộ đến trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện điều gì sau đây?

- A. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng
- B. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.
- C. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!
- D. Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

Câu 16: Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954) là chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.
- B. Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950.
- C. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 17: Đảng và Chính phủ quyết định kêu gọi toàn dân kháng chiến chống Pháp vào tháng 12-1946 vì

- A. Pháp được Mĩ tăng cường viện trợ.
- B. lợi dụng thời điểm Pháp đang trên đà thất bại, ta đánh đuổi pháp về nước
- C. không thể tiếp tục nhân nhượng Pháp khi Pháp có hành động xâm lược ngày càng trắng trợn.
- D. nhờ có sự ủng hộ to lớn của Liên xô và Trung Quốc giúp ta đủ lực đánh Pháp.

Câu 18: Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Đảng và chính phủ ta đã

- A. dời thời cơ phản công Pháp.
- B. tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.
- C. Việt Bắc là trung tâm của thủ đô Hà Nội.
- D. chuẩn bị kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 19: Kết quả của cuộc chiến đấu chống Pháp ở Hà Nội của quân dân ta

- A. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.
- B. giải phóng được thủ đô Hà Nội.
- C. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến.
- D. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.

Câu 20: Trong chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

- A. Trận đánh Đông Khê.
- B. Phục kích đánh địch trên đường số 4.
- C. Phục kích địch từ Cao Bằng rút chạy.
- D. Trận đánh Thất Khê.

Câu 21: Với chiến thắng Biên giới 1950, kế hoạch Rơ-ve như thế nào?

- A. Không bị phá sản.
- B. Bị phá sản hoàn toàn.
- C. Bị phá sản một bước.
- D. Bước đầu giành thắng lợi.

Câu 22: Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ?

- A. Trung đoàn thủ đô.
- B. Việt Nam giải phóng quân.
- C. Cứu quốc quân.
- D. Dân quân du kích.

Câu 23: Đầu 1950, việc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta thể hiện

- A. chỉ các nước xã hội chủ nghĩa muốn đặt quan hệ ngoại giao với ta.
- B. vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế.
- C. nước ta muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới.
- D. nước ta chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 24: Đầu 1950, Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương chứng tỏ

- A. Mĩ sẽ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.
- B. nhân dân Đông Dương giờ đây chỉ tập trung đối phó với Mĩ.
- C. Mĩ chỉ muốn hỗ trợ Pháp trong chiến tranh Đông Dương.
- D. cuộc chiến tranh Đông Dương mang thêm tính chất của cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 25: Đầu năm 1950 chính phủ Liên Xô và các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam thể hiện tinh thần chủ yếu nào sau đây trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Xu thế hòa hoãn Đông- Tây.
- B. Sự tương trợ của phe xã hội chủ nghĩa.
- C. Sự đối đầu Đông- Tây.
- D. Chiến tranh lạnh.

Câu 26: Sự kiện trực tiếp nào đưa đến việc Đảng ta quyết định toàn quốc kháng chiến chống Pháp

- A. Pháp gửi tới hậu thư buộc ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.
- B. Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.
- C. Hội nghị Phôngtennoblô thất bại.
- D. Pháp tấn công Nam Bộ và Nam Trung bộ.

Câu 27: Với việc đề ra kế hoạch Rơ-ve, vai trò của Mĩ đối với cuộc chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?

- A. Hắt cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.
- B. Không can thiệp vào Đông Dương.
- C. Can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
- D. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.

Câu 28: Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
- B. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.
- C. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.

Câu 29: Tình thế của Pháp sau hai chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 và Biên giới thu-đông 1950 là

- A. thua cuộc, Pháp phải đàm phán kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. càng có lợi thế, bao vây tăng cường hơn nữa căn cứ địa Việt Bắc.
- C. càng đánh càng thua, sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- D. Pháp vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

Câu 30: Điểm mới của chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 so với chiến dịch Việt Bắc

- A. Pháp chủ động đánh ta.
- B. Pháp bị thất bại.
- C. Ta khai thông được biên giới Việt - Trung.
- D. Ta chủ động đánh Pháp.

Câu 31: Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.
- B. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
- C. buộc Pháp phải chuyển từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh lâu dài" với ta.
- D. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.

Câu 32: Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian

1. Ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê.
2. Quân ta chặn đánh địch làm cho hai cánh quân không gặp được nhau.
3. Quân ta nổ súng đánh vào Đông Khê.
4. Đường số 4 được giải phóng.

- A. 4,3,2,1.
- B. 2,3,4,1.
- C. 1,2,3,4.
- D. 3,1,2,4.

Câu 33: Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh, nội dung nào sau đây thể hiện cơ bản nhất tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam?

- A. "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng".

- B. "Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc".
- C. "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, ...".
- D. "Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

Câu 34: Chiến thuật của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc là

- A. tạo thế 2 gọng kiềm và khép lại ở Đài Thị.
- B. tạo 2 gọng kiềm từ Thất Khê và Cao Bằng lên.
- C. bao vây, triệt đường tiếp tế của ta.
- D. nhảy dù bất ngờ tấn công vào Việt Bắc.

Câu 35: Tính chủ động giữa ta và Pháp trong hai chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 và Biên giới thu-đông 1950 là

- A. Pháp chủ động trong chiến dịch Việt Bắc, ta chủ động trong chiến dịch Biên giới.
- B. Pháp đều chủ động đánh ta.
- C. Pháp chủ động trong chiến dịch Biên giới, ta chủ động trong chiến dịch Việt Bắc.
- D. ta đều chủ động đánh Pháp.

Câu 36: Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu- đông 1947 nhằm mục đích

- A. khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của ta.
- B. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.
- C. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.
- D. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 37: Sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, thực dân Pháp đã

- A. nghiêm chỉnh thực hiện theo nội dung văn kiện đã kí kết.
- B. chỉ hiện một số điều trong các văn kiện đã kí kết.
- C. buộc ta kí tiếp tục kí kết những văn kiện nhân nhượng khác.
- D. vi phạm những điều đã kí kết .

Câu 38: Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 đều có liên quan đến

- A. mở đường khai thông sang Trung Quốc.
- B. chiến trường Đông Dương.
- C. căn cứ địa Việt Bắc
- D. hậu phương của ta.

Câu 39: Theo kế hoạch Rove, thực dân Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì?

- A. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với liên khu III, IV.
- B. Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.
- C. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.
- D. Ngăn chặn sự liên lạc của ta với thế giới.

Câu 40: Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới thu-đông 1950?

- A. Bảo vệ thủ đô Hà Nội.
- B. Đánh tan quân Pháp ở Việt Bắc, buộc chúng chấm dứt chiến tranh xâm lược.
- C. Tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới và củng cố căn cứ địa.
- D. Nhằm phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp.

Câu 41: Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta không được thể hiện trong văn kiện nào?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.
- B. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Tổng Bí thư Trường Chinh.
- C. Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban thường vụ trung ương Đảng.
- D. Chỉ thị phải "phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp" do Đảng đưa ra.

Câu 42: Khó khăn mới đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là gì?

- A. Pháp đẩy mạnh xây dựng quân đội tay sai và thành lập chính quyền bù nhìn.
- B. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiến hành trong điều kiện hoàn toàn tự lực cánh sinh.
- C. Tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch theo hướng có lợi cho Pháp, bất lợi cho ta.
- D. Mĩ can thiệp sâu và "dính liú" trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

Câu 43: Tính quyết tâm trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện ở câu

- A. bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.
- B. ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm... ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. ..
- C. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...
- D. chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

BÀI 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1951-1953).

Câu 1: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhơ năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Viện trợ của Mĩ.
- B. Sự lớn mạnh của nguy quân.
- C. Kinh nghiệm chỉ huy của Tátxinhơ.
- D. Kinh tế Pháp phát triển.

Câu 2: Đại hội nào dưới đây đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác-Lênin riêng?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III (9-1960).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976)

Câu 3: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhơ (1950) được thực hiện đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

- A. Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta
- C. Gặp khó khăn trong việc tổ chức xây dựng lực lượng kháng chiến.
- D. Làm cho cuộc kháng chiến của ta trở nên khó khăn, phức tạp.

Câu 4: Mục đích chính của Pháp của việc tăng cường bình định vùng tạm chiếm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhơ (1950) là gì?

- A. Hạn chế sự chi viện của nhân dân cho lực lượng kháng chiến.
- B. Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh.
- C. Tăng cường kiểm soát nhân ta trong vùng tạm chiếm.
- D. Làm lung lay tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.

Câu 5: Đảng, chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện "Tuần lễ vàng", "Quyế độc lập" nhằm mục đích gì?

- A. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.
- B. Quyên góp tiền để xây dựng đất nước.
- C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.
- D. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

Câu 6: Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ (9-1951) vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Củng cố vị thế của Mĩ ở Đông Dương.
- B. Ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.
- C. Can thiệp vào Đông Dương về kinh tế.
- D. Củng cố chính quyền Bảo Đại.

Câu 7: Quân Trung Hoa Dân quốc vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám thực chất nhằm

- A. Đánh quân Anh.
- B. Lật đổ chính quyền cách mạng của ta.

- C. Giúp đỡ chính quyền cách mạng nước ta. D. Giải giáp quân đội Nhật.

Câu 8: Lí do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi tạm thời hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc để chống Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc?

- A. Trung Hoa Dân quốc dùng bọn tay sai để phá ta từ bên trong.
B. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống nhiều kẻ thù mạnh.
C. Trung Hoa Dân quốc có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.
D. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của Anh.

Câu 9: Ngày 11/3/1951 diễn ra sự kiện tiêu biểu nào xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Thành lập Hội quốc dân Việt Nam. B. Thành lập mặt trận Việt Minh.
C. Thành lập mặt trận Việt-Miền-Lào. D. Thành lập mặt trận Liên Việt.

Câu 10: Đại hội nào dưới đây được xem là "Đại hội kháng chiến thắng lợi" ?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935).
B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976).
C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).
D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960).

Câu 11: Tình hình tài chính nước ta sau cách mạng tháng Tám như thế nào?

- A. Nền tài chính quốc gia bắt đầu được xây dựng.
B. Bị quân Trung Hoa Dân quốc thao túng, chi phối.
C. Lệ thuộc vào các ngân hàng Đông Dương.
D. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.

Câu 12: Mục tiêu trước mắt của việc phát triển ngụy quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xinhi (1950) là gì?

- A. Giúp cho ngụy quyền lớn mạnh. B. Đánh phá vùng nông thôn của ta.
C. Xây dựng quân đội quốc gia mạnh. D. Tăng cường lực lượng cho Pháp.

Câu 13: Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12-1950) vì lý do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Giúp Pháp kéo dài cuộc chiến ở Đông Dương.
B. Tăng cường sức mạnh cho mình ở Đông Dương.
C. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Mĩ ở Đông Dương.
D. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

Câu 14: Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mĩ và Pháp vào tháng 12-1950?

- A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mĩ-Pháp. B. Hiệp ước tương trợ Mĩ-Pháp.
C. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương. D. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

Câu 15: Lí do nào dưới đây chính phủ ta quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất (1953)?

- A. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất trong nông nghiệp.
B. Nhanh chóng khôi phục lại nông nghiệp.
C. Đáp ứng nhu cầu lương thực phục vụ cho chiến trường.
D. Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân.

Câu 16: Mục đích chính của Pháp khi thiết lập vành đai trắng bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xinhi (1950)?

- A. Tăng cường kiểm soát nhân dân ta.
B. Ngăn chặn quân chủ lực của ta.
C. Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh.
D. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc.

Câu 17: Trước tình thế sa lầy của Pháp ở Đông Dương (1950-1953), Mỹ đã có hành động gì?

- A. Từng bước can thiệp sâu vào Đông Dương.
- B. Cầu kết với các thế lực phản động từng bước can thiệp vào Đông Dương.
- C. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.
- D. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

Câu 18: Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) đã quyết định đổi tên Đảng thành.

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Lao động Việt Nam
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Đảng Lao động Đông Dương.

Câu 19: Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

- A. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.
- B. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.
- C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương
- D. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.

Câu 20: Mặt trận Liên Việt thành lập là sự kết hợp của

- A. Mặt trận Việt Minh và Mặt Trận dân chủ Đông Dương.
- B. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Hội Liên Việt.
- D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và mặt trận Việt Minh.

Câu 21: Chủ trương của ta trong việc đối phó với Trung Hoa Dân quốc trước ngày 6/3/1946 là

- A. hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc để tập trung lực lượng đánh Pháp.
- B. dùng bạo lực cách mạng để trấn áp ngay từ đầu.
- C. dựa vào quân Anh để chống quân Trung Hoa dân quốc.
- D. chấp nhận tất cả các yêu sách của Trung Hoa dân quốc và tay sai.

Câu 22: Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mỹ với chính phủ Bảo Đại (9-1951)?

- A. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
- B. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ.
- C. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.
- D. Hiệp ước tương trợ Việt-Mĩ.

Câu 23: Sau thất bại ở Biên giới-thu đông năm 1950, đế quốc Pháp-Mĩ đã

- A. thực hiện kế hoạch Đờ lat đơ Tatxinhi.
- B. rút quân đội khỏi Đông Dương.
- C. tiếp tục đánh lên Việt Bắc.
- D. tăng cường quân đội ở Đông Dương.

Câu 24: Tháng 2-1951, tại Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.
- B. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương.
- D. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

Câu 25: Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng riêng vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Để phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.
- B. Để tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng
- C. Để nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.
- D. Để phù hợp với xu hướng phát triển của cách mạng.

Câu 26: Mục đích chủ yếu của việc tập trung quân Âu-Phi trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

- A. Bình định các vùng tạm chiếm của Pháp.
- B. Tiến hành chiến tranh toàn diện, tổng lực.
- C. Xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.
- D. Càn quét vào các căn cứ địa của quân dân ta.

Câu 27: Kế hoạch quân sự nào sau đây đã được thực dân Pháp thực hiện vào cuối năm 1950 ở Đông Dương?

- A. Kế hoạch Rove.
- B. Kế hoạch Nava.
- C. Kế hoạch đờ Lát đơ tátxinh.
- D. Kế hoạch Bôlae.

Câu 28: Mục đích chủ yếu của việc đưa người Việt Nam sang học ở Mỹ trong những năm 1950 là gì?

- A. Hỗ trợ đào tạo nhân tài cho Việt Nam.
- B. Ràng buộc nguy quyền vào Mỹ.
- C. Đào tạo tay sai cho Mỹ.
- D. Phát triển nguồn nhân lực của nguy quyền.

Câu 29: Đại hội Đảng toàn quốc lần II (2-1951) được gọi là "Đại hội kháng chiến thắng lợi" vì đánh dấu

- A. sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.
- B. sự phát triển của phong trào cách mạng Đông Dương.
- C. bước phát triển mới trong lãnh đạo của Đảng.
- D. sự thành công của đại hội toàn quốc lần II.

BÀI 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP KẾT THÚC (1953-1954).

Câu 1: Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp, thái độ của Mỹ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương như thế nào?

- A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- B. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.
- C. Không can thiệp vào Đông Dương.
- D. Can thiệp sâu vào Đông Dương.

Câu 2: Cuộc tiến công chiến lược của ta trong đông - xuân 1953 - 1954 đã

- A. buộc Mỹ phải trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.
- B. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, quân Pháp phải phân tán lực lượng.
- C. buộc Pháp chấm dứt chiến tranh Đông Dương.
- D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

Câu 3: Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

- A. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp - Mỹ.
- B. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.
- C. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.
- D. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán lực lượng.

Câu 4: Theo kế hoạch Nava, trong thu - đông 1953 và xuân 1954, hoạt động chính của quân đội Pháp ở Đông Dương là phòng ngự chiến lược ở

- A. miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Trung.
- B. miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Trung và miền Nam.
- C. miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.
- D. miền Trung, tấn công chiến lược ở miền Bắc và miền Nam.

Câu 5: Nava xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, gồm.

- A. 5 phân khu, 47 cứ điểm.
- B. 2 phân khu, 48 cứ điểm.
- C. 4 phân khu, 50 cứ điểm.
- D. 3 phân khu, 49 cứ điểm.

Câu 6: Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava ?

- A. Đông Xuân 1953-1954.
- B. Điện Biên Phủ 1954.
- C. Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào (1951-1953).
- D. Biên giới thu đông 1950.

Câu 7: Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm mục tiêu là

- A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.
- B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.
- C. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- D. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Câu 8: Nội dung chủ yếu trong bước thứ nhất của kế hoạch Nava là gì?

- A. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.
- B. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.
- C. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.
- D. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 9: Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp (1945 - 1954) được kết thúc bằng sự kiện nào?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.
- B. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (21 - 7 - 1954).

Câu 10: Tháng 5 - 1953, chính phủ Pháp đã cử tướng nào làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương?

- A. Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- B. Nava.
- C. Rove.
- D. Bôlae.

Câu 11: Từ thu - đông 1953, Nava tập trung quân ở khu vực nào?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Thượng Lào.
- D. Đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 12: Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong đông - xuân 1953 - 1954?

- A. Giành thắng lợi về quân sự trong đông - xuân 1953-1954, buộc Pháp phải đàm phán kết thúc chiến tranh.
- B. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán, kết thúc chiến tranh.
- C. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.
- D. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng, kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 13: Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến giữa ta và Pháp?

- A. Điện Biên Phủ được địch chiếm từ lâu và xây dựng kiên cố.
- B. Pháp đánh giá sai khả năng của ta.
- C. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng, được Pháp xây dựng kiên cố và cách xa hậu phương của ta.
- D. Đây là pháo đài bất khả xâm phạm của Pháp.

Câu 14: Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, âm mưu của Pháp - Mĩ là

- A. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. giành lấy một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- C. giành một thắng lợi quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".
- D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

Câu 15: Điểm chính của kế hoạch Nava là

- A. tập trung binh lực nhằm giành thắng lợi quyết định
- B. giữ thế phòng ngự ở miền Bắc.
- C. tấn công chiến lược ở miền Bắc
- D. tấn công chiến lược ở miền Nam.

Câu 16: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. Chớp đúng thời cơ.

- C. Sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và loài người tiến bộ.
- D. Lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh.

Câu 17: Âm mưu cơ bản của Pháp - Mỹ khi xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

- A. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
- B. bảo vệ vùng Tây Bắc Việt Nam.
- C. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- D. ngăn chặn đường liên lạc giữa ta với Trung Quốc.

Câu 18: Bước vào Đông - Xuân 1953 - 1954, Pháp - Mỹ hi vọng giành thắng lợi quyết định kết thúc chiến tranh trong danh dự bằng việc đề ra

- A. kế hoạch Đờ Caxtori.
- B. kế hoạch Đờ Lát đờ Tátxinhì.
- C. kế hoạch Na va.
- D. kế hoạch Rove.

Câu 19: Kế hoạch Nava ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?

- A. Quân Pháp lâm vào thế phòng ngự, bị động.
- B. Quân pháp giành nhiều thắng lợi trên chiến trường.
- C. Thế lực quân Pháp đều suy yếu.
- D. Quân Pháp giữ thế chủ động trên chiến trường chính.

Câu 20: Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận nào?

- A. Chính trị, văn hóa.
- B. Chính trị, ngoại giao.
- C. Quân sự.
- D. Kinh tế, văn hóa.

BÀI 21. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN MIỀN NAM (1954-1965).

Câu 1: Đại hội lần III của Đảng Lao động Việt Nam xác định nhiệm vụ cách mạng của:

- A. cả nước và từng miền
- B. cả nước
- C. miền Bắc
- D. miền Nam

Câu 2: Thắng lợi quân sự nào của quân và dân miền Nam đánh dấu chiến lược chiến tranh đặc biệt cơ bản bị phá sản?

- A. Thắng lợi ở An Lão
- B. Thắng lợi ở Bình Giã
- C. Thắng lợi ở Ba Gia
- D. Thắng lợi ở Ấp Bắc

Câu 3: “Áp chiến lược” được Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” của:

- A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”
- B. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”
- C. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”
- D. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

Câu 4: Trong phong trào Đồng khởi, cùng với việc giải tán chính quyền địch, thành lập ủy ban nhân dân tự quản, quần chúng nhân dân đã làm gì?

- A. Bài trừ các tệ nạn xã hội
- B. Thành lập lực lượng vũ trang
- C. Xóa bỏ các thứ thuế vô lý
- D. Thực hiện giảm tô

Câu 5: Thực dân Pháp rút quân khỏi miền Nam Việt Nam vào thời điểm nào?

- A. khi chưa thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam-Bắc Việt Nam theo quy định của Hiệp định Giơnevơ 1954
- B. khi Mỹ đưa quân vào miền Nam Việt Nam
- C. sau khi Hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết
- D. khi Mỹ dựng nên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam

Câu 6: Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm tại hội nghị nào?

- A. Hội nghị Trung ương 21
- B. Hội nghị Trung ương 15
- C. Hội nghị Trung ương 8
- D. Hội nghị Trung ương 6

Câu 7: Âm mưu của Mỹ đối với Miền Nam Việt Nam là:

- A. Phá bỏ những điều khoản của Hiệp định Gionevơ 1954
- B. Duy trì ách thống trị theo kiểu chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp
- C. Chia cắt Việt Nam
- D. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ

Câu 8: Trong giai đoạn 1954-1975, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò như thế nào?

- A. Quyết định nhất
- B. Quyết định trực tiếp
- C. Quyết định về mọi mặt
- D. Quan trọng nhất

Câu 9: Trong những năm 1961-1965, Mỹ đã thực hiện chiến lược nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh cục bộ
- B. Chiến tranh đặc biệt tăng cường
- C. Việt Nam hóa chiến tranh
- D. Chiến tranh đặc biệt

Câu 10: Ngày 20/12/1960 là ngày thành lập:

- A. Đội quân tóc dài
- B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
- C. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam
- D. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam

Câu 11: Phong trào Đồng Khởi phát triển mạnh mẽ nhất ở địa phương nào?

- A. Ninh Thuận
- B. Bình Định
- C. Quảng Ngãi
- D. Bến Tre

Câu 12: Hiệp định Gionevơ 1954 được ký kết đã:

- A. buộc Pháp rút quân khỏi ba nước Đông Dương
- B. chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương của thực dân Pháp, có sự giúp sức của Mỹ.
- C. chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Mỹ
- D. buộc Mỹ chấm dứt sự can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương

Câu 13: Sau khi Hiệp định Gionevơ 1954 được ký kết, Mỹ đã dựng nên chính quyền tay sai nào ở miền Nam?

- A. Bảo Đại
- B. Dương Văn Minh
- C. Nguyễn Văn Thiệu
- D. Ngô Đình Diệm

Câu 14: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 15 (1/1959) xác định phương pháp đấu tranh của cách mạng miền Nam là gì?

- A. Đấu tranh vũ trang
- B. Đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang
- C. Vận động ngoại giao
- D. Đấu tranh chính trị

Câu 15: Phong trào đấu tranh trên ba mặt trận của quân và dân Miền Nam trong những năm 1961-1963 đã:

- A. buộc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc
- B. làm cho mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn ngày càng tăng
- C. đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm
- D. buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh đặc biệt

Câu 16: Mỹ đề ra “Kế hoạch Stalây – Taylo” nhằm bình định miền Nam trong vòng bao nhiêu tháng:

- A. 17 tháng.
- B. 18 tháng.
- C. 16 tháng.
- D. 19 tháng.

Câu 17: Từ sau Hiệp định Gionevơ 1954, miền Nam Việt Nam thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Cùng với miền Bắc tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- B. Hoàn thành cải cách ruộng đất
- C. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- D. Khôi phục kinh tế

Câu 18: Tình hình nước ta sau Hiệp định Gionevơ

- A. Vẫn nằm dưới sự chiếm đóng của thực dân Pháp
- B. Tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau

- C. Trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ
- D. Đất nước hoàn toàn giải phóng

Câu 19: Sự kiện nào dưới đây diễn ra vào ngày 10/10/1954?

- A. Trung ương Đảng, chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân thủ đô Hà Nội.
- B. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.
- C. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.
- D. Quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội.

Câu 20: Thủ đoạn nào sau đây không thể hiện trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mĩ?

- A. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc
- B. Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn
- C. Cho quân một số nước đồng minh vào miền Nam
- D. Thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam

Câu 21: Trong thời kì 1954-1975, phong trào nào là mốc đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. “Đồng khởi”.
- B. “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.
- C. “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”.
- D. Phá “ấp chiến lược”.

Câu 22: Chiến lược chiến tranh đặc biệt được tiến hành dựa vào lực lượng chủ yếu nào?

- A. Quân Mĩ
- B. Quân Mĩ và quân một số nước đồng minh của Mĩ
- C. Quân đội tay sai
- D. Quân một số nước đồng minh của Mĩ

Câu 23: Thắng lợi quân sự nào của quân và dân miền Nam mở ra khả năng có thể đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt?

- A. Thắng lợi ở Ấp Bắc
- B. Thắng lợi ở Bình Giả
- C. Thắng lợi ở An Lão
- D. Thắng lợi ở Ba Gia

Câu 24: Chủ trương của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam:

- A. xây dựng lực lượng để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang
- B. đấu tranh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm
- C. đoàn kết toàn dân đấu tranh lật đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm
- D. lãnh đạo nhân dân miền Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

Câu 25: Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam:

- A. giành được nhiều thắng lợi quan trọng
- B. chuyển sang thời kỳ mới, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang
- C. chuyển sang thời kỳ đấu tranh vũ trang
- D. gặp nhiều khó khăn, tổn thất

Câu 26: Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” là gì?

- A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ
- B. Chấm dứt thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ
- C. Làm lung lay chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- D. Đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

Câu 27: Từ 1954 đến 1957, miền Bắc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ

- A. Bước đầu phát triển kinh tế - xã hội
- B. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất
- C. Cải tạo quan hệ sản xuất
- D. Hoàn thành cải cách ruộng đất

Câu 28: Nội dung chủ yếu của kế hoạch Xtalây – Taylo:

- A. Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn
- B. Tăng cường quân Mỹ vào miền Nam
- C. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc
- D. Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng

Câu 29: Trong những năm 1957-1959, ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm đã:

- A. thực hiện chiến lược lấp chỗ trống
- B. tiến hành khôi phục kinh tế
- C. tổ chức phong trào hòa bình
- D. ra luật 10/59

Câu 30: Trên mặt trận chính trị, phong trào đấu tranh của lực lượng nào là tiêu biểu nhất của cách mạng miền Nam trong những năm 1961-1965?

- A. Đội quân tóc dài
- B. Công nhân
- C. Đồng bào Phật giáo
- D. Học sinh, sinh viên

Câu 31: Chiến lược chiến tranh đặc biệt được thực hiện dưới thời kỳ tổng thống nào của nước Mĩ?

- A. Aixenhao
- B. Nich xon
- C. Kennody và Giônxon
- D. Kennody

Câu 32: Cho tên các cơ quan, tổ chức: Trung ương cục miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Hãy sắp xếp theo thời gian ra đời?

- A. 1,3,4,2
- B. 4,2,1,3
- C. 2,1,3,4
- D. 3,4,1,2

Câu 33: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 15 (1/1959), xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là gì?

- A. Buộc Mĩ rút quân về nước
- B. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- C. Lật đổ chính quyền Mĩ – Diệm
- D. Đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954

Câu 34: Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam là do:

- A. tổng thống Kennody bị ám sát
- B. chưa bình định được miền Nam
- C. hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại
- D. phong trào Đồng khởi của nhân miền Nam thắng lợi

Câu 35: Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là do:

- A. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.
- B. không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hoà bình được nữa.
- C. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.
- D. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

Câu 36: Năm 1960 là năm diễn ra Đại hội lần thứ bao nhiêu của Đảng?

- A. Đại hội III
- B. Đại hội II
- C. Đại hội I
- D. Đại hội IV

Câu 37: Âm mưu cơ bản của chiến lược chiến tranh đặc biệt là gì?

- A. Dùng người Việt đánh người Việt
- B. Tiêu diệt lực lượng cách mạng
- C. Tìm diệt cơ quan đầu não kháng chiến
- D. Bình định miền Nam

BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973).

Câu 1: Ngày 06-06-1969 gắn liền với sự kiện nào trong lịch sử dân tộc ta?

- A. Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc lần hai.
- B. Diễn ra Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
- C. Phái đoàn ta do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Pari.
- D. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 2: Đế quốc Mĩ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam vào những năm:

- A. 1961-1965
- B. 1965-1968
- C. 1969-1973
- D. 1968-1972

Câu 3: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 có ý nghĩa:

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.
- B. Buộc Mĩ phải rút hết quân về nước.
- C. Buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari.
- D. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh; buộc

Mĩ phải kí hiệp định Pari.

Câu 4: *Mĩ thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” thực chất là thực hiện âm mưu:*

- A. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.
- B. Dùng người Việt đánh người Việt.
- C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường
- D. Bình định miền Nam.

Câu 5: *Điểm khác nhau giữa “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt nam hóa chiến tranh” là gì?*

- A. Có sự phối hợp đáng kể của lực lượng chiến đấu Mỹ.
- B. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân nguy.
- C. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mỹ.
- D. Dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ.

Câu 6: *Âm mưu của Mĩ trong việc thực hiện chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần 1) là:*

- A. Buộc ta phải đàm phán với Mĩ theo những điều khoản có lợi cho chúng.
- B. Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.
- C. Nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
- D. Biến miền Bắc quay lại “thời kì đồ đá”

Câu 7: *Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói câu nói nổi tiếng: “không có gì quý hơn độc lập tự do” vào thời điểm nào?*

- A. Ngày 17/7/1966 trong lời kêu gọi của Người.
- B. Ngày 23/9/1945: khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai.
- C. Ngày 6/6/1969: chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.
- D. Trong bản di chúc của Người.

Câu 8: *Chiến thắng nào của ta đã làm phá sản mục tiêu chiến lược “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ?*

- A. Chiến thắng Ba Gia.
- B. Chiến thắng mùa khô 1965-1966, 1966-1967.
- C. Chiến thắng Đồng Xoài.
- D. Chiến thắng Ấp Bắc.

Câu 9: *Trong các ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 nêu dưới đây, ý nghĩa nào là quan trọng nhất?*

- A. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.
- B. Khẳng định tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân ta.
- C. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.
- D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà.

Câu 10: *Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng:*

- A. Quân viễn chinh Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.
- B. Quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mĩ, do Mĩ cố vấn Mĩ chỉ huy.
- C. Quân đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ.
- D. Quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mĩ và quân đồng minh.

Câu 11: *Ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 xuất phát từ:*

- A. Nhận định so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.
- B. Mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử Tổng thống 1968.
- C. Nhận định so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô, mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử Tổng thống 1968.
- D. Yêu cầu mở rộng vùng giải phóng của ta.

Câu 12: *Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được thực hiện dưới thời tổng thống Mĩ:*

- A. Giôn xon
- B. Nich xon
- C. Pho
- D. Ke-nơ-đi

Câu 13: *Âm mưu của Mĩ trong “chiến lược chiến tranh cục bộ” là:*

- A. Buộc ta phải đàm phán với Mĩ theo những điều khoản có lợi cho Mĩ.
- B. Biến miền Bắc Việt Nam quay lại thời kì đồ đá.

C. Tạo nên ưu thế về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta, cố giành lại thế chủ động trên chiến trường.

D. Dùng người Việt đánh người Việt.

Câu 14: Ních-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào ngày:

A. 29-12-1972

B. 16-4-1972

C. 6-4-1972

D. 18-12-1972

Câu 15: Năm 1969 Nixon đề ra chiến lược toàn cầu mang tên:

A. Học thuyết Nixon.

B. Đưa bên miệng hồ chiến tranh.

C. Ngăn đe thực tế.

D. Phản ứng linh hoạt.

Câu 16: Đến giữa năm 1965, Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” vì:

A. Muốn tạo điều kiện mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương.

B. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị phá sản.

C. Muốn kết thúc nhanh cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Ngăn chặn sự chi viện của Trung Quốc cho Việt Nam.

Câu 17: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có cơ quan thường trực ở các nước Xã hội chủ nghĩa và một số nước khác vào năm:

A. 1967

B. 1968

C. 1965

D. 1970

Câu 18: Cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966- 1967 vào Đông nam bộ là cuộc hành quân nào?

A. Cuộc hành quân ánh sáng sao.

B. Gianxơn xity.

C. Atonbôr.

D. Xêđanphôn

Câu 19: Chiến thắng Vạn Tường (18- 8- 1965) đã chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang CM miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.

B. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

C. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành.

D. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.

Câu 20: Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí vào ngày:

A. 21-7-1973

B. 27-1-1973

C. 18-12-1972

D. 15-1-1973

Câu 21: Năm 1972, quân và dân ở miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược ở khắp chiến trường miền Nam bắt đầu từ ngày:

A. 30-3-1972

B. 16-4-1972

C. 18-12-1972

D. 6-4-1972

Câu 22: Thắng lợi chính trị mở đầu cho phong trào chống “Việt Nam hóa chiến tranh” là sự ra đời của:

A. Liên minh chiến đấu Việt – Miên – Lào.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 23: Nhân dân Quảng Nam được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu “trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ” sau khi giành chiến thắng ở:

A. Vạn Tường

B. Núi Thành

C. Trung Phước

D. Bò Bò

Câu 24: Âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965-1968) không bao gồm ý nào sau đây:

A. Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường.

B. Mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào đất thánh Việt cộng.

C. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để có thể áp đảo quân chủ lực của ta.

D. Tiếp tục thực hiện mục tiêu lập 16.000 ấp chiến lược trên toàn miền Nam.

Câu 25: Đế quốc Mỹ bắt đầu đề ra chiến lược “chiến tranh cục bộ” vào:

A. Giữa 1965

B. Đầu 1965

C. Giữa 1965

D. Đầu 1964

Câu 26: Để mở đầu cho cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân ta đã tấn công vào nơi nào?

A. Đông Nam Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Nam Trung Bộ.

D. Quảng Trị.

Câu 27: Chiến thắng nào của ta đã mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” ?

A. Chiến thắng Vạn Tường

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Ba Gia.

Câu 28: “Đánh sập ngụy quân, ngụy quyền giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán rút quân về nước”. Đó là mục tiêu của ta trong:

A. Cuộc chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt”.

B. Cuộc Tiến công chiến lược 1972.

C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968.

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Câu 29: Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong “Chiến tranh cục bộ” là lực lượng nào?

A. Lực lượng quân ngụy.

B. Lực lượng quân chư hầu.

C. Lực lượng quân viễn chinh Mỹ

D. Lực lượng quân ngụy và chư hầu.

Câu 30: Hành động của Mỹ trong “chiến lược chiến tranh cục bộ” là:

A. Đàm phán với Liên Xô và Trung Quốc để cô lập cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam.

B. Gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mở các cuộc hành quân: ‘ánh sáng sao’, tìm diệt và bình định vào vùng đất thánh Việt cộng.

D. Dồn dân lập ấp chiến lược.

Câu 31: Đế quốc Mỹ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” vào:

A. 5/8/1965

B. 8/5/1965

C. 5/8/1964

D. 8/5/1964

Câu 32: Chiến thắng Vạn Tường có ý nghĩa:

A. Làm thất bại “chiến lược chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ.

C. Mở đầu cho cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam.

D. Tạo ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam.

Câu 33: Nhân dân ta chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ với ý chí:

A. Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng.

B. Một tấc không đi, một li không dời.

C. Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

D. Còn một tên xâm lược thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi.

Câu 34: Cuộc hành quân mang tên “ánh sáng sao” nhằm thí điểm cho chiến lược chiến tranh nào của Mỹ ?

A. Chiến tranh cục bộ.

B. Chiến tranh đơn phương.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 35: Chiến thắng nào của ta được xem là “Ấp Bắc” đối với quân Mỹ?

A. Vạn Tường.

B. Mùa khô 1965-1966

C. Mùa khô 1966-1967

D. Núi Thành

Câu 36: Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 có ý nghĩa:

A. Buộc Mỹ phải kí hiệp định Pari.

B. Mỹ phải tuyên bố rút quân về nước.

C. Buộc Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ hai.

D. Buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 37: Thắng lợi có ý nghĩa buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari là:

- A. Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719.
- B. Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- D. Thắng lợi của trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Câu 38: Ta mở cuộc Tổng tiến tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 không nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán rút quân về nước.
- B. Đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- C. Tiêu diệt bộ phận lực lượng quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.
- D. Buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari.

Câu 39: “Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mĩ, được tiến hành bằng:

- A. Lực lượng quân Mĩ.
- B. Quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn quân sự Mĩ.
- C. Lực lượng quân ngụy và quân đồng minh của Mĩ.
- D. Lực lượng quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

Câu 40: Trong cuộc đấu tranh chính trị chống “Việt nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở các thành thị miền Nam, vai trò quan trọng nhất thuộc về lực lượng nào?

- A. Tăng ni, Phật tử.
- B. Công nhân, nông dân.
- C. Tuổi trẻ, học sinh, sinh viên
- D. Nông dân.

BÀI 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975).

Câu 1: Thắng lợi của chiến dịch nào có ý nghĩa chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn Miền Nam.

- A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- D. Chiến dịch Tây Nguyên

Câu 2: Thắng lợi nào của quân ta đã cho thấy rõ sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế ?

- A. Thắng lợi trong chiến dịch Tây Nguyên
- B. Thắng lợi ở Đường 14- Phước Long
- C. Thắng lợi trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- D. Thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh

Câu 3: Ngày 24 – 3 - 75 ta đã giải phóng được:

- A. Quảng Ngãi
- B. Đà Nẵng.
- C. Chu Lai
- D. Tam Kỳ.

Câu 4: Nội dung nào trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam của Bộ chính trị thể hiện tính nhân văn sâu sắc nhất ?

- A. Bộ chính trị nhấn mạnh “ cả năm 1975 là thời cơ”
- B. Tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân
- C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng Miền Nam trong năm 1975
- D. Giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976

Câu 5: Bộ chính trị quyết định chọn nơi nào làm chiến dịch mở đầu cho cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân 1975 ?

- A. Huế - Đà Nẵng
- B. Quảng Trị
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 6: Trận đánh then chốt mở màn trong chiến dịch Tây Nguyên là:

- A. Đánh vào Plâyku
- B. Đánh vào Buôn Ma thuật

C. Đánh vào Kon Tum, Plâyku

D. Đánh vào Buôn Ma thuật và Plâyku

Câu 7: Vì sao Đảng ta quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975 ?

- A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, địch ở đây mỏng, bố phòng sơ hở
- B. Tây Nguyên có căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mỹ - ngụy ở Miền Nam
- C. Tây Nguyên là nơi có địa hình địa thế hiểm trở
- D. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, địch tập trung đông cổ nắm giữ

Câu 8: Tỉnh nào được giải phóng cuối cùng ở Miền Nam trong năm 1975 ?

- A. Bến tre
- B. Châu Đốc
- C. Hậu Giang
- D. Hà Tiên

Câu 9: 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiện gì ở Sài Gòn ?

- A. Xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập
- B. Năm cách quân của ta đồng loạt nổ súng tấn công vào trung tâm Sài Gòn
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng .
- D. Lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập

Câu 10: “ Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực. Năm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả 3 mặt trận quân sự, chính trị , ngoại giao ”. Cho biết xuất xứ câu nói trên .

- A. Trong Hội nghị thành lập Đảng (6/1/1930)
- B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7/1973)
- C. Trong Hội nghị lần thứ nhất BCH TW Đảng (10/1930) .
- D. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1/1959)

Câu 11: Dựa vào đâu mà Bộ chính trị nhận định: “ Thời cơ chiến lược đã đến , ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam ”

- A. Sau chiến dịch Tây Nguyên kết thúc
- B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang diễn ra quyết liệt
- C. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế Đà Nẵng
- D. Sau chiến thắng Đường 14 Phước Long

Câu 12: Nguyên nhân nào có tính chất quyết định nhất đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ?

- A. Sự lãnh đạo đúng đắn sáng suốt , tài tình của Đảng ta
- B. Có hậu phương Miền bắc vững chắc
- C. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước
- D. Có sự giúp đỡ của các nước XHCN, tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương

Câu 13: Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng Miền Nam trong 2 năm đó là năm nào ?

- A. Năm 1972 và 1973
- B. Năm 1975 và 1976
- C. Năm 1974 và 1975
- D. Năm 1973 và 1974

Câu 14: 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiện gì ở Sài Gòn ?

- A. Lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng .
- C. Năm cách quân của ta đồng loạt nổ súng tấn công vào trung tâm Sài Gòn
- D. Xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập

Câu 15: “ Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước mùa mưa ”. Chủ trương này ra đời :

- A. Sau chiến thắng Đường 14 Phước Long
- B. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế Đà Nẵng
- C. Sau chiến dịch Tây Nguyên kết thúc
- D. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang diễn ra quyết liệt

Câu 16: Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai được giải phóng cùng thời gian với

- A. Giải phóng Đà Nẵng
- B. Giải phóng Buôn Ma thuật .
- C. Giải phóng Quảng Trị
- D. Giải phóng Huế

Câu 17: Chiến dịch Hồ Chí Minh được Bộ chính trị quyết định mang tên từ chiến dịch nào sau đây ?

- A. Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định
- B. Chiến dịch Tây Nguyên
- C. Chiến dịch Lam Sơn 719
- D. Chiến dịch Đường 14- Phước Long

Câu 18: Chiến dịch nào sau đây không nằm trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- D. Chiến dịch Đường 14- Phước Long

Câu 19: Ý nghĩa lớn nhất của Chiến dịch Tây Nguyên là :

A. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn Miền Nam.

B. Gây cho địch tâm lý tuyệt vọng, đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Miền Nam .

D. Là thắng lợi quyết định để kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu 20: Thắng lợi của chiến dịch nào đã gây cho địch tâm lý tuyệt vọng, đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

- A. Chiến dịch Tây Nguyên
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- D. Chiến dịch Đường 14- Phước Long

Câu 21: Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho Chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi lá cờ cách mạng của ta được cắm trên Dinh Độc Lập, đã diễn ra trong thời gian bao lâu ?

- A. 5 ngày
- B. 10 ngày
- C. 20 ngày
- D. 15 ngày

Câu 22: Ngày 26 tháng 4 năm 1975 quân ta được lệnh thực hiện nhiệm vụ gì ?

- A. Xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập
- B. Bắt sống Dương Văn Minh và toàn bộ nội các Sài Gòn
- C. Cắm cờ trên Dinh Độc Lập
- D. Nổ súng mở màn cho chiến dịch Hồ Chí Minh

Câu 23: Thắng lợi tiêu biểu nhất của quân và dân ta trong các đợt hoạt động quân sự cuối 1974 đầu 1975 là :

- A. Thắng lợi ở Đường 14- Phước Long
- B. Thắng lợi trên đường 9 Nam Lào
- C. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuật
- D. Thắng lợi ở Quảng Trị

Câu 24: Tinh thần : “ đi nhanh đến, đánh nhanh thắng ” và khí thế “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Đó là tinh thần và khí thế ra quân của ta trong :

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972
- B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Câu 25: Chiến dịch nào được coi như “ trận trình sát chiến lược ” của quân ta ?

- A. Chiến dịch Mậu Thân 1968
- B. Chiến dịch Tây Nguyên
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- D. Chiến dịch Đường 14- Phước Long

Câu 26: Thực hiện nghị quyết 21 của Đảng (7/1973), quân dân Miền Nam kiên quyết đánh trả địch và giành thắng lợi lớn ở chiến dịch nào ?

- A. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- B. Chiến dịch Tây Nguyên
- C. Chiến dịch Đường 14- Phước Long
- D. Chiến dịch Quảng Trị

Câu 27: Mốc mở đầu và kết thúc của Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975?

A. Từ 19-03 đến 02-5-1975.

B. Từ 4-3 đến 02-5-1975.

C. Từ 9-4 đến 30-4-1975.

D. Từ 26-4 đến 02-5-1975.

Câu 28: Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là gì?

A. Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới

B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. Chấm dứt ách thống trị của CNĐQ, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc.

D. Tạo điều kiện cho Lào và Campuchia giải phóng đất nước.

Câu 29: Dựa vào hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng ta đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam ?

A. Quân Mỹ và quân Đồng minh đã rút khỏi Miền nam, nguy mất chỗ dựa.

B. Khả năng chi viện của Miền Bắc cho Miền Nam .

C. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

D. Mỹ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 30: Mục tiêu chủ yếu của ta trong chiến dịch Tây Nguyên là :

A. Đánh chiếm Plâyku

B. Đánh chiếm Buôn Ma thuật và Plâyku

C. Đánh chiếm Buôn Ma Thuật .

D. Đánh chiếm Kon Tum, Plâyku .

BÀI 24. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC 1975.

Câu 1: Nội dung nào không là khó khăn của miền Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

A. Đội ngũ thất nghiệp đông.

B. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá.

C. Những tàn dư của chế độ cũ vẫn tồn tại.

D. Hậu quả của chiến tranh phá hoại.

Câu 2: Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

C. tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.

D. tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 3: Tinh thần gì được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đại đoàn kết dân tộc.

B. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

C. Yêu nước chống ngoại xâm.

D. Đoàn kết quốc tế vô sản.

Câu 4: Điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa hội là:

A. Độc lập.

B. Độc lập và thống nhất.

C. Tự do.

D. Dân chủ.

Câu 5: So với thời điểm sau năm 1954, tình hình miền Nam sau năm 1975 có gì nổi bật?

A. Hoàn toàn giải phóng.

B. Bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh phá hoại của Mỹ.

C. Mỹ dựng lên chế độ Ngô Đình Diệm.

D. Là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Câu 6: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam có đặc điểm

A. Tổ Quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ.

B. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

C. Tồn tại sự chia rẽ, phân biệt giữa hai miền.

D. Đất nước đã được thống nhất về mặt nhà nước.

Câu 7: Điều nào sau đây không phải là điểm giống nhau giữa kì bầu cử Quốc hội 1976 với kì bầu cử Quốc hội 1946?

A. Nhằm củng cố chế độ dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của cách mạng.

- C. Được tiến hành trên cả nước bằng phương pháp phổ thông đầu phiếu.
- D. Phát huy tinh thần yêu nước và ý thức công dân.

Câu 8: Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta trong năm 1977 là gì?

- A. Được 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.
- B. Trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- D. Gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 9: Nguyên nhân cơ bản nhất tạo nên những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930-2000 là

- A. Tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân.
- B. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- C. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta.
- D. Sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

Câu 10: Vì sao khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

- A. Đảng đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.
- B. Đảng đề ra chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Đảng đề ra chủ trương tăng cường đoàn kết dân tộc.
- D. Đảng đại diện cho lợi ích của nhân dân lao động.

Câu 11: Ngày 25/4/1976, diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước là

- A. nước ta đã sạch bóng quân thù.
- B. Quốc hội họp phiên họp đầu tiên.
- C. Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước.
- D. nước ta đã có Chủ tịch nước Việt Nam thống nhất.

Câu 12: Sự kiện gì đã diễn ra vào ngày 20 - 9 - 1977?

- A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- C. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- D. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 13: Những cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ để lại hậu quả đối với miền Bắc như thế nào?

- A. Làm chậm quá trình tiến lên sản xuất lớn.
- B. Nền kinh tế phát triển mất cân đối.
- C. Tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- D. Cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 14: Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân năm 1975?

- A. Là cơ sở để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- B. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
- C. Tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- D. Mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Câu 15: Cho các dữ liệu sau:

1. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
 2. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
 3. Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- A. 2,1,3.
- B. 2,3,1.
- C. 3,1,2.
- D. 3,2,1.

Câu 16: Ý nghĩa quan trọng nhất của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (1976) là gì?

- A. Bầu ra được các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- B. Hoàn thành công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Đưa cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.
- D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 17: Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc - Nam.
- B. hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
- C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 18: Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

- A. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).
- B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).
- C. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).
- D. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

Câu 19: Ngày 02/7/1976 gắn với sự kiện

- A. nước ta được công nhận là thành viên của Liên hiệp quốc.
- B. nước ta được hoàn toàn độc lập.
- C. nước ta lấy tên là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Câu 20: Kết quả nào cho thấy bước tiến lớn cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1976 so với cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm

- A. Cử tri tham gia bầu cử tăng lên.
- B. Chế độ dân chủ nhân dân được củng cố vững chắc.
- C. Đại biểu được bầu nhiều hơn.
- D. Nguyên vọng của nhân dân được đáp ứng đầy đủ.

Câu 21: Thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong hơn 20 năm tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-1975) là

- A. chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- B. xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa cộng sản.
- C. xây dựng xong cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 22: Nội dung nào không là tình hình chính trị, xã hội miền Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Cơ sở chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.
- B. Những di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.
- C. Cơ sở chính quyền của Pháp vẫn còn tồn tại.
- D. Chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền trung ương bị sụp đổ.

Câu 23: Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

- A. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.
- B. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.
- C. Bọn phản động trong nước vẫn còn.
- D. Hậu quả của chiến tranh và chế độ thực dân mới của Mỹ để lại rất nặng nề.

Câu 24: Tại sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.
- B. Nhân dân hai miền mong muốn có một cơ quan có quyền lực chung.

- C. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- D. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

Câu 25: Việc làm quan trọng để ổn định hệ thống chính quyền và hệ thống chính trị sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

- A. Xóa bỏ chính quyền cũ.
- B. Giải tán các đảng phái thân Mỹ.
- C. Thành lập chính quyền địa phương.
- D. Thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp

Câu 26: Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

- A. Tạo khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.
- B. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội
- C. Tạo điều kiện thuận lợi để khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội
- D. Tạo điều kiện chính trị để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 27: Sự kiện nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước?

- A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong toàn quốc.
- C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- D. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

Câu 28: Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa quan trọng gì?

- A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- D. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Câu 29: Nội dung nào sau đây không phản ánh ý nghĩa của hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1960?

- A. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- B. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho nhà nước cách mạng tồn tại.
- C. Đập tan những âm mưu chống phá của kẻ thù.
- D. Phát huy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

Câu 30: Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1960?

- A. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.
- B. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của kháng chiến chống ngoại xâm.
- C. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.
- D. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới.

Câu 31: Nguyên vọng chính đáng nhất của nhân dân hai miền Bắc - Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

- A. Muốn nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.
- B. Mong muốn đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ.
- C. Muốn mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.
- D. Mong muốn đất nước thống nhất về mặt nhà nước.

Câu 32: Quốc hội khóa VI (1976) của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội đã thông qua

- A. tổ chức kỷ niệm ngày nước ta thống nhất.
- B. chính sách cải tạo công thương nghiệp.

- C. hiệp ước hòa bình hữu nghị với Liên Xô.
- D. chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

BÀI 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986-2000).

Câu 1: Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị tại Đại hội VI là

- A. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- B. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.
- C. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế-chính trị đến tổ chức.
- D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 2: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

- A. Văn hóa.
- B. Chính trị.
- C. Kinh tế.
- D. Xã hội.

Câu 3: Đường lối đổi mới của Đảng ta tại Đại hội VI là đổi mới toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế.
- B. Văn hóa.
- C. Xã hội.
- D. Chính trị

Câu 4: Chọn một câu trả lời đúng nhất để điền vào chỗ trống về nhận định sau:

"Đảng và nhà nước ta tiến hành đổi mới tháng 12/1986 là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội nước ta, là sự (a) với (b) của thời đại".

- A. a. đúng đắn, b. xu thế chung.
- B. a. phù hợp, b. xu thế chung.
- C. a. đúng đắn, b. phù hợp.
- D. a. sáng tạo, b. xu thế chung.

Câu 5: Những thành tựu của nước ta đạt được trong 15 năm đổi mới đã khẳng định

- A. Tầm quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa.
- B. Nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp.
- C. Vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.
- D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của đổi mới là phù hợp.

Câu 6: Một trong những chủ trương của Đảng ta đề ra tại Đại Hội VI (1986) về đường lối đổi mới chính trị là

- A. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- B. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.
- C. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế-chính trị đến tổ chức.
- D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 7: Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, nhân dân ta đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực tài chính?

- A. Lạm phát ở mức cao, thiếu hụt ngân sách cao.
- B. Nạn lạm phát từng bước được đẩy lùi, tỉ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.
- C. Đồng tiền bị phá giá, ngân sách thiếu hụt.
- D. Lạm phát được đẩy lùi, thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

Câu 8: Vì sao một trong những mục tiêu của đường lối Đổi mới là đảm bảo lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân?

- A. Đã giải phóng được mọi tiềm năng của lực lượng sản xuất.
- B. Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.
- C. Khơi dậy được tài sức của nhân dân để bảo vệ và xây dựng đất nước.
- D. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

Câu 9: Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước như thế nào?

- A. Năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.
- B. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế-xã hội.

- C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.
- D. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất - kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.

Câu 10: *Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là thay đổi*

- A. đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- B. lí tưởng của chủ nghĩa xã hội.
- C. con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Câu 11: *Vì sao trong đường lối đổi mới (1986), Đảng chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm?*

- A. Do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.
- B. Do đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng.
- C. Do yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.
- D. Do hàng hóa trên thị trường khan hiếm.

Câu 12: *Năm 1995, thành công lớn của ngoại giao Việt Nam là gì?*

- A. Là thành viên của tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- B. Trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Tham gia diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương(APEC).
- D. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á(ASEAN).

Câu 13: *Điểm khác nhau về chính sách đối ngoại sau thời kì đổi mới so với trước đó là*

- A. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước Châu Âu.
- B. Việt Nam muốn là bạn với các nước trên thế giới.
- C. Việt Nam chủ yếu quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước ASEAN.

Câu 14: *Nội dung nào không phải là nguyên nhân cơ bản khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986?*

- A. Những thay đổi của tình hình đối của tình hình thế giới.
- B. Khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước.
- C. Khủng hoảng của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
- D. Do hậu quả của chiến tranh.

Câu 15: *Một trong những ý nghĩa to lớn của những thành tựu về kinh tế-xã hội của nước ta trong 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là*

- A. hàng hóa trên thị trường dồi dào, lưu thông thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước.
- B. tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, nhưng khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
- C. tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân.
- D. hệ thống chính trị đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.

Câu 16: *Ý nghĩa lớn nhất của chủ trương hình thành nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa được Đảng đề năm 1986 là*

- A. Tăng thêm các mặt hàng xuất khẩu có giá trị.
- B. Phát huy quyền làm chủ kinh tế, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng.
- C. Góp phần quan trọng ổn định đời sống của nhân dân.
- D. Chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn.

Câu 17: *Thành tựu cơ bản nhất của nước ta sau 20 năm (1986-2000) tiến hành công cuộc đổi mới là gì?*

- A. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn của thế giới.
- B. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông thuận lợi.
- C. Đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- D. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng về quy mô và hình thức.

Câu 18: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

- A. Kinh tế. B. Chính trị C. Xã hội. D. Văn hoá.

Câu 19: Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội VI (1986) là

- A. đổi mới về kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội.
B. đổi mới về chủ trương chính sách và chỉ đạo chiến lược.
C. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới kinh tế.
D. đổi mới để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế- xã hội.

Câu 20: Nội dung nào sau đây không phải là chủ trương đổi mới về kinh tế của Đảng?

- A. Hình thành cơ chế thị trường.
B. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
C. Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề.
D. Xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu.

Câu 21: Một trong những khó khăn và yếu kém về kinh tế - xã hội của nước ta sau 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là gì?

- A. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương ứng với vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể chưa mạnh.
B. Hiệu quả nền kinh tế quốc dân thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.
C. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn lạc hậu.
D. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.

Câu 22: Nguyên nhân quyết định làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là

- A. sự lãnh đạo sang suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
B. hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.
C. tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương
D. tinh thần đoàn kết, lao động cần cù của nhân dân Việt Nam.

Câu 23: Điểm mới của Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI (12.1986) có điểm gì mới so với những đại hội trước đó?

- A. Đề ra đường lối đổi mới đất nước. B. Đề ra đường lối xây dựng CNXH.
C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước. D. Kháng chiến thắng lợi.

Câu 24: Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000), cơ cấu các ngành kinh tế nước ta có sự chuyển biến như thế nào?

- A. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nông nghiệp hóa.
C. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công-nông kết hợp.
D. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Câu 25: Thành tựu quan trọng của Việt Nam trong kế hoạch 5 năm (1991-1995) trong lĩnh vực đối ngoại là gì?

- A. Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của quốc tế.
B. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Âu.
C. Đấu tranh ngoại giao, góp phần chấm dứt cuộc nội chiến ở Campuchia.
D. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Câu 26: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

- A. Làm cho mục tiêu đã đề ra thực hiện có hiệu quả và phù hợp với thực tiễn đất nước
B. Làm cho mục tiêu đã đề ra được nhanh chóng thực hiện.
C. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
D. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

Câu 27: Một trong những chủ trương của Đảng ta đề ra tại Đại Hội VI (1986) về đường lối đổi mới kinh tế là

- A. cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh.
- B. xây dựng một bước về cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới.
- C. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 28: Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

- A. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
- B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
- C. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
- D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 29: Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đề ra là gì?

- A. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. Phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp.
- C. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- D. Phát triển công-nông nghiệp, thủ công nghiệp theo hướng hàng hóa.

Câu 30: Tác động lớn nhất của tình hình thế giới đến công cuộc đổi mới của Đảng là

- A. chủ nghĩa tư bản trên thế giới đang lớn mạnh.
- B. chính sách diễn biến hoà bình của Mĩ.
- C. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- D. cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 31: Ba chương trình kinh tế nào được đưa ra trong kế hoạch nhà nước 5 năm 1986-1990?

- A. Vườn- ao -chuồng.
- B. Nông-lâm -ngư nghiệp.
- C. Lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- D. Lương thực-thực phẩm ,hàng xuất khẩu.

Câu 32: Đại hội nào của Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Đại hội V (1982).
- B. Đại hội VIII (1996).
- C. Đại hội VI (1986).
- D. Đại hội VII (1991).

Câu 33: Yếu tố quyết định nhất dẫn đến sự thành công trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới là

- A. đổi mới kinh tế-chính trị.
- B. đổi mới về chính sách đối ngoại.
- C. đổi mới về văn hóa -xã hội.
- D. đổi mới về tư duy, nhất là tư duy về kinh tế.

ĐÁP ÁN

Bài câu	1	2	3	4	6	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	26
1	C	B	C	B	D	B	A	D	B	D	C	D	C	C	B	A	D	A	D	D	D	A
2	A	D	A	C	C	C	B	A	D	C	A	C	B	B	A	B	B	B	B	B	B	B
3	C	A	C	B	D	B	A	B	C	A	C	B	C	C	B	D	D	A	A	D	A	A
4	D	B	A	C	C	C	B	A	D	B	A	A	B	B	A	B	B	B	B	B	B	B
5	A	A	C	B	D	B	D	B	C	A	D	B	C	C	C	D	D	A	A	D	A	D
6	B	B	A	C	B	C	B	A	D	B	A	A	A	B	D	B	B	B	B	B	B	A
7	A	A	C	B	D	B	D	D	C	A	D	B	B	D	B	D	D	D	A	A	A	B
8	B	B	A	D	B	A	B	C	B	B	A	A	A	A	D	B	B	B	B	B	B	D
9	A	A	C	B	D	B	D	D	A	A	D	B	B	D	B	D	D	D	C	A	C	B

10	B	B	B	D	B	A	B	C	B	C	A	D	A	B	D	C	B	B	B	B	A	D
11	A	C	D	B	D	B	C	D	A	B	C	B	B	D	A	D	D	D	C	C	C	B
12	C	B	B	D	C	A	B	C	B	C	B	D	A	B	B	C	C	B	B	A	A	D
13	B	C	D	B	B	C	C	D	A	B	C	B	D	D	A	D	C	D	C	B	C	B
14	C	A	B	A	C	D	D	C	B	C	B	D	B	B	B	C	C	B	B	A	A	D
15	B	C	D	D	B	A	D	D	A	A	C	C	D	D	C	D	A	C	A	B	C	C
16	C	C	C	C	C	D	C	C	B	B	B	D	B	C	B	B	B	B	B	D	B	B
17	B	C	D	D	D	A	D	B	A	A	B	C	D	A	C	A	A	C	A	A	C	C
18	C	C	B	C	A	D	A	B	B	B	B	D	B	C	B	B	C	B	B	D	B	B
19	A	D	D	D	A	A	A	B	C	A	B	C	D	A	C	A	A	D	A	A	C	C
20	B	D	B	C	B	C	B	B	B	B	C	A	C	C	A	B	C	C	B	C	B	B
21	C	D	A	A	A	C	A	A	C	A		C	A	B	B	A		A	A	A	D	A
22	D	D		B	C		C	A	B	B		A	C	C	A	B		C	D	D	C	A
23	D	D		A	A		A	A	C	D		B	A	B	B	A		A	B	A	D	A
24	D			C	B		A		A	B		A	C	A	A	C		C	D	D	C	A
25	D			A	A		C		C	D		C	A	A	B	A		D	A	D	D	A
26	D			C	C				C	D			C	A	A	C		D	D	C	C	A
27				A	C				C	C			A	C	C	C		D	A	B	A	C
28				D	A				D	A			A	A	D	C		D	C	C	B	C
29									D	C			D		C	C		D	C	C	A	C
30									D	A			D		D			C	C	C	B	C
31									A	A			D		C			C	C		D	C
32									A	D			D		D			C	C		D	D
33									A	D			B		A			C	C			D
34									D	D			C		A			C	A			
35										D			C		A			B	A			
36										B					D			A	D			
37										C					D			A	D			
38										C					C				D			
39										C					D				D			
40															C				C			
41															D							
42															D							
43															C							